

THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 11 NĂM 2025

THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Lê Huy Hoà. Lạc vào cõi sách / Lê Huy Hoà. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 195000đ. - 500b
T.1. - 2025. - 299 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 289-295 s611724
2. Lê Huy Hoà. Lạc vào cõi sách / Lê Huy Hoà. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 195000đ. - 500b
T.2. - 2025. - 299 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 291-297 s611725
3. Park Jong Hong. English collocations in news - Đọc tin không "vấp" / Park Jong Hong
; Phan Quỳnh Anh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 323 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 169000đ.
- 1500b s611765
4. Xuất bản điện tử, xuất bản số Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp
lần thứ tư : Sách chuyên khảo / Vũ Trọng Lâm (ch.b.), Nguyễn Thị Trang, Trần Chí Đạt... - H.
: Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 374 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 360-372 s611513

TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

5. Bài tập Tin học 7 / Hà Đặng Cao Tùng (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Bùi Việt Hà... - Tái
bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với
cuộc sống). - 14000đ. - 137519b s612482
6. Bài tập Tin học 7 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Phạm Duy Phương Chi, Quách Tất Hoàn...
- Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời
sáng tạo). - 13000đ. - 23000b s612475
7. Bài tập Tin học 8 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Quách Tất Hoàn, Hồ Thị Hồng... - Tái bản
lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng
tạo). - 19000đ. - 29000b s612476
8. Bài tập Tin học 9 / Hà Đặng Cao Tùng (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai. - Tái
bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức
với cuộc sống). - 14000đ. - 127517b s612483
9. Bài tập Tin học 9 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Quách Tất Hoàn, Nguyễn Tấn Phong... -
Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời
sáng tạo). - 16000đ. - 8000b s612477
10. Bài tập Tin học 11 - Định hướng tin học tin dụng / Phạm Thế Long (ch.b.), Nguyễn
Nam Hải, Dương Quỳnh Nga... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. :
minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 15000b s612484
11. Bài tập Tin học 12 - Định hướng khoa học máy tính / Hoàng Văn Kiếm (ch.b.), Phạm
Thị Quỳnh Anh, Trần Quang Vĩnh Chánh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025.
- 140 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 1000b s612479
12. Bài tập Tin học 12 - Định hướng tin học ứng dụng / Hoàng Văn Kiếm (ch.b.), Phạm
Thị Quỳnh Anh, Trần Quang Vĩnh Chánh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025.
- 140 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 1000b s612478

13. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tin học 6 / Kiều Phương Thủy (ch.b.), Phạm Thị Lan, Nguyễn Thị Hồng, Trần Thị Thu Bình. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612489
14. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tin học 7 / Kiều Phương Thủy (ch.b.), Trần Thị Thu Bình, Nguyễn Thị Hồng, Phạm Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612490
15. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tin học 8 / Kiều Phương Thủy (ch.b.), Trần Thị Thu Bình, Nguyễn Thị Hồng, Phạm Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612491
16. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tin học 9 / Kiều Phương Thủy (ch.b.), Trần Thị Thu Bình, Nguyễn Thị Hồng, Phạm Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612492
17. Bùi Thị Minh Tú. Giáo trình Lý thuyết thông tin / Bùi Thị Minh Tú (ch.b.), Võ Duy Phúc. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 218000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng. - Thư mục: tr. 219 s611600
18. Dickins, Rosie. Tớ học lập trình : Làm quen với lập trình Scratch / Rosie Dickins, Louie Stowell, Jonathan Melmoth ; Minh hoạ: Shaw Nielsen ; Fydz dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 105000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 92-95 s611781
19. Giáo trình Lập trình hướng đối tượng với C++ : Dành cho đào tạo đại học nhóm ngành Công nghệ thông tin / B.s.: Cao Thanh Sơn, Trần Thị Kim Oanh (ch.b.), Hoàng Hữu Việt, Nguyễn Ngọc Hiếu. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 251 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 100000đ. - 490b
Phụ lục: tr. 201-250. - Thư mục: tr. 251 s611487
20. Hao, Karen. Để chế OpenAI & ChatGPT : Trí tuệ nhân tạo không chỉ thay đổi công việc, mà đang tái định hình cán cân quyền lực và định hướng tương lai nhân loại / Karen Hao ; Phúc Thành dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 471 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách AI). - 299000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Empire of AI : Dreams and nightmares in Sam Altman's OpenAI s612111
21. Hoàng Sỹ Tương. Chiến tranh không gian mạng và việc xây dựng chiến lược an ninh mạng quốc gia / Hoàng Sỹ Tương, Hoàng Văn Thức, Đào Xuân Phúc. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 291 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 200000đ. - 100b
Thư mục: tr. 281-288 s612025
22. Hoàng Xuân Thảo. Giáo trình Trí tuệ nhân tạo AI : Từ trí tuệ con người đến trí tuệ máy. Ứng dụng AI / Hoàng Xuân Thảo. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 235 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu nghị. - Thư mục: tr. 229. - Phụ lục: tr. 230-235 s611863
23. Hồ Tú Bảo. AI và con người / Hồ Tú Bảo. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 263 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 260000đ. - 2000b s612024
24. Kissinger, Henry A. Thời đại AI và tương lai loài người chúng ta = The age of AI: And our human future / Henry A. Kissinger, Eric Schmidt, Daniel Huttenlocher ; Mai Chí Trung dịch. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - vii, 210 tr. ; 23 cm. - (Chuyển đổi số). - 120000đ. - 1500b s611836

25. Lãng Phong. AI Agent - Thiết kế, thực hành và kiến tạo tác nhân thông minh : Nâng tầm hiệu suất công việc... / Lãng Phong ; Anh Trịnh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 501 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Bộ sách Trí tuệ nhân tạo ứng dụng). - 269000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 开发与应用: 基于大模型的智能体构 s612107

26. Lưu Thuý Anh. Giải cứu đa vũ trụ mạng : Nhận diện và phòng tránh các rủi ro về an toàn trên không gian mạng / Lưu Thuý Anh, Nguyễn Khắc Anh Thư, Nguyễn Như Quỳnh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 70 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - (Cùng em lớn lên trong thời đại số). - 2000b s611976

27. Meadows, Donella H. Tư duy hệ thống : Nền tảng biến điều phức tạp thành đơn giản / Donella H. Meadows ; Hoàng Thảo dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 322 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 159000đ. - 5000b s611662

28. Nguyễn Quang Vinh. 101 phím tắt tin học văn phòng / Nguyễn Quang Vinh. - Tái bản. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 71 tr. : bảng ; 21 cm. - 79000đ. - 10000b s611973

29. Nguyễn Thuý Uyên Phương. Xin chào AI! Học và chơi cùng trí tuệ nhân tạo / Nguyễn Thuý Uyên Phương. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 167 tr. ; 20 cm. - 85000đ. - 1000b s611834

30. Nguyễn Văn Lượng. Ứng dụng AI ChatGPT trong công việc hằng ngày / Nguyễn Văn Lượng. - H. : Thông tin và Truyền thông. - 21 cm. - 155000đ. - 2000b

T.2: Xây dựng MyGPT - Trợ lý cá nhân đỉnh cao. - 2025. - 231 tr. : bảng s612016

31. Nguyễn Xuân Tài. Computer power index: Mã nguồn của tương lai số / Trần Mạnh Huy (ch.b.), Nguyễn Xuân Tài, Võ Công Khôi. - H. : Thế giới, 2025. - 307 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 259000đ. - 1000b s611726

32. Ôn tập hè Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh lớp 8 / Tôn Thân, Lê Thị Minh Nguyệt, Lương Quỳnh Trang. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 5000b s612786

33. Ôn tập hè: Toán - Tiếng Việt - Tiếng Anh lớp 5 / Phùng Như Thủy, Phạm Kim Chung, Đỗ Thị Ngọc Hiền. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 5000b s612791

34. Phạm Văn Cường. Giáo trình Kiến trúc máy tính / Phạm Văn Cường ch.b. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 292 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 159000đ. - 520b

ĐTTS ghi: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. - Thư mục cuối chính văn s612004

35. Tính toán phân tán = Distributed computing / Nguyễn Hà Huy Cường (ch.b.), Hồ Phan Hiếu, Cao Xuân Tuấn... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 371 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 300b

Thư mục: tr. 362-371 s612003

36. Trần Tiến Dũng. Giáo trình Lập trình Java nâng cao / Trần Tiến Dũng (ch.b.), Hà Mạnh Đào. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 204 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 75000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Thư mục: tr. 203 s612164

37. Vũ Cao Đàm. Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học / Vũ Cao Đàm. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 207 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 78000đ. - 1700b

Phụ lục: tr. 173-204. - Thư mục: tr. 205 s612147

TRIẾT HỌC

38. Ashford, Susan J. Rèn luyện kỹ năng linh hoạt / Susan J. Ashford ; Hạnh Vũ dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 340 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The power of flexing : How to use small daily experiments to create big life-changing growth s612095

39. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 6 / Nguyễn Văn Tùng ch.b. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 15000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613181

40. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 7 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Thị Chi. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 24000đ. - 15000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613182

41. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 8 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Đoàn Thị Thuý Hạnh, Bùi Thanh Thuý. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613183

42. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 9 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều Anh. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613184

43. Bài tập Giáo dục công dân 7 / Đào Thị Ngọc Minh (ch.b.), Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 45000b s612211

44. Bài tập Giáo dục công dân 8 / Đào Thị Ngọc Minh (ch.b.), Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 39000b s612212

45. Bài tập Giáo dục công dân 8 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 103599b s612209

46. Bài tập Giáo dục công dân 8 / Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Toan, Phạm Khuê Anh, Vũ Thị Lan Anh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng ; 24 cm. - 35000đ. - 5000b s612215

47. Bài tập Giáo dục công dân 9 / Đào Thị Ngọc Minh (ch.b.), Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 27000b s612213

48. Bài tập Giáo dục công dân 9 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 63692b s612210

49. Bạn chỉ sống có một lần / Nhã Nam tuyển chọn. - In lần thứ 17. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 121 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Keep calm). - 65000đ. - 1500b s611821

50. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Giáo dục công dân 6 / Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Toan, Phạm Khuê Anh, Vũ Thị Lan Anh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : bảng ; 24 cm. - 37000đ. - 5000b s612214

51. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Giáo dục công dân 9 / Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Toan, Phạm Khuê Anh, Vũ Thị Lan Anh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s612216
52. Byrne, Rhonda. Phép màu = The magic / Rhonda Byrne ; Nguyễn Phúc Quang Ngọc dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 260 tr. : ảnh ; 21 cm. - 238000đ. - 5000b s611745
53. Cảnh Thiên. Đừng lựa chọn an nhàn khi còn trẻ / Cảnh Thiên ; Đặng Quân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 313 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 別在吃苦的年纪选择安逸 s611750
54. Carnegie, Dale. Đắc nhân tâm = How to win friends & influence people / Dale Carnegie ; Nguyễn Mạnh Hùng dịch. - In lần 3. - H. : Công Thương, 2025. - 347 tr. ; 19 cm. - 129000đ. - 1500b s611553
55. Carnegie, Dale. Đắc nhân tâm = How to win friends and influence people / Dale Carnegie ; Kiều Anh Tú dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 303 tr. : ảnh ; 21 cm. - 99000đ. - 10000b s611559
56. Carnegie, Dale. Quãng gánh lo đi và vui sống = How to stop worrying and start living : Những phương pháp đã được thời gian chứng thực giúp bạn đánh tan sự lo âu / Dale Carnegie ; Khánh Trang dịch. - In lần 2. - H. : Công Thương, 2025. - 423 tr. ; 19 cm. - 159000đ. - 1500b s611554
57. Chauchard, Paul. Ngôn ngữ và tư duy / Paul Chauchard ; Minh Triết dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 192 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 800b s611467
58. Con người và biểu tượng : Sự thông đạt từ những biểu tượng trong giấc mơ / Carl Gustav Jung (ch.b.), M. L. Von Franz, Joseph L. Henderson... ; Mai Sơn dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 522 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 25 cm. - 450000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Man and his symbols s611777
59. Đặng Hoàng Giang. Tìm mình trong thế giới hậu tuổi thơ / Đặng Hoàng Giang. - Tái bản có bổ sung, lần 1. - H. : Thế giới, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 396-399 s611742
60. Đề kiểm tra, đánh giá Giáo dục công dân 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Võ Thị Xuân. - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 180 tr. : bảng ; 24 cm. - 82000đ. - 1000b s611633
61. Đồng Long. Tháp phụng hiến / Đồng Long. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 183 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 500000đ. - 900b s611999
62. Giản Chi. Đại cương triết học Trung Quốc / Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 475000đ. - 700b
Q. Thượng. - 2025. - 580 tr. : bảng s611580
63. Giản Chi. Đại cương triết học Trung Quốc / Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 475000đ. - 700b
Q. Hạ. - 2025. - 624 tr. s611581
64. Giáo dục công dân 6 / Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 7000đ. - 315000b s612880
65. Giáo dục công dân 6 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 357043b s612879

66. Giáo dục công dân 7 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Bùi Hồng Quân (ch.b.), Đào Lê Hoà An... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 273000b s612881
67. Giáo dục công dân 8 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Bùi Hồng Quân (ch.b.), Đào Lê Hoà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 334000b s612882
68. Giáo dục công dân 9 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Bùi Hồng Quân (ch.b.), Đào Lê Hoà An... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 324000b s612883
69. Giáo trình Lịch sử triết học / Phạm Việt Thắng (ch.b.), Đào Đức Doãn, Nguyễn Như Hải... - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 327 tr. ; 24 cm. - 145000đ. - 500b
Thư mục: tr. 317-321 s611640
70. Go Myeong Hwan. Wisdom's reply - Lời hồi đáp từ những tác phẩm kinh điển : Đừng sống nửa vời trong một cuộc đời đáng sống / Go Myeong Hwan ; Hà Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 312 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b s612043
71. Haidt, Jonathan. Giải mã hạnh phúc : Thoát khỏi "cạm bẫy" cuộc sống hiện đại bằng trí tuệ cổ đại / Jonathan Haidt ; Lê Thuỳ Giang dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 381 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The happiness hypothesis : Finding modern truth in ancient wisdom s611710
72. Happy An. Tính cách con người / Happy An. - H. : Thế giới, 2025. - 255 tr. : bảng ; 21 cm. - 140000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 151-255 s611677
73. Hershovitz, Scott. Triết học quả trứng và những đáp án khủng long / Scott Hershovitz ; Khuê Mộc Lang dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 318 tr. ; 24 cm. - 169000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Nasty, brutish, and short s611720
74. Hồ Ngọc Mai Hương. Lắng đọng / Hồ Ngọc Mai Hương. - H. : Công Thương, 2025. - 422 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 222000đ. - 1000b s612102
75. Inamori Kazuo. Inamori Kazuo - Mỗi ngày một câu nói nâng tầm vận mệnh = 稲盛和夫一日一言 - 運命を高める言葉 / Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b s611826
76. Jung, Carl Gustav. Hồi ức, giấc mơ, suy ngẫm / Carl Gustav Jung ; Ghi âm: Aniela Jaffé ; Chuyển ngữ sang tiếng Anh: Richard, Clara Winston ; Vũ Hoàng Linh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 527 tr. ; 24 cm. - 345000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Memories, dreams, reflections s611715
77. Kim Dai Sik. Bí mật giữ người : Nghệ thuật xây dựng mối quan hệ bền vững / Kim Dai Sik ; Hong Seung Hee dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 209 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s611690
78. Lee Nam Hoon. Tốt bụng có nguyên tắc, tử tế có bản lĩnh : Tinh hoa ứng xử từ 2.500 năm kinh điển Đông phương / Lee Nam Hoon ; Daisy dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 272 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b s612044
79. Lee Yoon Gyu. Tư duy nhập tâm : Nghệ thuật thiết kế tập trung và chuyển hoá động lực bằng khoa học não bộ / Lee Yoon Gyu ; Huyền Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 310 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 물입의 기술 s612042

80. Lembke, Anna. Giải mã hoóc-môn dopamine : Sống cân bằng trong thời đại đầy cảm dỗ / Anna Lembke ; Lâm Đặng Cam Thảo dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Thế giới, 2025. - 347 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 198000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Dopamine nation : Finding balance in the age of indulgence. - Thư mục: tr. 329-347 s611743

81. Lê Bảo Ngọc. Ái kỷ : Những người coi bản thân là trung tâm thế giới / Lê Bảo Ngọc. - H. : Thế giới, 2025. - 409 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 2500b s611688

82. Lê Thị Nam An. Phương pháp giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông : Sách chuyên khảo / Lê Thị Nam An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 211 tr. : bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 300b

Thư mục: tr. 196-199. - Phụ lục: 200-211 s612157

83. Lê Xuân Vinh. Hành trình lãnh đạo - Từ khởi đầu đến thành công = The leadership journey - From beginning to success / Lê Xuân Vinh. - H. : Công Thương, 2025. - 206 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 500b s611558

84. Lưu Tố Bình. Tiến hoá nội tâm cùng Carl Jung / Lưu Tố Bình ; Phạm Kim Anh dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 333 tr. ; 21 cm. - 192000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 做一个内心强大的人 s612051

85. Monroe, Robert A. Những chuyến du hành ngoài thể xác / Robert A. Monroe ; Azura dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 355 tr. ; 24 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Journeys out of the body s611708

86. Morin, Amy. 13 thói quen yêu thương lành mạnh = 13 things mentally strong couples don't do / Amy Morin ; Nguyễn Thái Thảo Nguyên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 387 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 383-387 s611693

87. Nguyễn Thanh. Viết cho ngày đã mất / Nguyễn Thanh. - H. : Công Thương, 2025. - 228 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Văn Thanh s612098

88. Nguyễn Cao Luân. Thanh thoi cùng thiên / Nguyễn Cao Luân, Lê Thị Khuyên ; Minh hoạ: Nhân Tài Trương... ; Nguyễn Hồng Vũ h.đ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 111 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Y học sức khoẻ. Sống khoẻ từ A đến Z). - 65000đ. - 1000b s611784

89. Nguyễn Tuấn Cường. Phong thủy kích hoạt tài lộc và sức khoẻ : Hành trình 30 ngày để có cuộc sống thịnh vượng và khoẻ mạnh / Nguyễn Tuấn Cường. - H. : Thế giới, 2025. - 244 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 280000đ. - 1000b s611697

90. Nhan Húc Quân. Phép màu để vượt lên chính mình / Nhan Húc Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 254 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s611746

91. Nichols, Richard. Cân bằng cảm xúc cả lúc bão giông / Richard Nichols ; Phương Nguyễn dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 334 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Sống khác). - 105000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: 15 minutes to happiness : Easy, everyday exercises to help you be the best you can be s611751

92. Orloff, Judith. Quyền năng thấu cảm : Những kỹ năng thực tiễn để chữa lành tâm hồn nhạy cảm và hàn gắn các mối quan hệ = The genius of empathy : Practical skills to heal your sensitive self, your relationships, and the world / Judith Orloff ; Nguyễn Ngọc Hân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 379 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b s611692

93. Park Yeji. Tâm lý học cho lứa tuổi 30 / Park Yeji ; Phạm Quỳnh Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 219 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Hàn: 요즘 서른의 심리학; Tên sách tiếng Anh: Psychology in your thirties
s611783

94. Phạm Ngọc Thắng. Thế giới ra sao nếu thiếu bạn? : Câu trả lời sẽ khiến bạn tự hào về chính mình / Phạm Ngọc Thắng, Nguyễn Phương Thảo. - H. : Thế giới, 2025. - 301 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b s611719

95. Schab, Lisa M. Đặt nỗi lo âu của bạn vào đây : Nhật kí sáng tạo giúp bạn bình tâm và giảm căng thẳng / Lisa M. Schab ; Klis dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 74000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Put your anxiety here : A creative guided journal to relieve stress and find calm s612059

96. Seppälä, Emma. Con đường đến hạnh phúc : Cách áp dụng khoa học về hạnh phúc để đưa đến thành công / Emma Seppälä ; Đồng Khôi dịch ; Anh Nhon h.đ. - In lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 317 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The happiness track: How to apply the science s611763

97. Thanh Lam. Thế gian rộng lớn, chỉ cần bạn chiếu sáng chính mình / Thanh Lam ; Nguyễn Văn Trinh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 237 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 你有多努力,就有多自由 s611678

98. Thích Nhất Hạnh. Nói với tuổi hai mươi / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 3. - H. : Thế giới, 2025. - 116 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 89000đ. - 1500b s611757

99. Thiện Từ. Con đường tỉnh thức : Tỉnh thức không phải là đích đến mà là cách bước đi... / Thiện Từ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 173 tr. ; 19 cm. - 129000đ. - 500b s612053

100. Trần Quốc Trung. Giáo trình Tiêu chuẩn đạo đức hành nghề và quản trị doanh nghiệp / Trần Quốc Trung (ch.b.), Nguyễn Huy Hiệu. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 278 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 119000đ. - 820b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Ngoại thương. - Thư mục: tr. 272-278 s612008

101. Truyện kể về phẩm chất tốt / Hoài Thương tuyển chọn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 235 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 72000đ. - 3000b s612034

102. Truyện kể về ý chí và nghị lực / Tuyển chọn: Vân Anh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 227 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 72000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 4 s612038

103. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Giáo dục công dân 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Quy (ch.b.), Dương Thị Thuý Nga, Lê Hoài Quân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : bảng ; 27 cm. - 42000đ. - 3000b s612873

104. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Giáo dục công dân 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Quy (ch.b.), Dương Thị Thuý Nga, Đoàn Thị Thoa... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : bảng ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s612874

105. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Giáo dục công dân 8 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Quy (ch.b.), Dương Thị Thuý Nga, Lê Hoài Quân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng ; 27 cm. - 43000đ. - 3000b s612875

106. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Giáo dục công dân 9 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Quy (ch.b.), Dương Thị Thuý Nga, Lê Hoài Quân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s612876

107. Vở thực hành Giáo dục công dân 6 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Mai Trung Tuấn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 3000b s612877

108. Vở thực hành Giáo dục công dân 7 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 3000b s612878

109. Yeager, Corey. Tôi dạo này ra sao? : 40 cuộc hội thoại cần có với chính mình / Corey Yeager ; Cao Hằng dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 260 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 2000b s612048

TÔN GIÁO

110. Ajaan Lee Dhammadharo. Thực phẩm cho tâm = Food for thought / Ajaan Lee Dhammadharo ; Dịch: Thanissaro, Diệu Liên Lý Thu Linh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 120 tr. : bảng ; 21 cm. - 1200b s612060

111. Bích Liên. Mông sơn thí thực khoa nghi : Hán văn - Diễn nôm - Phiên âm - Chú giải / Bích Liên ; Nguyễn Văn Thoa b.s. ; Nguyễn Minh Tiến h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 156 tr. ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 128-129. - Phụ lục: tr. 130-154 s612079

112. Chân Đăng Nghiêm. Hoa nở trong đêm : Hồi phục năng lực trị liệu sang chấn tâm lý bằng chánh niệm / Chân Đăng Nghiêm. - In lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 319 tr. : ảnh ; 24 cm. - 139000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 309-313 s611773

113. Chân Quang. Đời con trong tay Phật = My life in the Buddha's hands / Chân Quang. - H. : Thế giới, 2025. - 130 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b s611681

114. Chân Quang. Giáo trình Thiền học / Chân Quang. - H. : Thế giới, 2025. - 226 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s611680

115. Chân Quang. Nhân quả công bằng = The fairness of karma / Chân Quang. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2025. - 230 tr. : ảnh ; 21 cm. - 90000đ. - 1000b s611683

116. Chân Quang. Những điều thú vị từ truyện tích Pháp cú / Chân Quang. - H. : Công Thương. - 21 cm. - 105000đ. - 1000b

T.13. - 2025. - 214 tr. s612103

117. Đức Đạt Lai Lạt Ma. Rộng mở tâm hồn : Tu tập từ bi trong đời sống hằng ngày = An open heart : Practicing compassion in everyday / Đức Đạt Lai Lạt Ma ; Dịch: Ngọc Cẩm, Nguyễn Minh Tiến. - H. : Hồng Đức, 2025. - 343 tr. : ảnh ; 21 cm. - 145000đ. - 1000b s612064

118. Giáo trình Tôn giáo trên thế giới và Việt Nam / Nguyễn Hữu Thọ (ch.b.), Huỳnh Chi, Quách Việt Tú... - H. : Khoa học xã hội, 2024. - 326 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 220000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiên Giang. - Thư mục: tr. 309-315. - Phụ lục: tr. 316-326 s611597

119. Lương Hoàng Sâm : Diễn văn vắn / Việt dịch: Thích Viên Giác ; Diễn văn vắn: Thích Hạnh Thành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 446 tr. ; 24 cm. - 500b

Thư mục: tr. 446 s612068

120. Nghi thức lễ 500 lạy Quán Thế Âm. - H. : Hồng Đức, 2025. - 143 tr. ; 24 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Chùa Khánh Hạnh Phổ Hiền s612077
121. Nguyễn Khương Duy. Buông bỏ để trở về với chính mình / Nguyễn Khương Duy. - H. : Tài chính, 2025. - 242 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 360000đ. - 1000b s611663
122. Osho. Phụ nữ = The book of women / Osho ; Thanh Huyền dịch. - In lần thứ 11. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 262 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 1500b s611938
123. Pa-Auk Tawya Sayadaw. Cỗ xe đại giác / Pa-Auk Tawya Sayadaw ; Pháp Thông dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 285 tr. ; 21 cm. - (Theravāda). - 1000b s612054
124. Rolheiser, Ron. Đan viện tại gia / Ron Rolheiser ; Nguyễn Đình Ngân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 84 tr. ; 20 cm. - 55000đ. - 2000b
Nguyên tác tiếng Anh: The domestic monastery s611673
125. Ryunosuke Koike. Tự do không âu lo : Nhập môn "thiền học" bằng truyện tranh / Ryunosuke Koike ; Quỳnh Mai dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 239 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 139000đ. - 2000b s611701
126. Sadhguru. Inner Engineering: Kiến tạo bản thân : Chỉ dẫn sống an vui của một Yogi / Sadhguru; Khánh Trang dịch. - In lần 5. - H. : Thế giới, 2025. - 395 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Inner Engineering: A Yogi's guide to joy s611755
127. Sadhguru. Karma - Nghiệp : Chỉ dẫn kiến tạo vận mệnh của một Yogi / Sadhguru ; Tùng dịch. - In lần 5. - H. : Thế giới, 2025. - 381 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: A Yogi's guide to crafting your own destiny s611754
128. Shunmyo Masuno. Cứ an nhiên rồi sẽ bình yên / Shunmyo Masuno ; Nguyễn Ngà dịch. - In lần 8. - H. : Công Thương, 2025. - 223 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng bình an). - 109000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: The art of simple living s611557
129. Simon, Marcel. Người Do Thái trong thời kỳ Jesu / Marcel Simon ; Phan Bích Lệ dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 800b s611468
130. Sobhanamahathera(Mahasi Sayadaw). Lời giảng về Nibbana (Nibbanakatha) / Sobhanamahathera b.s. ; Thái ngữ: Bhikkhu Gandhasarabhivamsa ; Dịch Việt: Bhikkhu Abhisiddhi - TK Siêu Thành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 260 tr. ; 21 cm. - (Buddhasasana Theravada). - 1000b s612046
131. Thích Chân Quang. Tìm về nguồn cội Phật pháp qua kinh Nikaya / Thích Chân Quang. - H. : Công Thương. - 21 cm. - 120000đ. - 1000b
T.3. - 2025. - 244 tr. : tranh vẽ s612100
132. Thích Nhất Hạnh. Bước tới thánh thời / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 8. - H. : Thế giới, 2025. - 225 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b s611753
133. Thích Nhất Hạnh. Chế tác bình an & hạnh phúc trong giáo dục / Thích Nhất Hạnh ; Dịch: Chân Vĩnh Nghiêm... ; Minh họa: Đan Ngọc. - Tái bản lần 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 310 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 239000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Planting seeds: Practicing mindfulness with children. - Thư mục: tr. 300-310 s611939
134. Thích Nhất Hạnh. Kinh Kim cương - Gươm báu cắt đứt phiền não / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 3. - H. : Thế giới, 2025. - 197 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b s611752

135. Thích Nhất Hạnh. Thầy cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới / Thích Nhất Hạnh, Katherine Weare ; Chuyển ngữ: Chân Hội Nghiêm... - Tái bản lần 18. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 159000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Happy teacher change the world

T.1: Cẩm nang hạnh phúc. - 2025. - 314 tr. s611940

136. Thích Nhất Hạnh. Thầy cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới / Thích Nhất Hạnh, Katherine Weare ; Chuyển ngữ: Chân Hội Nghiêm... - Tái bản lần 17. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 119000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Happy teacher change the world

T.2: Đi như một dòng sông. - 2025. - 212 tr. : hình vẽ s611941

137. Thích Nhất Hạnh. Tĩnh lặng = Silence : Sức mạnh tĩnh lặng trong thế giới huyền ảo / Thích Nhất Hạnh ; Chân Hội Nghiêm chuyển ngữ. - Tái bản lần 27. - H. : Thế giới, 2025. - 187 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 3000b s611748

138. Tillich, Paul. Tôn giáo là gì = What is religion? / Paul Tillich ; Đào Quốc Minh dịch ; Giới thiệu: James Luther Adams. - H. : Thế giới, 2025. - 234 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 700b s611674

139. Tịnh Không. Học Phật đúng pháp : Giảng giải Kinh A Nan thừa hỏi về sự lành dữ của việc thờ Phật / Tịnh Không ; Nguyễn Minh Tiên dịch, chú giải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 322 tr. ; 21 cm. - 2000b

Nguyên tác: A Nan vấn sự Phật cát hung kinh giảng ký s612040

KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HOÁ

140. Giáo trình Xã hội học đại cương / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Nguyễn Lê Hoài Anh, Tô Phương Oanh... - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 143 tr. ; 24 cm. - 60000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 141 s611639

141. 2 1/2 Bạn Tốt. Nói nhiều không bằng nói đúng : 36 bí quyết để chiếm được cảm tình của người khác / 2 1/2 Bạn Tốt ; Tuệ Văn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 125 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 3000b s611889

142. Hồng Thái. Những trí thức về nước theo Bác Hồ đi kháng chiến / Hồng Thái, Kiều Khải. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 500b s611546

143. Huỳnh Văn Cường. Kỹ yếu Ngành Văn hoá - Thông tin huyện Núi Thành (1984 - 2025) / B.s.: Huỳnh Văn Cường, Trần Quốc Lâm. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 199 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành. Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin s611477

144. Khắc nổi - Chúng mình lớn lên cùng đất nước / Đậu Thị Huyền, Chiều Xuân, Kat Ha... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : ảnh màu, tranh vẽ ; 26 cm. - 169000đ. - 1000b s611903

145. Làng số / B.s.: Nguyễn Huy Dũng, Trần Minh Tuấn, Trần Thị Quốc Hiền... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 150 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Bộ Khoa học và Công nghệ. - Phụ lục: tr. 135-150 s611972

146. Leuba, Jeanne. Con người và nghệ thuật Chăm / Jeanne Leuba ; Nguyễn Thị Hồng Nhung dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 220 tr. : ảnh, bản đồ ; 24 cm. - 275000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 217-220 s611471

147. Lưu Thuỳ Anh. Du hành vũ trụ mạng : Cùng tìm hiểu về cuộc tấn công của các "quái vật" mã độc trên không gian mạng / Lưu Thuỳ Anh, Nguyễn Khắc Anh Thư, Nguyễn Như Quỳnh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 54 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - (Cùng em lớn lên trong thời đại số). - 2000b

Phụ lục: tr. 52-53 s611974

148. 1000 câu hỏi văn hoá Việt Nam / Milo Steam. - H. : Đồng Nai, 2025. - 272 tr. : sơ đồ, tranh vẽ ; 26 cm. - 400000đ. - 5000b

Thư mục cuối chính văn s612173

149. Nguyễn Thị Bình. Tấm lòng với đất nước / Nguyễn Thị Bình. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 624 tr. ; 24 cm. - 292000đ. - 1000b s611519

150. Nguyễn Thị Loan. Giáo trình Đại cương văn hoá Việt Nam / Nguyễn Thị Loan (ch.b.), Phan Thị Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 204 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 74000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Thư mục: tr. 199-203 s612165

151. Nguyễn Xuân Tuấn. Con đường tương lai / Nguyễn Xuân Tuấn. - Tái bản có bổ sung. - H. : Công an nhân dân. - 24 cm. - 757000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 990 tr. s611531

152. Nhận diện văn hoá trong không gian số : Sách chuyên khảo / Vũ Trọng Lâm, Nguyễn Việt Lâm (ch.b.), Vũ Thị Hương... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 200 tr. : bảng ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 190-197 s611515

153. Osho. Vấn đề dục tính - Từ tình dục đến siêu thức / Osho ; Nguyễn Đình Hách chuyển ngữ. - In lần thứ 2. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 562 tr. : ảnh ; 21 cm. - 252000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Sex matters - From sex to superconsciousness s611609

154. Phan Thị Hồng Nhung. Giáo trình Văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam / Phan Thị Hồng Nhung (ch.b.), Nguyễn Thị Nhung, Hà Thị Thu Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 178 tr. ; 24 cm. - 88000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 175-178 s612155

155. Prokopenko, Igor. Những hiểm hoạ mới của thế kỉ XXI : Sách tham khảo / Igor Prokopenko ; Dịch: Lê Thanh Vạn, Nguyễn Trung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. - 280 tr. ; 24 cm. - 1000b

Tên sách tiếng Nga: Новые угрозы XXI века. - Lưu hành nội bộ s611514

156. Quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số / Ch.b.: Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Tất Thắng, Hoàng Anh Tuấn... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 318 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 281-313 s611516

157. Trần Đàm. Tuổi cao gương sáng : Chân dung người cao tuổi / Trần Đàm. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 142 tr. : ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s611472

158. Trần Nho Chung. Phương trình hôn nhân : Cách hoá giải bài toán đau đầu của hôn nhân và tìm ra đáp số hạnh phúc cho bạn / Trần Nho Chung. - H. : Thế giới, 2025. - 189 tr. : bảng ; 22 cm. - 150000đ. - 1000b s611702

159. Trần Sĩ Chương. Trò chuyện cùng gen Z / Trần Sĩ Chương ; Nguyễn Thị Diễm Châu b.s. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thế giới, 2025. - 230 tr. : ảnh ; 21 cm. - 219000đ. - 1000b s611761

THỐNG KÊ

160. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh 2024 = Hatinh statistical yearbook 2024 / B.s.: Phòng Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 587 tr., 10 tr. ảnh màu : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 90b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê. Chi cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh s611466

CHÍNH TRỊ

161. Đa dạng hoá hoạt động bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Nghệ An đáp ứng trường chính trị chuẩn / Phan Tiến Dũng, Nguyễn Thị Chiên, Lê Thu Hương... ; Ch.b.: Vương Quang Minh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 159 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Tỉnh uỷ Nghệ An. Trường Chính trị. - Thư mục trong chính văn s611447

162. Đảng bộ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025: Đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, sáng tạo, phát triển / B.s.: Phạm Minh Phúc, Hà Thị Thanh Huyền, Đậu Văn Nam, Lê Kim Dung. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 279 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 100b s611599

163. Đình Hồng Khoa. Lịch sử truyền thống cách mạng xã Hưng Thạnh (1930 - 2020) / Đình Hồng Khoa ch.b. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 251 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hưng Thạnh. - Phụ chú: tr. 179-248. - Thư mục: tr. 249 s611506

164. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam : Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị / B.s.: Nguyễn Trọng Phúc, Ngô Đăng Tri, Nguyễn Ngọc Hà... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 440 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 435-436 s611504

165. Kỷ yếu các Ban xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Huyện uỷ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 263 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 55b

ĐTTS ghi: Huyện uỷ Yên Thành s611465

166. Kỷ yếu Đảng bộ Quận 8 - 50 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2025) / B.s.: Đỗ Hữu Trí, Phạm Ngọc Muôn, Nguyễn Võ Cường... - H. : Hồng Đức, 2025. - 574 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ Quận 8. - Phụ lục: tr. 513-568 s612088

167. Lê Minh Chiến. Lịch sử Đảng bộ xã Điện Minh (1975 - 2020) / B.s.: Lê Minh Chiến, Phạm Thị Ngọc. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 277 tr., 7 tr. ảnh : bảng ; 20 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thị xã Điện Bàn. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Điện Minh. - Phụ lục: tr. 265-277 s611476

168. Lê Văn Đồng. Lịch sử Đảng bộ xã Sông Trà (2002 - 2020) / B.s.: Lê Văn Đồng, Nguyễn Thị Lệ Thắm. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 239 tr., 22 tr. ảnh ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Hiệp Đức. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Sông Trà. - Phụ lục: tr. 230-234. - Thư mục: tr. 235-237 s611625

169. Lịch sử Đảng bộ Học viện Phụ nữ Việt Nam 1960 - 2025 / B.s.: Trần Quang Tiến (ch.b.), Nguyễn Phi Long, Nguyễn Thị Thu Hương... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 289 tr. : ảnh ; 24 cm. - 130b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Đảng bộ Học viện Phụ nữ Việt Nam. - Phụ lục: tr. 242-285 s612011

170. Lịch sử Đảng bộ huyện Hưng Nguyên (1930 - 2025) / Chính lí, b.s.: Trịnh Thị Dung, Nguyễn Thanh Xuân, Vương Thị Sâm, Nguyễn Thị Minh Giang. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 452 tr., 37 tr. ảnh : bìa ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hưng Nguyên. - Phụ lục: tr. 355-449. - Thư mục: tr. 450-452 s611454

171. Lịch sử Đảng bộ huyện Nam Đàn (1930 - 2025) / B.s.: Trần Vũ Tài, Trần Thị Hằng (ch.b.), Nguyễn Quang Hồng... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 567 tr., 26 tr. ảnh ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nam Đàn. - Phụ lục: tr. 537-556. - Phụ lục: tr. 557-562 s611455

172. Lịch sử Đảng bộ Phường 14 - Quận 3 (1975 - 2025) / B.s.: Vũ Tố Quyên, Quách Thị Liêu Hà, Nguyễn Thảo Quyên... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 188 tr., 15 tr. ảnh ; 21 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Quận 3. Ban Chấp hành Đảng bộ Phường 14. - Phụ lục: tr. 165-188 s611578

173. Lịch sử Đảng bộ phường Châu Khê (1930 - 2024) / B.s.: Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Đình Quỳnh, Phan Thu Hằng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1, có hiệu chỉnh, bổ sung. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 335 tr., 36 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Từ Sơn. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Châu Khê. - Phụ lục: tr. 266-331 s611982

174. Lịch sử Đảng bộ phường Duyệt Trung (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đình Quỳnh (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Nông Chí Mỹ... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 261 tr., 32 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Cao Bằng. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Duyệt Trung khoá VII (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 241-259 s611985

175. Lịch sử Đảng bộ phường Hải Yên (2010 - 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 194 tr. : ảnh, bìa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Móng Cái. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hải Yên. - Phụ lục: tr. 175-194. - Thư mục cuối chính văn s612017

176. Lịch sử Đảng bộ phường Hoà Chung (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Thị Thanh Nhân (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Nông Thị Tâm... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 251 tr., 24 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Cao Bằng. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hoà Chung khoá XV (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 225-249 s611986

177. Lịch sử Đảng bộ phường Ka Long (2015 - 2025) / B.s.: Bùi Thị Thuý Nga, Bùi Sơn Trường, Phan Thế Hoà... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 194 tr. : ảnh, bìa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Móng Cái. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Ka Long. - Phụ lục: tr. 151-194. - Thư mục cuối chính văn s612019

178. Lịch sử Đảng bộ phường Sông Bằng (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đình Quỳnh (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Vi Văn Duy... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 280 tr., 20 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Cao Bằng. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Sông Bằng khoá XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 241-277 s611987

179. Lịch sử Đảng bộ phường Thống Nhất (1975 - 2025) / B.s.: Võ Hồng Tịnh, Đinh Quốc Hùng, Y Sôi Mlô... ; S.t.: Y Sôi Mlô... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 224 tr. ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thị xã Buôn Hồ. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Thống Nhất. - Phụ lục: tr. 198-220 s611626

180. Lịch sử Đảng bộ quận Đống Đa (1930 - 2010) / B.s.: Vũ Công Quảng, Vương Thái Dương, Phạm Kim Thanh... - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Ban Chấp hành Đảng bộ quận Đống Đa
T.1. - 2025. - 594 tr., 11 tr. ảnh : bảng. - Phụ lục: tr. 588-592. - Thư mục: tr. 593-594 s611910

181. Lịch sử Đảng bộ quận Đống Đa (2010 - 2025) / B.s.: Nguyễn Chí Thảo (ch.b.), Nguyễn Bình, Trần Thị Thái... - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Ban Chấp hành Đảng bộ quận Đống Đa
T.2. - 2025. - 233 tr., 18 tr. ảnh : bảng. - Phụ lục: tr. 205-233 s611911

182. Lịch sử Đảng bộ thị trấn Pác Miầu (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Quốc Pháp (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Nông Văn Bách... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 268 tr., 24 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Bảo Lâm. Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn Pác Miầu khoá IV (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 257-265 s611984

183. Lịch sử Đảng bộ thị xã Kỳ Anh (2015 - 2025) / B.s.: Lê Thế Cường, Nguyễn Huy Trọng, Trần Thị Huyền (ch.b.)... - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 333 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 600b

Phụ lục: tr. 289-328. - Thư mục: tr. 329-333 s611481

184. Lịch sử Đảng bộ Văn phòng Quốc hội (1946 - 2025) / B.s.: Vũ Minh Tuấn, Trịnh Giáng Hương, Hoàng Thị Lan Nhung... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 567 tr., 32 tr. ảnh : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Quốc hội. Đảng bộ Văn phòng Quốc hội. - Phụ lục: tr. 433-558. - Phụ lục: tr. 559-564 s611523

185. Lịch sử Đảng bộ xã Bé Văn Đàn (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Thị Huyền Trang (ch.b.), Lê Thị Khánh Ly... ; S.t.: Nguyễn Văn Giáp... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 283 tr., 30 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Quảng Hoà. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Hưng khoá XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 261-281 s611988

186. Lịch sử Đảng bộ xã Cai Bộ (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đình Quỳnh (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Trịnh Văn Danh... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 275 tr., 26 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Quảng Hoà. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cai Bộ khoá XVIII (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 246-273 s611990

187. Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Lạc (1930 - 2025) / B.s.: Dương Trí Thức (ch.b.), Nguyễn Văn Dẫn, Võ Kim Diệp... - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 355 tr., 14 tr. ảnh : bảng ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Cẩm Xuyên. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Lạc. - Phụ lục: tr. 325-350. - Thư mục: tr. 351-352 s611480

188. Lịch sử Đảng bộ xã Đại Sơn (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Đặng Minh Phụng (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Hứa Thị Thuý... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 272 tr., 40 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Quảng Hoà. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đại Sơn khoá X (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 253-269 s611994

189. Lịch sử Đảng bộ xã Độc Lập (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Thị Thanh Nhân (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Hoàng Văn Thi... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 300 tr., 44 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Quảng Hoà. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Độc Lập khoá XVI (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 261-297 s611992

190. Lịch sử Đảng bộ xã Phi Hải (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Lê Thị Diệp (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Nông Văn Bình... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 264 tr., 36 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Quảng Hoà. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phi Hải khoá XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 241-261 s611991

191. Lịch sử Đảng bộ xã Quảng Hưng (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Văn Mạnh (ch.b.), Đặng Minh Phụng... ; S.t.: Nguyễn Đình Luyện... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 240 tr., 32 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Quảng Hoà. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Hưng khoá XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 225-237 s611993

192. Lịch sử Đảng bộ xã Quỳnh Lộc (1935 - 2025) / B.s.: Trần Cao Nguyên (ch.b.), Bùi Thị Cần, Nguyễn Văn Sang... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 247 tr., 20 tr. ảnh : bìa ; 24 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quỳnh Lộc. - Phụ lục: tr. 225-243. - Thư mục: tr. 244 s611456

193. Lịch sử Đảng bộ xã Tam Quang (1975 - 2025) / B.s.: Lê Năng Đông (ch.b.), Nguyễn Ngọc Ánh, Dương Thị Thu Nga, Phan Vĩnh Tiến. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 263 tr., 28 tr. ảnh ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Núi Thành. Đảng uỷ xã Tam Quang. - Phụ lục: tr. 233-256 s611621

194. Lịch sử Đảng bộ xã Thái Sơn (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Thị Thanh Nhân (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Ma Thị Mai... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 252 tr., 20 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Bảo Lâm. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thái Sơn khoá IV (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 237-249 s611989

195. Lịch sử Đảng bộ xã Tri Thủy (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Lê Thị Khánh Ly (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Nguyễn Thanh Bình... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 389 tr., 43 tr. ảnh ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Phú Xuyên. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tri Thủy khoá XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 345-389 s612021

196. Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hoàng (1930 - 2024) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Trần Thị Thuý Hà (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Nguyễn Đức Tôn... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 268 tr., 30 tr. ảnh ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Phú Xuyên. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Văn Hoàng khoá XXIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 236-265 s612022

197. Lịch sử Đảng bộ xã Vĩnh Phong (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Văn Đức (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Lãnh Thị Duyên... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2024. - 259 tr., 22 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Bảo Lâm. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Phong khoá VI (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Thư mục: tr. 242-257 s611981

198. Lịch sử Đảng bộ xã Vĩnh Quang (1930 - 2020) / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đình Quỳnh (ch.b.), Lê Tuấn Vinh... ; S.t.: Hoàng Trọng Quyết... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 228 tr., 34 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Bảo Lâm. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Quang khoá XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 215-225 s611983

199. Lịch sử Đảng bộ xã Vĩnh Thực (2016 - 2025) / S.t.: Lê Đình Trọng... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 154 tr. : ảnh, bìa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Móng Cái. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Thực. - Phụ lục: tr. 131-154. - Thư mục cuối chính văn s612020

200. Lịch sử Đảng bộ xã Vĩnh Trung (2016 - 2025) / S.t.: Đoàn Thị Xoan... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 154 tr. : ảnh, bìa ; 21 cm. - 95b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Móng Cái. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Trung. - Thư mục: tr. 129-154. - Thư mục cuối chính văn s612018

201. Lịch sử Đảng bộ xã Xuân Hồng (1931 - 2025) / B.s.: Trần Cao Nguyên (ch.b.), Nguyễn Hồ Thanh, Nguyễn Đức Tài, Lê Văn Giáp. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 287 tr. : bìa ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Xuân Hồng. - Phụ lục: tr. 265-279. - Thư mục: tr. 280-281 s611464

202. Lịch sử truyền thống anh hùng cách mạng xã Ia Khuol (1945 - 2020) / B.s.: Tổng Thới Mốc (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Vân, Vũ Thị Việt Hà... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 344 tr. : ảnh ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Chư Păh. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ia Khuol. - Phụ lục: tr. 297-338. - Thư mục: tr. 339-340 s611620

203. Lịch sử truyền thống cách mạng xã Tú An (1945 - 2020) / B.s.: Nguyễn Thị Kim Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Châu, Trần Văn Lạc... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 400 tr. : ảnh ; 24 cm. - 510b

ĐTTS ghi: Thị uỷ An Khê. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tú An. - Phụ lục: tr. 355-392. - Thư mục: tr. 393-399 s611619

204. Liên kết toàn cầu: Thông tin đối ngoại trong thời đại số / Trần Trung Tình (ch.b.), Nguyễn Mạnh Cường, Trương Vĩnh Bình... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 345 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 235000đ. - 66b

Thư mục: tr. 341-345 s612031

205. Ngô Hữu Thảo. Lịch sử Đảng bộ phường Đông Ngàn (1959 - 2025) / B.s.: Ngô Hữu Thảo, Nguyễn Phú Lợi. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 451 tr. : ảnh màu, bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Từ Sơn. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Đông Ngàn. - Phụ lục: tr. 391-447 s611980

206. Ngô Hữu Thảo. Lịch sử Đảng bộ phường Đồng Nguyên (1930 - 2025) / B.s.: Ngô Hữu Thảo (ch.b.), Nguyễn Phú Lợi, Trần Xuân Hiền ; S.t.: Trần Văn Lập... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 437 tr., 40 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Từ Sơn. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Đồng Nguyên khoá XXVI (nhiệm kỳ 2020 - 2025). - Phụ lục: tr. 407-437 s611995

207. Nguyễn Đức Thái. Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi huyện Núi Thành (1930 - 2025) / Nguyễn Đức Thái b.s. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 347 tr., 32 tr. ảnh ; 21 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành huyện đoàn Núi Thành. - Phụ lục: tr. 337-339. - Thư mục: tr. 340-342 s611624

208. Nguyễn Hữu Long. Lịch sử Đảng bộ phường Điện Ngọc (1975 - 2020) / Nguyễn Hữu Long b.s. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 214 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thị xã Điện Bàn. Đảng bộ phường Điện Ngọc s611616

209. Nguyễn Minh Giang. Lịch sử Đảng bộ xã Đồng Thành (1954 - 2024) / B.s.: Nguyễn Minh Giang, Vương Thị Sâm. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 199 tr., 32 tr. ảnh ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đồng Thành. - Phụ lục: tr. 161-195. - Thư mục: tr. 196 s611457

210. Nguyễn Quang Hồng. Lịch sử Đảng bộ xã Thanh Hà (1954 - 2025) / B.s.: Nguyễn Quang Hồng, Trần Thị Oanh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 271 tr., 15 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương. - Phụ lục: tr. 225-267. - Thư mục: tr. 267 s611463

211. Nguyễn Thế Hoàn. Lịch sử Đảng bộ huyện Bồ Trách / B.s.: Nguyễn Thế Hoàn, Lê Thuý Mùi, Lê Thị Phương Ý. - H. : Thông tin và Truyền thông. - 22 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bồ Trách

T.4: 2000 - 2025. - 2025. - 419 tr., 46 tr. ảnh màu : bảng. - Phụ lục: tr. 383-410. - Thư mục: tr. 411-414 s611996

212. Nguyễn Thị Kim Trung. Lịch sử Đảng bộ xã Vĩnh Sơn (1930 - 2025) / Nguyễn Thị Kim Trung ch.b. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 186 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Sơn. Huyện Anh Sơn. - Phụ lục: tr. 163-186. - Thư mục cuối chính văn s611461

213. Nguyễn Thị Nga. Từ Bruxelles đến Jakarta: Lịch sử quan hệ ASEAN - EU nhìn từ hai phía (1977 - 2024) / Nguyễn Thị Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Bích. - H. : Thế giới, 2025. - 192 tr. : bảng ; 24 cm. - 178000đ. - 300b

Thư mục: tr. 174-183. - Phụ lục: tr. 184-192 s611721

214. Nguyễn Văn Sĩ. Lịch sử Đảng bộ xã Duy Phước (1975 - 2020) / Nguyễn Văn Sĩ b.s. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 263 tr., 20 tr. ảnh ; 21 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Duy Xuyên. Đảng uỷ xã Duy Phước s611615

215. Phạm Văn Thắng. Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Quế Sơn (1930 - 1975) / B.s.: Phạm Văn Thắng, Lưu Thị Gái. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 303 tr., 32 tr. ảnh ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Quế Sơn. - Phụ lục: tr. 281-294. - Thư mục: tr. 295-297 s611623

216. Quy định, hướng dẫn thi hành điều lệ Đảng. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 109 tr. ; 21 cm. - 42000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam s611970

217. Trần Kim Đôn. Lịch sử Đảng bộ xã Thanh Mỹ (1954 - 2025) / B.s.: Trần Kim Đôn, Hoàng Anh Tuấn. - Tái bản lần thứ 1, có bổ sung. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 351 tr., 54 tr. ảnh : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng uỷ - Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân - Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương. - Phụ lục: tr. 299-345 s611446

218. Trương Thị Phương Thảo. Giáo trình Chính trị học đại cương : Dành cho đào tạo bậc đại học / Trương Thị Phương Thảo (ch.b.), Vũ Thị Phương Lê, Nguyễn Thị Lê Vinh. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 267 tr. ; 24 cm. - 90000đ. - 250b

Thư mục cuối mỗi chương s611482

219. Wolff, Jonathan. Nhập môn triết học chính trị / Jonathan Wolff ; Dịch: Nguyễn Tuệ Anh, Nguyễn Hoàng Phúc. - Ấn bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 337 tr. ; 23 cm. - 299000đ. - 1500b s611959

KINH TẾ

220. Bài tập Địa lí 11 / Mai Phú Thanh, Hoàng Trọng Tuân (ch.b.), Huỳnh Ngọc Sao Ly... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 7000b s612236

221. Bài tập Địa lí 12 / Lê Huỳnh, Nguyễn Thị Sơn (ch.b.), Đỗ Anh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 25000b s612218

222. Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 / Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 19000b s612174

223. Bài tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Duy Dũng, Nguyễn Ngọc Hoa Đăng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 160 tr. : bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 28000đ. - 3000b s612175

224. Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Huỳnh Văn Sơn, Đỗ Công Nam, Phạm Mạnh Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 27000đ. - 3000b s612461

225. Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Đỗ Anh, Nguyễn Trọng Đức... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 171049b s612222

226. Bùi Đức Triệu. Thống kê tài chính : Sách chuyên khảo / Bùi Đức Triệu ch.b. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 185 tr. : bảng ; 24 cm. - 109000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. - Thư mục: tr. 182-185 s611864

227. Cẩm nang Kiến thức và kỹ năng xây dựng, phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP / Lê Thị Lan (ch.b.), Bùi Công Anh, Lê Thị Thanh Thủy... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 183 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 200000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Hồng Đức. - Thư mục: tr. 181-183 s611861

228. Chuyên đề học tập Địa lí 11 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Vũ Hà (ch.b.), Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 59779b s613101

229. Chuyên đề học tập Địa lí 12 / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Phan Văn Phú, Hà Văn Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 44000b s613088

230. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Đỗ Công Nam, Phạm Mạnh Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 21000b s612898

231. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Đỗ Công Nam, Phạm Mạnh Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : bảng ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 11000b s612899

232. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 / Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 44071b s612901

233. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Đỗ Công Nam, Phạm Mạnh Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 24000b s612900

234. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hồi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 28000b s612902

235. Conroy, Brynne. Phụ nữ độc lập tài chính : Khẳng định giá trị bản thân, làm chủ tư duy đầu tư, giải phóng áp lực tài chính / Brynne Conroy ; Thu Trang dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 315 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The feminist financial handbook: A modern women's guide to a wealthy life s612092

236. Dunlap, Tori. Người phụ nữ tự chủ tài chính = Financial feminist : Vượt qua định kiến giới để làm chủ tiền bạc của bạn và xây dựng cuộc sống theo ý thích / Tori Dunlap ; Nguyễn Thị Kim Ngọc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 431 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 1500b s611802

237. Đặng Thị Thuý. Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả tài chính của doanh nghiệp ngành Du lịch Việt Nam : Sách chuyên khảo / Đặng Thị Thuý ch.b. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 198 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 200b

Thư mục: tr. 171-196. - Phụ lục: tr. 197-198 s611866

238. Đinh Sơn Thuý. Bản đồ đầu tư bất động sản thịnh vượng / Đinh Sơn Thuý. - H. : Thế giới, 2025. - 238 tr. ; 21 cm. - 368000đ. - 1000b s611704

239. Đỗ Việt Phương. Cẩm nang giới thiệu thị trường Campuchia / B.s.: Đỗ Việt Phương, Trần Mạnh Tiệp, Trịnh Quang Minh. - H. : Công Thương, 2025. - 260 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Thương vụ Việt Nam tại Campuchia. - Phụ lục: tr. 201-259 s612109

240. FPT bí lục: Khám phá văn hoá doanh nghiệp tại FPT / Nguyễn Thành Nam, Phan Phương Đạt, Lê Đình Lộc... - In lần 4. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 476 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 469-476. - Thư mục cuối chính văn s611942

241. Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch đặc thù tại Cát Bà, Hải Phòng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh Nhân, Võ Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Tâm (ch.b.)... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 387 tr. ; 21 cm. - 235000đ. - 500b

Thư mục: tr. 377-387 s611853

242. Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Đỗ Công Nam, Phạm Mạnh Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 172 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 62000b s612895

243. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Đỗ Công Nam, Phạm Mạnh Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 163 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 23000đ. - 63000b s612896

244. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Đỗ Công Nam, Phạm Mạnh Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : bảng ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 68000b s612897

245. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 139 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 179551b s612903

246. Giáo trình Marketing dịch vụ tài chính ngân hàng / B.s.: Phạm Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Hoài Nam, Đặng Thị Thu Hằng... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 663 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 209500đ. - 710b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Thư mục cuối mỗi chương s611534

247. Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại / Nguyễn Thị Liên (ch.b.), Vũ Thị Thuý Dung, Nguyễn Thị Thuý Hằng... - H. : Tài chính, 2025. - 400 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 86000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Thư mục: tr. 400 s611668

248. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội / B.s.: Lê Quang Cảnh (ch.b.), Nguyễn Thanh Hà, Hoàng Thị Thu Hương... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 478 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 176000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh tế và Quản lý công. Khoa Kế hoạch và Phát triển. - Thư mục cuối mỗi chương s611855

249. Giáo trình Quản trị ngân hàng / B.s.: Đỗ Thị Kim Hảo, Nguyễn Thuỳ Dương (ch.b.), Lê Hải Trung... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 544 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 224300đ. - 460b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Phụ lục: tr. 510-529. - Thư mục: tr. 530-534 s611533

250. Giáo trình Rừng và môi trường / Đào Thị Thu Hà (ch.b.), Hoàng Thị Thu Hoàn, Trịnh Phương Ngọc... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : bảng ; 24 cm. - 56000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào s612153

251. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp / Lê Minh Thu (ch.b.), Trần Thu Nga, Vũ Thị Hà, Lê Thị Hằng. - H. : Tài chính. - 24 cm. - 74000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

T.1. - 2025. - x, 342 tr. : bảng. - Thư mục: tr. 342 s611671

252. Giáo trình Tín dụng ngân hàng / Tô Ngọc Hưng (ch.b.), Nguyễn Kim Anh, Đỗ Thị Kim Hảo... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh sửa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 692 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 275000đ. - 460b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Phụ lục cuối mỗi chương. - Thư mục: tr. 686-687 s611532

253. Ken Honda. Đồng tiền hạnh phúc : Nghệ thuật làm chủ đồng tiền để tạo dựng cuộc sống bình yên của người Nhật / Ken Honda ; Nguyễn Thị Linh dịch. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 258 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Happy money : The Japanese art of making peace with your money
s611850

254. Lao động qua biên giới ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Vấn đề và giải pháp : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Xuân Trung (ch.b.), Trần Hồng Hạnh, Đặng Thu Thủy... - H. : Tài chính, 2025. - x, 377 tr. : bảng ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Phụ lục: tr. 288-343. - Thư mục: tr. 344-377 s611664

255. Lê Đình Chiều. Những vấn đề cơ bản về kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn : Sách tham khảo / Lê Đình Chiều. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 189 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 86000đ. - 300b

Thư mục: tr. 182-188 s611589

256. Lê Xuân Khoa. Bùi Kiến Thành - Người mở khoá lãng du : Hồi ký / Lê Xuân Khoa, Xuân Chi, Thanh Huyền. - In lần thứ 3. - H. : Thế giới, 2025. - 355 tr. : ảnh ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b s611775

257. Lưu Dữ Bạch. Tự truyện Jensen Huang : Vua chip Jensen Huang và Đế chế kinh doanh NVIDIA / Lưu Dữ Bạch ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 196 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 黄仁勋传 s611711

258. Lưu Thủy Anh. Định hướng nghề nghiệp và phát triển bản thân trong thời đại số / Lưu Thủy Anh, Nguyễn Khắc Anh Thư, Nguyễn Như Quỳnh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 66 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - (Cùng em lớn lên trong thời đại số). - 2000b s611975

259. Master Q. Bí kíp cứu kiếm trading : Không cần đoán, không cần sợ, chỉ cần đúng công pháp / Master Q. - H. : Thế giới, 2025. - 186 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 162-183 s611712

260. Minervini, Mark. Phù thủy giao dịch chứng khoán : Trade like a market wizard : Bí quyết đạt lợi nhuận vượt trội trong mọi thị trường / Mark Minervini ; Happy Live Team biên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 443 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Đầu tư). - 499000đ. - 2000b s611723

261. Một số định hướng phát triển đảo Bạch Long Vĩ - Hải Phòng / Bùi Trung Tiến, Đào Minh Đông, Đoàn Thị Thu Hương (ch.b.)... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 248 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 250000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 192-240. - Thư mục: tr. 241-248 s611598

262. Nguyễn Đức Thọ. Phát triển nguồn lực chất lượng cao ở các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đức Thọ. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 208 tr. : biểu đồ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 193-204 s611502

263. Nguyễn Hoàng Oanh. Giáo trình Kinh tế vĩ mô quốc tế / Nguyễn Hoàng Oanh (ch.b.), Đinh Mai Hương, Lưu Thị Phương. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 333 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 130000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh tế và Quản lý công. Khoa Kinh tế học. - Thư mục cuối mỗi chương s611858

264. Nguyễn Phú Thắng. Phát triển du lịch trong liên kết vùng, trường hợp tỉnh An Giang và vùng phụ cận : Sách chuyên khảo / Nguyễn Phú Thắng. - H. : Thế giới, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

Thư mục: tr. 191-203 s611718

265. Nguyễn Quang Hiệp. Lạm phát và vai trò của chính sách tiền tệ trong kiểm soát lạm phát ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Quang Hiệp. - H. : Tài chính, 2025. - xi, 180 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 42000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Thư mục: tr. 174-180 s611666

266. Nguyễn Quỳnh Trang. Tuân thủ thuế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Nguyễn Quỳnh Trang (ch.b.), Bùi Thị Mến, Nguyễn Thị Cẩm Giang. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 400 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 299000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Học viện Ngân hàng. - Thư mục: tr. 261-278. - Phụ lục: tr. 279-400 s611862

267. Nguyễn Thị Thanh Huyền. Kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực thủy sản ở Việt Nam / Nguyễn Thị Thanh Huyền. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 238 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 230-238 s611860

268. Nguyễn Thị Thanh Thủy. Giáo trình Tổ chức và quản trị sự kiện / Nguyễn Thị Thanh Thủy, Lê Hồng Khanh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - viii, 145 tr. ; 24 cm. - 95000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Lang. - Thư mục: tr. 93-95. - Phụ lục: tr. 97-145 s612002

269. Nguyễn Thị Trang Thanh. Giáo trình Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp : Dành cho hệ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Địa lý học / Nguyễn Thị Trang Thanh (ch.b.), Lê Mỹ Dung, Hoàng Phan Hải Yến. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 222 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 98000. - 200b

Thư mục: tr. 220-222 s611486

270. Phạm Thị Hồng Vân. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp / Phạm Thị Hồng Vân. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 333 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 163000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn Lang. - Thư mục: tr. 331-333 s612026

271. Phạm Văn Hùng. Quản lý đầu tư trong nền kinh tế thị trường : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Hùng. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 338 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 239000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. - Thư mục: tr. 337-338 s611859

272. Phan Đức Ngai. Nguồn lợi sinh vật đáy trong thủy vực nửa kín ở vùng biển ven bờ biển miền Trung / Phan Đức Ngai. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 149 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 156000đ. - 100b

Phụ lục: tr. 127-134. - Thư mục: tr. 135-147 s611604

273. Phát triển đào tạo nghề phục vụ nông nghiệp công nghệ cao ở Hà Nội và vùng thủ đô : Sách chuyên khảo / Nguyễn Phương Lê, Lê Thị Thanh Loan (ch.b.), Nguyễn Thị Thiêm... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 247 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Nông nghiệp Việt Nam. - Phụ lục: tr. 228-237. - Thư mục: tr. 238-247 s611654

274. Quản trị biến động và khủng hoảng / Lê Mạnh Hùng (ch.b.), Lê Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Mậu... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 308 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 299-305 s611510

275. Sơn Trà. Đất thường : Một cuốn sách bình thường chia sẻ những điều bình thường về đất - đầu tư & nghề môi giới / Sơn Trà. - H. : Thế giới, 2025. - 112 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 86-108. - Thư mục: tr. 109-112 s611675

276. Tào Quỳ. Bồi dưỡng kỹ năng tài chính cho trẻ / Tào Quỳ ; Phạm Hồng Yên dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 375 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 儿童财商故事系列 s612084

277. Trần Đình Thắng. Giáo trình Thẩm định giá bất động sản / Trần Đình Thắng (ch.b.), Nguyễn Minh Nhật, Hoàng Thị Mậu. - H. : Tài chính, 2025. - ix, 277 tr. : bảng ; 24 cm. - 58000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Thư mục: tr. 276-277 s611667

278. Trần Văn Hải. Giáo trình Chuyển giao công nghệ / Trần Văn Hải. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 282 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 130000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục cuối mỗi chương s612106

279. Trump, Donald J. Nghệ thuật đàm phán = The art of the deal / Donald J. Trump, Tony Schwartz ; Nguyễn Đăng Thiệu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 327 tr. ; 20 cm. - 109000đ. - 2000b s611835

280. Yen Wen Hwa. Dấu ấn sau giông bão / Yen Wen Hwa ; Chắp bút: Vương Quốc Cang ; Nhan Húc Quân h.d. - H. : Thế giới, 2025. - 193 tr. : ảnh ; 23 cm. - 300b s611728

281. Zeihan, Peter. Kết thúc chỉ là khởi đầu : Phác thảo sự sụp đổ của toàn cầu hoá = The end of the world is just the beginning : Mapping the collapse of globalization / Peter Zeihan ; Hà Hoàng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 609 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 350000đ. - 2500b s611722

282. Zitelmann, Rainer. Sự trỗi dậy của rồng và đại bàng trắng: Việt Nam, Ba Lan và nguồn gốc sự thịnh vượng : Sách tham khảo / Rainer Zitelmann ; Biên dịch, h.d.: Thu Thủy, Chu Ngân. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 318 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 500b

Tên sách tiếng Anh: The rise of the dragon and the white eagle - How nations escape poverty. - Thư mục: tr. 303-317 s611509

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

283. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học : Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị / B.s.: Hoàng Chi Bảo, Dương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 275 tr. ; 21 cm. - 46000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 270-272 s611507

PHÁP LUẬT

284. Giáo trình Kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ án hành chính / Lê Thu Hằng, Nguyễn Thị Thu Hương (ch.b.), Vũ Thị Hoà, Đồng Thị Kim Thoa. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tư pháp. - 24 cm. - 98000đ. - 414b

ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp

T.2: Phần chuyên sâu. - 2025. - 299 tr. - Thư mục: tr. 293-295 s611551

285. Giáo trình Luật Thương mại / Bùi Hữu Đoàn, Đỗ Mạnh Phương (ch.b.), Lê Ngọc Thắng... - H. : Công an nhân dân. - 24 cm. - 192000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng

T.2. - 2025. - 336 tr. : bảng, sơ đồ. - Thư mục: tr. 320-328 s611528

286. Hamilton, Alexander. Luận cương người liên bang = The federalist papers : Tuyển tập các bài luận bên vực bản Hiến pháp mới cho Liên minh các tiểu bang Hoa Kỳ được soạn

thảo và ký kết trong Hội nghị Lập hiến ngày 17/9/1787 / Alexander Hamilton, James Madison, John Jay ; Dịch: Quốc Trung, Hồng Ngọc ; Nguyễn Cảnh Bình h.đ., giới thiệu. - H. : Thế giới, 2025. - 485 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Chính trị). - 299000đ. - 1500b s611706

287. Hướng dẫn học Công pháp quốc tế / Trần Thị Nguyệt (ch.b.), Vũ Văn Ngọc, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Trần Lê Thiên Ngân. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 366 tr. : bảng ; 24 cm. - 286000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh tế và Quản lý công. Khoa Luật. - Thư mục: tr. 362-364. - Phụ lục: tr. 365-366 s611865

288. Hướng dẫn học tập môn học Nghĩa vụ và hợp đồng / Châu Bảo Anh, Phan Thị Hồng Ân, Đỗ Phúc Liên Sơn... ; Châu Bảo Anh ch.b. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 232 tr. ; 24 cm. - 96000đ. - 310b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Khoa Luật. - Thư mục: tr. 228-231 s611529

289. Nguyễn Minh Hằng. Giải quyết tranh chấp hợp đồng về quyền sử dụng đất / Nguyễn Minh Hằng. - H. : Tư pháp, 2025. - 623 tr. ; 24 cm. - 138000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp s611550

290. Phạm Thanh Hằng. Chính sách tôn giáo của Nhật Bản và một số khuyến nghị với Việt Nam / Phạm Thanh Hằng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 278 tr. ; 24 cm. - 1000b
Phụ lục: tr. 202-259. - Thư mục: tr. 260-276 s611517

291. Phạm Thanh Hữu. Tìm hiểu Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 / Phạm Thanh Hữu, Nguyễn Thành Trung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 360 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 1000b s611503

292. Sổ ghi chú ly hôn. - H. : Tư pháp, 2025. - 100 tr. : bảng ; 30 cm. - 60000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp s611944

293. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm trong Luật Hình sự Việt Nam : Sách tham khảo / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Linh (ch.b.), Nguyễn Khắc Đạt, Nguyễn Phương Dung... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 239 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 158000đ. - 110b

Phụ lục: tr. 147-228. - Thư mục: tr. 229-233 s611542

294. Trần Thị Thuý An. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thị trường: Những vấn đề lý luận và thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Trần Thị Thuý An. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 110b

Thư mục: tr. 201-223 s611543

295. Trương Ngọc Liêu. Hợp đồng và rủi ro pháp lý: Cách nhận diện và phòng ngừa / Trương Ngọc Liêu. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 291 tr. : bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 282-285 s611508

296. Trương Ngọc Liêu. Tìm hiểu Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 / Trương Ngọc Liêu. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 244 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1000b s611501

297. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Địa chất và Khoáng sản và nghị định quy định chi tiết. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 371 tr. : bảng ; 24 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 334-351 s611574

298. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Địa chất và Khoáng sản và nghị định quy định chi tiết : Luật số 54/2024/QH15 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 371 tr. : bảng ; 24 cm. - 230000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 334-351 s611575

HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

299. Acharya, Amitav. ASEAN và trật tự khu vực: Nhìn lại cộng đồng an ninh tại khu vực Đông Nam Á / Amitav Acharya. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 192 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 360b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục B01. - Lưu hành nội bộ s611530

300. Bùi Thu Hà. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Sơn La : Sách chuyên khảo / Bùi Thu Hà (ch.b.), Lò Thị Thuý Hà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 215 tr. : bảng ; 21 cm. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Sơn La. - Thư mục: tr. 202-208. - Phụ lục: tr. 209-213 s611541

301. Chính sách tín dụng cho người yếu thế ở Việt Nam - Nhìn từ góc độ tài chính toàn diện : Sách chuyên khảo / Bùi Hữu Toàn, Lê Ngọc Thắng (ch.b.), Phan Đăng Hải... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 192 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 100b

Thư mục: tr. 182-192 s611945

302. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 / Nghiêm Viết Hải (tổng ch.b.), Đoàn Chí Kiên (ch.b.), Hoàng Quốc Huy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 13400đ. - 55000b s612872

303. Giáo trình Kinh tế và quản lý tài chính công / B.s.: Nguyễn Thị Thanh Nhân, Nguyễn Thị Mỹ (ch.b.), Bùi Thị Minh Tiệp... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 237 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 125000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Hải Phòng. - Thư mục: tr. 237 s611852

304. Kiến thức chính trị trong môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh : Dùng cho sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng nghề / Nguyễn Văn Hoà (ch.b.), Nguyễn Xuân Tuấn, Nguyễn Ngọc Khôi... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 173 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - Tài liệu lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 170-173 s611596

305. Kiến thức quân sự trong môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh : Dùng cho sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng nghề / Nguyễn Văn Hoà (ch.b.), Lê Xuân Điệp, Nguyễn Ngọc Khôi... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 275 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 188000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - Tài liệu lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 274-275 s611593

306. Kỷ yếu hoạt động Hội đồng nhân dân huyện Tây Giang giai đoạn 2003 - 2026 / B.s.: Bhlíng Mía, Phùng Thị Dung, Bríu Thị Sen... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 133 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Hội đồng nhân dân huyện Tây Giang s611614

307. Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân quận Hai Bà Trưng (1945 - 2025) / B.s.: Cao Tiến Sơn, Phạm Đình Phong, Nguyễn Duy Sơn... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 317 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Quận uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng. Đảng uỷ, Ban Chỉ huy Quân sự quận Hai Bà Trưng. - Phụ lục: tr. 271-313. - Thư mục: tr. 315-317 s612030

308. Nguyễn Chí Vịnh. Những câu chuyện về Đại tướng Nguyễn Chí Thanh : Hồi ức và sưu tầm / Nguyễn Chí Vịnh ch.b. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 311 tr. : ảnh ; 24 cm. - 219000đ. - 312b

Phụ lục: tr. 275-311 s611876

309. Nguyễn Thị Thanh Thuận. Biên niên sự kiện lịch sử Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Bình Thuận (1975 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Thanh Thuận, Phan Thanh Cần, Tô Đức Nghĩa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 263 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Công an tỉnh Bình Thuận. Phòng An ninh kinh tế. - Lưu hành nội bộ s611537

310. Quản lý thuế trong nền kinh tế số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Đào Tùng (ch.b.), Nguyễn Trọng Cơ, Ngô Thanh Hoàng... - H. : Tài chính, 2025. - 549 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200b

Thư mục: tr. 441-445 s611672

311. Tên lửa ta đánh rất hay / Vũ Xuân Vinh, Nguyễn Văn Phiệt, Chu Thái... ; S.t.: Nguyễn Đình Kiên, Nguyễn Xuân Quang. - H. : Thế giới, 2025. - 487 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Liên lạc bạn chiến đấu Bộ đội Tên lửa Phòng không. - Thư mục: tr. 487 s611707

312. Vũ Công Lập. Những cánh thư ra Bắc vào Nam : Chuyện về những bức thư của gia đình Đại tướng Nguyễn Chí Thanh / Vũ Công Lập, Bùi Chí Trung. - Tái bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 239 tr. : ảnh ; 24 cm. - 145000đ. - 240b s611877

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

313. Biên niên sự kiện lịch sử lực lượng An ninh nội địa Công an tỉnh Bình Thuận (1975 - 2024) / B.s.: Huỳnh Hữu Kim, Bùi Hữu Hùng, Nguyễn Đình Phước... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an tỉnh Bình Thuận. - Lưu hành nội bộ s611539

314. Chủ động phòng ngừa, ứng phó với một số thách thức an ninh phi truyền thống: Mục tiêu đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam hiện nay / Nguyễn Văn Thành (ch.b.), Lê Trung Sơn, Lục Anh Tuấn... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 154 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 134-152 s611511

315. Công an tỉnh Quảng Ngãi - Thành tựu nổi bật truyền thống vẻ vang (1945 - 2025) / Phòng Tham mưu Công an tỉnh b.s. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 308 : ảnh, bảng ; 22 cm. - 240b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Công an tỉnh Quảng Ngãi. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 257-303 s611544

316. Giáo trình Biến đổi khí hậu : Dành cho đào tạo đại học khối ngành Nông nghiệp và Tài nguyên / Nguyễn Lê Ái Vĩnh (ch.b.), Đào Thị Minh Châu, Hồ Thị Phương, Lê Quang Vượng. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 175 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 95000. - 250b

Thư mục: tr. 171-175 s611488

317. Hà Văn Sỹ. Tổ chức triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Hà Văn Sỹ. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 186 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 125000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 183-186 s611867

318. Hành động sống xanh của sinh viên trên địa bàn Hà Nội : Sách tham khảo / Phùng Trọng Quế (ch.b.), Nguyễn Thị Hương An, Nguyễn Ngọc Khánh... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50b

Thư mục: tr. 111-119 s612001

319. Jackson, Tom. Điều tra hiện trường - Những khám phá ly kỳ = Basher science mini: Forensics : 9+ / Tom Jackson ; Minh họa: Simon Basher ; Lê Nguyễn Phi Cát dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 75 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Phiếu lưu cùng STEM). - 60000đ. - 1500b s611789

320. La Nguyễn Hữu Sơn. Người chiến sĩ "sống anh dũng, chết vẻ vang" : Truyện ký / La Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Xuân Tuấn. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 231 tr. : ảnh ; 21 cm. - 118000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 215-230 s611525

321. Nguyễn Khắc Đức. Như những vì sao : Chân dung chỉ huy, tướng lĩnh Công an nhân dân / Nguyễn Khắc Đức. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 327 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 160000đ. - 500b s611524

322. Nguyễn Phú Trọng. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, vì nước quên thân, vì dân phục vụ / Nguyễn Phú Trọng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 599 tr. : ảnh ; 24 cm. - 5185b s611522

323. Nguyễn Thị Hải Đường. Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm y tế tự nguyện: Thực tế và xu hướng phát triển ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Hải Đường, Tô Thị Hồng, Nguyễn Thị Lệ Huyền. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 116 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 89000đ. - 100b

Thư mục: tr. 115-116 s611587

324. Nguyễn Văn Ngọc. Điệp viên nhảy dù thành giám đốc công an Trung Bộ : Tự truyện của người tù cộng sản được quân Anh huấn luyện tình báo / Nguyễn Văn Ngọc. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 500b s611545

325. Phạm Diệu Linh. Sổ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : bảng ; 21x30 cm. - 15500đ. - 15000b s612604

326. Schechter, Harold. 100 kỷ vật tội ác : Dòng lịch sử chấn động về những kẻ sát nhân có thật / Harold Schechter ; Vân Anh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 286 tr. : ảnh ; 24 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Murderabilia: A history of crime in 100 objects. - Thư mục: tr. 286 s611774

327. Sổ tay Hướng dẫn thu gom, xử lý và sử dụng rơm rạ tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Hùng Cường (ch.b.), Nguyễn Quang Dũng, Phạm Thu Hiền... - H. : Thế giới, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp. - Phụ lục: tr. 38-53. - Thư mục: tr. 54-59 s611685

328. Sổ tay Hướng dẫn thu gom, xử lý và sử dụng rơm rạ tại vùng Đồng bằng sông Hồng / Nguyễn Hùng Cường (ch.b.), Nguyễn Quang Dũng, Phạm Thu Hiền... - H. : Thế giới, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp. - Phụ lục: tr. 37-54. - Thư mục: tr. 55-60 s611684

329. Thư An. Thoát khỏi mê cung ái kỷ / Thư An. - H. : Thế giới, 2025. - 305 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 199000đ. - 500b s611705

330. Xây dựng văn hoá tiết kiệm, chống lãng phí cho sinh viên Học viện An ninh nhân dân trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Văn Tiến, Hà Tiến Linh (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 264 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 110b

Phụ lục: tr. 200- 244. - Thư mục : tr. 245- 258 s611540

GIÁO DỤC

331. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 1 / Vũ Thị Lan, Hoàng Minh Ngọc. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 3000b s612622

332. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 2 / Dương Thị Hương (ch.b.), Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 3000b s612623

333. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 3 / Dương Thị Hương (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 3000b s612624

334. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 5 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Dương Thị Hương, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 68 tr. : bảng s612625

335. 35 đề ôn luyện Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 5000b s612660

336. 35 đề ôn luyện Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng s612661

337. 35 đề ôn luyện Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s612662

338. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 1 : Thầy cô, cha mẹ hỗ trợ - hướng dẫn cho học sinh đọc và học / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Đoàn Thị Thuý Hạnh, Võ Thanh Hà. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 23000đ. - 20000b s613176

339. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 2 / Nguyễn Văn Tùng ch.b. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613177

340. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 3 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Đoàn Thị Thuý Hạnh, Đoàn Thị Phụng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613178

341. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 4 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Quốc Luân. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613179

342. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 5 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phan Thị Hương Giang, Hồ Thị Hương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613180

343. Bài tập chọn lọc Toán 2 : Hai buổi trong ngày : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đỗ Trung Hiệu (ch.b.), Đỗ Trung Kiên. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 58000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 124 tr. : hình vẽ, bảng s611961

344. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Đặng Xuân Điều, Trần Minh Hường... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 16000đ. - 11000b s612427

345. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 / Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (ch.b.), Nguyễn Hồng Kiên... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 16000đ. - 32000b s612424

346. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Đặng Xuân Điều, Vũ Phương Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 20000đ. - 14000b s612428

347. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 16000đ. - 28000b s612425

348. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 / Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 50629b s612432

349. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Đặng Xuân Điều, Vũ Phương Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 23000đ. - 3000b s612429

350. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 / Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 35049b s612433

351. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tổ Oanh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 5000b s612434

352. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Nguyễn Hồng Kiên, Vũ Phương Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 21000đ. - 6000b s612426

353. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Đặng Xuân Điều, Nguyễn Thị Bích Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 27000đ. - 2000b s612430
354. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lưu Thu Thủy, Lê Văn Cầu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 6000b s612435
355. Bé chơi và làm quen với chữ cái : 5 - 6 tuổi : Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số / Nguyễn Thị Minh Thảo, Đỗ Thị Lan Thư. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 13500đ. - 9000b s612416
356. Bé học Toán : Hành trang cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 17000đ. - 5000b s611925
357. Bé khám phá khoa học dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 8500đ. - 30000b s612999
358. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Bản thân : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lê Thu Hương, Lê Thị Đức, Nguyễn Thị Mỹ Trinh. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 8000b s612545
359. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Bản thân : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lê Thu Hương, Lê Thị Đức, Nguyễn Thị Mỹ Trinh. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 9400b s612551
360. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Bản thân : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Thu Hương, Lưu Thị Lan, Nguyễn Thị Mỹ Trinh. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 11700b s612564
361. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Gia đình : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Ngọc Minh, Bùi Kim Tuyền, Nguyễn Sinh Thảo. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 8500b s612541
362. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Gia đình : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Vũ Thị Ngọc Minh, Bùi Kim Tuyền, Nguyễn Sinh Thảo. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 10500b s612550
363. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Gia đình : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Sinh Thảo, Bùi Kim Tuyền. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11500đ. - 12100b s612565
364. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Giao thông : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Trần Thị Ngọc Trâm, Phùng Thị Tường, Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Nga. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 8200b s612548
365. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Giao thông : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Nga, Trần Thị Ngọc Trâm, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 10500b s612554
366. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Giao thông : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Hoàng Thị Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 11300b s612563

367. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Nghề nghiệp : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lương Thị Bình, Phan Lan Anh, Nguyễn Thuỳ Dương, Chu Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 8900b s612542

368. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Nghề nghiệp : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lương Thị Bình, Phan Lan Anh, Nguyễn Thuỳ Dương, Chu Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11500đ. - 10200b s612557

369. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Nghề nghiệp : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phan Thị Ngọc Anh, Lương Thị Bình, Nguyễn Thuỳ Dương... - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 12600b s612559

370. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Nước và các hiện tượng thời tiết : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Cẩm Bích, Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 8500b s612543

371. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Nước và các hiện tượng thời tiết : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Trần Thị Ngọc Trâm, Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 10200b s612553

372. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Nước và các hiện tượng thời tiết : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Trần Thị Ngọc Trâm, Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 11900b s612560

373. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Quê hương, Đất nước, Bác Hồ : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Quyên, Phan Ngọc Anh... - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 8300b s612544

374. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Quê hương, Đất nước, Bác Hồ : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Phan Lan Anh, Lương Thị Bình, Nguyễn Thuỳ Dương, Nguyễn Thị Thuý. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 9900b s612555

375. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Quê hương, Đất nước, Bác Hồ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phan Ngọc Anh, Lương Thị Bình, Nguyễn Thuỳ Dương... - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 12350b s612567

376. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Thế giới động vật : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Cẩm Bích, Trần Thị Ngọc Trâm, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 9200b s612547

377. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Thế giới động vật : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Hoàng Thị Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 10600b s612556

378. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Thế giới động vật : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Hoàng Thị Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Phùng Thị Tường. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11500đ. - 12100b s612566

379. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Thế giới thực vật : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Yến Khanh, Lê Thị Khánh Hoà, Nguyễn Thị Thu Hà, Mai Thị Mai. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 8400b s612546

380. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Thế giới thực vật : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Thị Khánh Hoà, Mai Thị Mai, Vũ Yến Khanh. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 10200b s612549

381. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Thế giới thực vật : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Mai Thị Mai, Nguyễn Thị Thu Hà, Lý Thu Hiền, Vũ Yến Khanh. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 12100b s612558

382. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Trường mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lương Thị Bình, Phan Lan Anh, Nguyễn Thuỳ Dương, Lê Thị Luận. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 7700b s612540

383. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Trường mầm non : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Phan Lan Anh, Lương Thị Bình, Nguyễn Thuỳ Dương, Lê Thị Luận. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 10500đ. - 9300b s612552

384. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Trường mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phan Ngọc Anh, Lương Thị Bình, Nguyễn Thuỳ Dương... - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 10900b s612562

385. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề: Trường tiểu học : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Mai Thị Mai, Lý Thu Hiền, Vũ Yến Khanh. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 21x28 cm. - 11000đ. - 11500b s612561

386. Bé làm quen chữ cái : 4 - 5 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12000đ. - 30000b
T.1. - 2025. - 32 tr. : tranh vẽ s612412

387. Bé làm quen chữ cái : 5 - 6 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12000đ. - 50000b
T.1. - 2025. - 32 tr. : tranh vẽ s612414

388. Bé làm quen chữ cái : 4 - 5 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12000đ. - 30000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh vẽ s612413

389. Bé làm quen chữ cái : 5 - 6 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12000đ. - 50000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh vẽ s612415

390. Bé làm quen chữ cái, chữ viết : Trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Hà Thị Cúc. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 7700đ. - 70000b s612740

391. Bé làm quen Toán : 3 - 4 tuổi / Bùi Thị Giáng Hương, Lê Thị Thanh Nga, Hoàng Bảo Thư ; Minh họa: Vũ Thị Bích Vy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 8000b s612289

392. Bé làm quen với chữ : 3 - 4 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 15000b s612411

393. Bé làm quen với chữ cái : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Hoàng Thị Hoài Thu ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 38 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 30000b s612405

394. Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10500đ. - 40000b s612399

395. Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân... - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 30 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10500đ. - 50000b s612400

396. Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân... - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 11000đ. - 80000b

Q.2. - 2025. - 32 tr. : tranh vẽ s612401

397. Bé làm quen với đọc và viết : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Đàm Thị Hoài Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b s612987

398. Bé làm quen với đọc và viết : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Nguyễn Thị Ngọc Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b s612988

399. Bé làm quen với đọc và viết : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Nguyễn Thị Ngọc Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b s612989

400. Bé làm quen với đọc và viết : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Nguyễn Thị Ngọc Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b s612990

401. Bé làm quen với Toán : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thị Thanh Dung ; Hoạ sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 30000b s612288

402. Bé làm quen với Toán : Trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Hoa. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 8900đ. - 70000b s612832

403. Bé nhận biết và làm quen với Toán : Trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Vũ Thị Hoa. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 8900đ. - 65000b s612831

404. Bé nhận biết, thực hành các kỹ năng phòng cháy chữa cháy và thoát hiểm an toàn : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Nguyễn Minh Huyền, Trần Mai Phương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 30000b s612994

405. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen chữ cái : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s611919

406. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen chữ cái : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s611920

407. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen toán : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thuỳ Trang b.s.
- H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s611917
408. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé làm quen toán : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thuỳ Trang b.s.
- H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s611918
409. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé tập so sánh : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thuỳ Trang b.s. - H.
: Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s611922
410. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé tập tô chữ : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thuỳ Trang b.s. - H.
: Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s611923
411. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé tập tô nét cơ bản : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thuỳ Trang
b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s611924
412. Bé rèn luyện kỹ năng - Bé tập tô số : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Thuỳ Trang b.s. - H. :
Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s611921
413. Bé sẵn sàng vào lớp 1 - Sáng tạo cùng chữ cái / Hoàng Thị Hoài (ch.b.), Trần Thị
Mai, Nguyễn Huyền Trang... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh hoạ ; 27 cm. -
30000đ. - 10000b s612986
414. Bé sẵn sàng vào lớp 1 - Toán học thú vị / Hoàng Thị Hoài (ch.b.), Nguyễn Hà My,
Nguyễn Huyền Trang, Lê Trần. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. :
minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b s612843
415. Bé tập tô / Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr.
: tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 55000b s612922
416. Bé tập tô các nét cơ bản / Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam,
2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 29 cm. - 16000đ. - 30000b s612921
417. Bé tập tô các nét cơ bản : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / B.s.: Hoàng Thị Nho, Phùng Thị
Ngọc Oanh ; Hoạ sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. -
24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 23500b s612392
418. Bé tập tô chữ đẹp / Phan Thuỷ, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt
Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 3000b s612394
419. Bé thực hành các kỹ năng đảm bảo an toàn : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Minh Huyền, Vũ
Huyền Trinh, Nguyễn Thị Hằng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. -
14000đ. - 32500b s613013
420. Bé thực hành các kỹ năng thích ứng với biến đổi khí hậu : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi /
Nguyễn Thị Minh Thảo, Tạ Văn Tiên, Trần Thị Hiền Tâm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục
Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 2000b s613000
421. Bé thực hành các kỹ năng thích ứng với biến đổi khí hậu : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi /
Nguyễn Thị Minh Thảo, Tạ Văn Tiên, Trần Thị Hiền Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. -
32 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 2000b s613001
422. Bé vui học tạo hình : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Đào Thị
Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. -
14000đ. - 10000b s612393

423. Bé vui khám phá thế giới xung quanh : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Thu Hằng, Hoàng Thị Thu Thảo. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 5000b s612497
424. Bé vui khám phá thế giới xung quanh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Vũ Thị Thu Hằng, Hoàng Thị Thu Thảo. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 7000b s612498
425. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Công nghệ 4 / Đồng Huy Giới, Vũ Thị Ngọc Thuý. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : bảng ; 24 cm. - 25000đ. - 5000b s612200
426. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Công nghệ 5 / Nguyễn Thị Hoa, Vũ Thị Ngọc Thuý. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 30000đ. - 5000b s612201
427. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Khoa học 4 / Ngô Diệu Nga, Nguyễn Văn Nguyên, Phạm Việt Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 30000đ. - 5000b s612470
428. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Khoa học 5 / Nguyễn Thuỳ Linh, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Văn Nguyên. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : bảng ; 24 cm. - 30000đ. - 5000b s612471
429. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 4 / Trần Thị Hà Giang, Nguyễn Thị Thu Thuý (ch.b.), Đặng Tiên Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : bảng ; 24 cm. - 30000đ. - 5000b s612227
430. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 5 / Trần Thị Hà Giang, Nguyễn Thị Thu Thuý (ch.b.), Đặng Tiên Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 30000đ. - 5000b s612228
431. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 4 / Trần Hương Quỳnh (ch.b.), Dương Thu Hà, Nguyễn Thị Hạnh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 37000đ. - 5000b s612500
432. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 5 / Trần Hương Quỳnh (ch.b.), Dương Thu Hà, Nguyễn Thị Hạnh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612501
433. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Việt 2 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Vũ Thanh Mai, Nguyễn Thu Phương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612349
434. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Việt 3 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Vũ Thanh Mai, Nguyễn Thu Phương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612350
435. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Việt 4 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Phạm Thị Bình, Đặng Thị Mai... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612351
436. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Việt 5 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Đặng Thị Mai, Lê Thị Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612352
437. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tin học 5 / Hoàng Thị Mai, Hà Đặng Cao Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : bảng ; 24 cm. - 32000đ. - 5000b s612488
438. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s612281

439. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s612282
440. Bộ phiếu giúp thực hành kỹ năng vận động tinh : Hỗ trợ hoạt động tạo hình : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Nhung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 21x30. - 19500đ. - 10000b s612583
441. Bộ phiếu giúp trẻ thực hành kỹ năng vận động tinh : Hỗ trợ hoạt động tạo hình : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Nhung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21x30 cm. - 19500đ. - 15000b s612585
442. Bộ phiếu hỗ trợ hoạt động tạo hình - Tô màu theo chủ đề : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Thanh Tâm ; Minh hoạ: Nguyễn Thị Ngọc Thủy. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21x30 cm. - 23000đ. - 1500b s612584
443. Bộ phiếu hướng dẫn trẻ thực hành các hoạt động chơi và tạo hình với chữ cái : Dành cho trẻ mẫu giáo / Phạm Thị Huệ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh vẽ ; 21x30 cm. - 23500đ. - 4000b s612582
444. Bộ phiếu thực hành tạo hình : 3 - 4 tuổi / Phạm Thảo Thủy Trân, Bùi Thị Xuân Lụa, Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21x29 cm. - 18000đ. - 20000b s612579
445. Bộ phiếu thực hành tạo hình : 25 - 36 tháng / Phạm Thảo Thủy Trân, Bùi Thị Xuân Lụa, Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 21x29 cm. - 16000đ. - 15000b s612578
446. Bộ phiếu thực hành tạo hình : 4 - 5 tuổi / Phạm Thảo Thủy Trân, Bùi Thị Xuân Lụa, Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21x29 cm. - 18000đ. - 20000b s612580
447. Bộ phiếu thực hành tạo hình : 5 - 6 tuổi / Phạm Thảo Thủy Trân, Bùi Thị Xuân Lụa, Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21x29 cm. - 18000đ. - 30000b s612581
448. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 2 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào, Vũ Hoài Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 96 tr. : tranh vẽ, bảng s612674
449. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 4 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 119 tr. : minh hoạ s612631
450. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 4 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 115 tr. : minh hoạ s612632
451. Bồi dưỡng Toán lớp 4 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Cánh, Phùng Như Thủy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612787
452. Bồi dưỡng Toán lớp 4 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Cánh, Phùng Như Thủy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ. - 3000b

- T.2. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s612788
453. Các hoạt động giáo dục cảm xúc xã hội : Trẻ 3 - 4 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 10000b s613015
454. Các hoạt động giáo dục cảm xúc xã hội : Trẻ 4 - 5 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 10000b s613016
455. Các hoạt động giáo dục cảm xúc xã hội : Trẻ 5 - 6 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 10000b s613017
456. Các hoạt động giáo dục giới : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Vũ Thị Thu Hằng, Đặng Thị Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 11000đ. - 10000b s613025
457. Các hoạt động giáo dục giới : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Vũ Thị Thu Hằng, Đặng Thị Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 11000đ. - 15000b s613026
458. Các hoạt động giáo dục giới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Vũ Thị Thu Hằng, Đặng Thị Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 11000đ. - 18000b s613027
459. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Phạm Thị Huệ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 11000đ. - 10000b s612960
460. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9000đ. - 10000b s613019
461. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Trẻ 5 - 6 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 25000b s613020
462. Các hoạt động giúp bé bảo vệ môi trường : Trẻ 5 - 6 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Phạm Thị Huệ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 12500b s613002
463. Các hoạt động giúp bé khám phá và tiếp cận công nghệ : Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi vào học lớp 1. Đáp ứng yêu cầu liên thông Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Phạm Thị Thu Hương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Phát triển nhận thức; Q.2). - 14000đ. - 10000b s613023
464. Các hoạt động giúp bé khám phá và tiếp cận công nghệ : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Phạm Thị Thu Hương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 10000b s613021
465. Các hoạt động giúp bé khám phá và tiếp cận công nghệ : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Phạm Thị Thu Hương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 10000b s613022
466. Các hoạt động giúp bé làm quen với Toán : Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi vào học lớp 1 : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Thanh Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 16000đ. - 10000b

Q.1: Phát triển nhận thức. - 2025. - 35 tr. : bảng, tranh màu s612979

467. Các hoạt động giúp trẻ 3 - 4 tuổi phòng tránh xâm hại và bạo hành / Vũ Huyền Trinh, Vũ Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 15000b s613010

468. Các hoạt động giúp trẻ 4 - 5 tuổi phòng tránh xâm hại và bạo hành / Vũ Huyền Trinh, Vũ Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 15000b s613011

469. Các hoạt động giúp trẻ 5 - 6 tuổi phòng tránh xâm hại và bạo hành / Vũ Huyền Trinh, Vũ Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 10000b s613012

470. Các hoạt động giúp trẻ làm quen với phương tiện và quy định giao thông : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo, Phạm Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 30000b s613014

471. Các hoạt động tích hợp phát triển tư duy logic : Đáp ứng đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Hoàng Thị Hiền, Vũ Đình Chinh, Đặng Thị Phương Dung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s612996

472. Các hoạt động tích hợp phát triển tư duy logic : Đáp ứng đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Hoàng Thị Hiền, Vũ Đình Chinh, Đặng Thị Phương Dung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 14000đ. - 10000b s612997

473. Các hoạt động tích hợp phát triển tư duy logic : Đáp ứng đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Hoàng Thị Hiền, Vũ Đình Chinh, Đặng Thị Phương Dung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 10000b s612998

474. Cao Thị Hồng Nhung. Hướng dẫn xây dựng mô hình trường mầm non xanh : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Cao Thị Hồng Nhung, Dương Thị Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s612915

475. Cao Thị Hồng Nhung. Xây dựng trường mầm non hạnh phúc từ những điều đơn giản / Cao Thị Hồng Nhung, Đinh Thị Thu. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s612981

476. Cẩm nang Hướng dẫn chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi trong cơ sở giáo dục mầm non sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Dinh, Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Hiền... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 43-54. - Thư mục: tr. 55 s612918

477. Cẩm nang Hướng dẫn công tác quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục / Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Vũ Thị Thu Hằng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b
Phụ lục: tr. 72-74. - Thư mục: tr. 75 s612917

478. Công nghệ 4 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 314000b s613151

479. Công nghệ 4 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đồng Huy Giới...
- Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 250000b s613138
480. Công nghệ 5 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Lê Thị Xinh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8800đ. - 321000b s612808
481. Công nghệ 5 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Dương Giáng Thiên Hương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 290000b s613139
482. Cùng bé làm quen với Toán : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Đàm Thị Hoài Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b s612839
483. Cùng chơi và tư duy - Khám phá môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Hoàng Thị Thu Thảo, Phạm Vũ Thuỳ Nhân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 14000đ. - 3000b s612980
484. Cùng chơi và tư duy - Tạo hình : Dành cho trẻ 25 - 36 tháng tuổi / Phạm Thảo Thuỳ Trân, Lương Thị Ngọc Hà, Đào Thị Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20x30 cm. - 14000đ. - 3000b s612571
485. Cùng chơi và tư duy - Tạo hình : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Phạm Thảo Thuỳ Trân, Lương Thị Ngọc Hà, Đào Thị Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20x30 cm. - 14000đ. - 3000b s612572
486. Cùng chơi và tư duy - Toán : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Hứa Thị Lan Anh, Hoàng Minh Thư. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 8000b s612844
487. Cùng chơi và tư duy - Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Hứa Thị Lan Anh, Hoàng Minh Thư. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 12000b s612845
488. Cùng em thực hành kỹ năng sống lớp 1 / Trần Phương Nam, Phan Hạnh Nguyên (ch.b.), Nhật Hân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s612961
489. Cùng em thực hành kỹ năng sống lớp 2 / Trần Phương Nam, Phan Hạnh Nguyên (ch.b.), Nhật Hân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s612962
490. Cùng em thực hành kỹ năng sống lớp 3 / Trần Phương Nam, Phan Hạnh Nguyên (ch.b.), Nhật Hân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s612963
491. Cùng em thực hành kỹ năng sống lớp 4 / Trần Phương Nam, Phan Hạnh Nguyên (ch.b.), Nhật Hân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s612964
492. Cùng em thực hành kỹ năng sống lớp 5 / Trần Phương Nam, Phan Hạnh Nguyên (ch.b.), Nhật Hân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s612965

493. Cùng trẻ chơi và tư duy - Tạo hình : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Phạm Thảo Thủy Trân, Lương Thị Ngọc Hà, Đào Thị Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20x30 cm. - 14000đ. - 5000b s612573
494. Cùng trẻ chơi và tư duy - Tạo hình : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phạm Thảo Thủy Trân, Lương Thị Ngọc Hà, Đào Thị Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 20x30 cm. - 14000đ. - 30000b s612574
495. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Chữ cái : Trẻ 3 - 4 tuổi / Hà Thị Ngọc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 180000đ. - 25000b s612741
496. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Chữ cái : Trẻ 4 - 5 tuổi / Hứa Thị Lan Anh, Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 17000đ. - 70000b s612923
497. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Chữ cái : Trẻ 5 - 6 tuổi / Hứa Thị Lan Anh, Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 29 cm. - 18000đ. - 90000b s612924
498. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Khám phá Khoa học và xã hội : Trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Hoàng Thị Thu Thảo, Đỗ Hà Ngọc, Phạm Vũ Thủy Nhân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 29 cm. - 14000đ. - 20000b s612928
499. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Khám phá Khoa học và xã hội : Trẻ 3 - 4 tuổi / Hoàng Thị Thu Thảo, Đỗ Hà Ngọc, Phạm Vũ Thủy Nhân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 29 cm. - 16000đ. - 40000b s612929
500. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Khám phá Khoa học và xã hội : Trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Thu Thảo, Đỗ Hà Ngọc, Phạm Vũ Thủy Nhân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 29 cm. - 17000đ. - 55000b s612930
501. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Khám phá Khoa học và xã hội : Trẻ 5 - 6 tuổi / Hoàng Thị Thu Thảo, Đỗ Hà Ngọc, Phạm Vũ Thủy Nhân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 75000b s612931
502. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Tạo hình : Trẻ 25 - 36 tháng / Phạm Thảo Thủy Trân, Đỗ Hà Ngọc, Đào Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21x29 cm. - 14000đ. - 20000b s612568
503. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Tạo hình : Trẻ 3 - 4 tuổi / Phạm Thảo Thủy Trân, Đỗ Hà Ngọc, Đào Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21x29 cm. - 16000đ. - 45000b s612569
504. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Tạo hình : Trẻ 5 - 6 tuổi / Phạm Thảo Thủy Trân, Đỗ Hà Ngọc, Đào Quỳnh Như. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 21x29 cm. - 18000đ. - 73000b s612570
505. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Toán : Trẻ 25 - 36 tháng / Hứa Thị Lan Anh, Đỗ Hà Ngọc, Bùi Thị Giáng Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 14000đ. - 23000b s612865
506. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Toán : Trẻ 3 - 4 tuổi / Hứa Thị Lan Anh, Đỗ Hà Ngọc, Bùi Thị Giáng Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 16000đ. - 45000b s612866
507. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Toán : Trẻ 4 - 5 tuổi / Bùi Thị Giáng Hương, Đỗ Hà Ngọc, Hứa Thị Lan Anh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 17000đ. - 60000b s612867

508. Cùng trẻ phát triển toàn diện - Toán : Trẻ 5 - 6 tuổi / Bùi Thị Giáng Hương, Đỗ Hà Ngọc, Hứa Thị Lan Anh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 18000đ. - 7700b s612868

509. Đạo đức 1 / Đinh Phương Duy (tổng ch.b.), Trần Thanh Bình (ch.b.), Trần Minh Hương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : ảnh, tranh màu ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 260000b s612886

510. Đạo đức 1 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 335622b s612891

511. Đạo đức 1 / Phạm Quỳnh (ch.b.), Trần Thị Thuỳ Dung, Nguyễn Hà My, Nguyễn Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục). - 10200đ. - 25000b s612884

512. Đạo đức 2 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9900đ. - 223000b s612892

513. Đạo đức 2 / Trần Thanh Bình, Đinh Phương Duy, Phạm Quỳnh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 266000b s612887

514. Đạo đức 3 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 296000b s612888

515. Đạo đức 4 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Mai Mỹ Hạnh (ch.b.), Trần Thanh Dư... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 317000b s612889

516. Đạo đức 5 / Huỳnh Văn Sơn (tổng ch.b.), Mai Mỹ Hạnh (ch.b.), Trần Thanh Dư... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 36900b s612890

517. Đạo đức 5 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 295000b s612893

518. Đoàn Thị Cúc. Giáo trình Đánh giá trong giáo dục tiểu học / Đoàn Thị Cúc, Hà Mỹ Hạnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 88000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 101-102. - Phụ lục: tr. 103-119 s612152

519. Đoàn Thị Thuần. Hướng dẫn giáo viên mầm non ứng dụng sơ đồ tư duy và sketchnote vào dạy học dự án / Đoàn Thị Thuần, Trần Thị Ngoan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s612916

520. Đọc hiểu mở rộng văn bản Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Bùi Minh Đức (tổng ch.b.), Trần Thị Hạnh Phương (ch.b.), Dương Thị Mỹ Hằng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 143 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 39000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 s612348

521. Em luyện viết lớp 1 : Dùng cho học sinh Tiểu học tỉnh Bình Thuận / Bùi Tấn Tươi (ch.b.), Đỗ Thị Hồng Cúc, Huỳnh Văn Hiếu. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 16500đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 47 tr. : hình vẽ s612388

522. Em luyện viết lớp 1 : Dùng cho học sinh Tiểu học tỉnh Bình Thuận / Bùi Tất Tươi (ch.b.), Đỗ Thị Hồng Cúc, Huỳnh Văn Hiếu. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 16500đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 43 tr. : hình vẽ s612389

523. Em luyện viết lớp 2 : Dùng cho học sinh Tiểu học tỉnh Bình Thuận / Bùi Tất Tươi (ch.b.), Đỗ Thị Hồng Cúc, Huỳnh Văn Hiếu. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 16500đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 43 tr. : hình vẽ s612390

524. Em luyện viết lớp 3 : Dùng cho học sinh Tiểu học tỉnh Bình Thuận / Bùi Tất Tươi (ch.b.), Đỗ Thị Hồng Cúc, Huỳnh Văn Hiếu. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 16500đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 43 tr. : hình vẽ s612391

525. Em nói tiếng Việt : Dành cho học sinh lớp 1 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ (ch.b.), Hoàng Thị Lý, Nguyễn Thị Kim Oanh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s612726

526. Em tập tô : Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612737

527. Giáo dục An toàn giao thông lớp 1 / Đỗ Thành Trung, Nguyễn Nguyệt Hồng. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : ảnh ; 24 cm. - (An toàn giao thông cho em). - 12000đ. - 5000b s612493

528. Giáo dục An toàn giao thông lớp 2 / Đỗ Thành Trung, Nguyễn Nguyệt Hồng. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - (An toàn giao thông cho em). - 12000đ. - 10000b s612494

529. Giáo dục An toàn giao thông lớp 4 / Đỗ Thành Trung, Nguyễn Nguyệt Hồng. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : ảnh ; 24 cm. - (An toàn giao thông cho em). - 12000đ. - 10000b s612495

530. Giáo dục An toàn giao thông lớp 5 / Đỗ Thành Trung, Nguyễn Nguyệt Hồng. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - (An toàn giao thông cho em). - 12000đ. - 5000b s612496

531. Giáo dục giới, bình đẳng giới và quyền trẻ em : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga, Chu Thị Hồng Nhung, Trần Thị Kim Uyên ; Minh hoạ: Quỳnh Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 15000b s613005

532. Giáo dục giới, bình đẳng giới và quyền trẻ em : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Nga, Vũ Thị Ngọc Minh, Trần Thị Kim Uyên ; Minh hoạ: Phùng Thu Linh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 20000b s613006

533. Giáo dục giới, bình đẳng giới và quyền trẻ em : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Nga, Vũ Thị Ngọc Minh, Chu Thị Hồng Nhung, Trần Thị Kim Uyên ; Minh hoạ: Đặng Hồng

Quân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 20000b s613007

534. Giáo dục kỹ năng sống : Tiếp cận Quyền trẻ em và Giáo dục bình đẳng giới : Trẻ 3 - 4 tuổi / Trần Thị Tâm Minh, Hà Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 25000b s612971

535. Giáo dục kỹ năng sống : Tiếp cận Quyền trẻ em và Giáo dục bình đẳng giới : Trẻ 4 - 5 tuổi / Trần Thị Tâm Minh, Hà Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 25000b s612972

536. Giáo dục kỹ năng sống : Tiếp cận Quyền trẻ em và Giáo dục bình đẳng giới : Trẻ 5 - 6 tuổi / Trần Thị Tâm Minh, Hà Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 25000b s612973

537. Giáo dục kỹ năng sống lớp 1 / Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Hoàng Thị Hoài, Nguyễn Hà My... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 30000đ. - 3000b s612974

538. Giáo dục kỹ năng sống lớp 2 / Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 30000đ. - 3000b s612975

539. Giáo dục kỹ năng sống lớp 3 / Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 30000đ. - 3000b s612976

540. Giáo dục kỹ năng sống lớp 4 / Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s612977

541. Giáo dục kỹ năng sống lớp 5 / Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s612978

542. Giáo dục STEM 1 - Hành trình sáng tạo : Sách học sinh / Lê Huy Hoàng, Nguyễn Thị Thu Trang (tổng ch.b.), Vũ Như Thư Hương (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 20000b s613171

543. Giáo dục STEM 2 - Hành trình sáng tạo : Sách học sinh / Lê Huy Hoàng, Nguyễn Thị Thu Trang (tổng ch.b.), Nguyễn Lâm Hữu Phước (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 20000b s613172

544. Giáo dục STEM 3 - Hành trình sáng tạo : Sách học sinh / Lê Huy Hoàng, Nguyễn Thị Thu Trang (tổng ch.b.), Thái Hoài Minh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 20000b s613173

545. Giáo dục STEM 4 - Hành trình sáng tạo : Sách học sinh / Lê Huy Hoàng, Nguyễn Thị Thu Trang (tổng ch.b.), Phạm Thị Bình (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 30000b s613174

546. Giáo dục STEM 5 - Hành trình sáng tạo : Sách học sinh / Lê Huy Hoàng, Nguyễn Thị Thu Trang (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Tâm (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 30000b s613175

547. Giáo dục STEM lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 5000b s613167

548. Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Đặng Lan Phương, Nguyễn Thanh Huyền, Đỗ Thị Ngọc. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Bộ sách Kỹ năng sống dành cho lứa tuổi mầm non). - 13000đ. - 20000b s613031

549. Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Đặng Lan Phương, Nguyễn Thanh Huyền, Đỗ Thị Ngọc. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Bộ sách Kỹ năng sống dành cho lứa tuổi mầm non). - 13000đ. - 40000b s613032

550. Giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Đặng Lan Phương, Nguyễn Thanh Huyền, Đỗ Thị Ngọc. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Bộ sách Kỹ năng sống dành cho lứa tuổi mầm non). - 13000đ. - 60000b s613033

551. Giáo trình Giao tiếp sư phạm / B.s.: Nguyễn Thu Nga (ch.b.), Vũ Thanh Hiền, Hà Thị Kim Oanh... - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 339 tr. : minh họa ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 250-339 s611497

552. Giáo trình Lý luận và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 / Lê Thị Hoài Châu (ch.b.), Lâm Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Kinh Danh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : bảng ; 24 cm. - 52000đ. - 1050b

Thư mục: tr. 108 s612279

553. Giáo trình Tâm lý học giáo dục / Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huệ... - In lần thứ 8. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 319 tr. : bảng ; 24 cm. - 96000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 317-319 s611637

554. Giúp bé làm quen với Toán : Dành cho lớp mẫu giáo ghép 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11500đ. - 32000b s612287

555. Giúp em tập viết đúng : Trình bày trên giấy ô li / Lê Ngọc Điệp (ch.b.), Mai Nhị Hà, Lê Ngọc Tường Khanh. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 56 tr. : tranh vẽ s612410

556. Giúp em viết chữ đẹp lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - In lần thứ 6. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 4000b

T.1. - 2025. - 40 tr. s611646

557. Giúp em viết chữ đẹp lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - In lần thứ 6. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 40 tr. s611647

558. Giúp em viết chữ đẹp lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Kim Mai. - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 40 tr. : tranh vẽ s611648

559. Giúp em viết chữ đẹp lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Kim Mai. - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 18500đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 40 tr. : tranh vẽ s611649

560. Giúp em viết đúng, viết đẹp lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hải Lê (ch.b.), Nguyễn Hoàng Trúc, Nguyễn Thị Minh Hương. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 18500đ. - 18500b
T.1. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ s611842
561. Giúp em viết đúng, viết đẹp lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hải Lê (ch.b.), Trương Trần Hoàng Phúc, Lê Thị Bình Minh. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 18500đ. - 16500b
T.2. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ s611843
562. Giúp em viết đúng, viết đẹp lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hải Lê (ch.b.), Trương Trần Hoàng Phúc, Nguyễn Thị Linh Chi. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 18500đ. - 15000b
T.1. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, ảnh s611844
563. Giúp em viết đúng, viết đẹp lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hải Lê (ch.b.), Đỗ Thị Ngọc Luyện, Lê Thị Bình Minh. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 18500đ. - 16000b
T.2. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, ảnh s611845
564. Giúp em viết đúng, viết đẹp lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hải Lê (ch.b.), Nguyễn Thị Tú Duyên. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 18500đ. - 14000b
T.1. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, ảnh s611846
565. Giúp em viết đúng, viết đẹp lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hải Lê (ch.b.), Phạm Minh Châu. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 18500đ. - 14000b
T.1. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, ảnh s611847
566. Giúp em viết đúng, viết đẹp lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hải Lê (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Hương. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 18500đ. - 11000b
T.2. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, ảnh s611848
567. Giúp trẻ 24 - 36 tháng tuổi làm quen với Toán qua hình vẽ : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 8500đ. - 30000b s612290
568. Giúp trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Hoàng Huyền Trang... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b s612840
569. Giúp trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với Toán qua hình vẽ : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 8500đ. - 30000b s612291
570. Giúp trẻ 3 - 4 tuổi nhận biết và làm quen với chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Phan Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thị Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 30000b s612402
571. Giúp trẻ 4 - 5 tuổi làm quen với Toán qua hình vẽ : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 9500đ. - 30000b s612292

572. Giúp trẻ 4 - 5 tuổi nhận biết và làm quen với chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Phan Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thị Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 40000b s612403

573. Giúp trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Hoàng Huyền Trang... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 18000đ. - 5000b

Q.1. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ, tranh vẽ s612841

574. Giúp trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Hoàng Huyền Trang... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 23000đ. - 5000b

Q.2. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ, tranh vẽ s612842

575. Giúp trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán qua hình vẽ : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 9500đ. - 30000b s612293

576. Giúp trẻ 5 - 6 tuổi nhận biết và làm quen với chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Phan Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thị Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 10000đ. - 40000b

Q.1. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s612404

577. Hành trang cho trẻ vào Lớp 1 : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Thu Thủy, Nguyễn Thị Thanh Hoà, Nguyễn Thị Hạnh, Hà Thị Giang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 19000đ. - 10000b s612919

578. Hành trang vào lớp 1 - Vở tập viết : Nét cơ bản, chữ cái, số / Thanh Hiền. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 48000đ. - 5000b

Q.1. - 2025. - 52 tr. s611916

579. Hành trình trải nghiệm của em / Phạm Thị Thuý Vĩnh, Huỳnh Linh Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Trang... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 1030b

T.1. - 2025. - 86 tr. : minh hoạ s612991

580. Hành trình trải nghiệm của em / Phạm Thị Thuý Vĩnh, Huỳnh Linh Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Trang... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm

T.2. - 2025. - 102 tr. : minh hoạ s612992

581. Hành trình trải nghiệm của em / Phạm Thị Thuý Vĩnh, Huỳnh Linh Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Trang... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 1030b

T.3. - 2025. - 78 tr. : minh hoạ s612993

582. Hoàng Công Dụng. Sổ theo dõi tài sản thiết bị, đồ dùng, đồ chơi lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi : Vận dụng Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính / Hoàng Công Dụng, Nguyễn Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : bảng ; 21x30 cm. - 15000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 15 s612575

583. Hoàng Công Dụng. Sổ theo dõi tài sản thiết bị, đồ dùng, đồ chơi lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi : Vận dụng Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính / Hoàng Công Dụng, Nguyễn Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : bảng ; 21x30 cm. - 15000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 15 s612576

584. Hoàng Công Dụng. Sổ theo dõi tài sản thiết bị, đồ dùng, đồ chơi lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi : Vận dụng Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 và Thông tư số 200/2014/TT-

BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính / Hoàng Công Dụng, Nguyễn Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : bảng ; 21x30 cm. - 13000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 15 s612577

585. Hoàng Ngọc Hiến. Sổ dự giờ : Dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non / Hoàng Ngọc Hiến. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : bảng ; 30 cm. - 30000đ. - 10000b s612608

586. Hoàng Sỹ Tương. Chuyển đổi số trong giáo dục / Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Loan. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 226 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 145000đ. - 500b

Thư mục cuối chính văn s611650

587. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12500đ. - 100000b

Q.1. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ s612286

588. Hoạt động ngoại khoá và sự phát triển tích cực của sinh viên : Sách chuyên khảo / Phạm Hương Thảo, Phạm Thị Minh Thảo (ch.b.), Phạm Hồng Hải... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 148 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 90000đ. - 200b

Thư mục: tr. 137-146 s611588

589. Hoạt động trải nghiệm 1 / Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Nguyễn Hữu Tâm (ch.b.), Nguyễn Thị Hà Liên, Lê Phương Trí. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13500đ. - 267000b s613042

590. Hoạt động trải nghiệm 2 / Ch.b.: Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Bùi Ngọc Diệp... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13900đ. - 320000b s613043

591. Hoạt động trải nghiệm 3 / Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Bùi Ngọc Diệp (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 14000đ. - 305000b s613044

592. Hoạt động trải nghiệm 4 / Đặng Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Phạm Thuỳ Liêm, Lại Thị Yến Ngọc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 13200đ. - 34000b s613046

593. Hoạt động trải nghiệm 4 / Phó Đức Hoà (tổng ch.b.), Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Lê Thị Thu Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 13200đ. - 360000b s613045

594. Hoạt động trải nghiệm 5 / Đinh Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Phạm Thuỳ Liêm, Lại Thị Yến Ngọc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 14400đ. - 63000b s613048

595. Hoạt động trải nghiệm 5 / Phó Đức Hoà (tổng ch.b.), Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Lê Thị Thu Huyền... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 14000đ. - 374000b s613047

596. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 / Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Vũ Đình Bảy (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10100đ. - 375000b s613049

597. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 / Đinh Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Vũ Đình Bảy (ch.b.), Vũ Phương Liên... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 10500đ. - 41000b s613051

598. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 / Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Bích Liên (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 10500đ. - 282000b s613050
599. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 340654b s613037
600. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 / Đinh Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Lại Thị Yến Ngọc (ch.b.), Nguyễn Hồng Kiên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 10800đ. - 322000b s613052
601. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 405570b s613038
602. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 / Đinh Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Nguyễn Hồng Kiên (ch.b.), Nguyễn Thị Bích Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 1). - 10400đ. - 353000b s613053
603. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 / Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Phương Liên (ch.b.), Trần Bảo Ngọc... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 10000đ. - 35000b s613054
604. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 344707b s613039
605. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 / Đinh Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Đỗ Văn Đoạt (ch.b.), Nguyễn Thị Bích Liên... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 11000đ. - 43000b s613055
606. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 243521b s613040
607. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 / Đinh Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Vũ Phương Liên, Cao Thị Châu Thủy (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 1). - 11500đ. - 157000b s613056
608. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 / Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Bích Liên (ch.b.), Mai Thị Phương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 11500đ. - 44000b s613057
609. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 / Đinh Thị Kim Thoa (tổng ch.b.), Vũ Phương Liên, Cao Thị Châu Thủy (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 1). - 13700đ. - 163000b s613058
610. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 / Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Bích Liên (ch.b.), Mai Thị Phương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 13000đ. - 36000b s613059
611. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 234651b s613041

612. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với chữ viết : 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 70000b s612738

613. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với chữ viết : 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 30000b s612739

614. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với Toán : Trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Ngọc Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 30000b s612833

615. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với Toán : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Ngọc Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 30000b s612834

616. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với Toán : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Ngọc Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 11000đ. - 40000b s612835

617. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với Toán : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Ngọc Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 13500đ. - 32000b s612836

618. Học liệu chủ đề Bản thân : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Chu Thị Hồng Nhung, Mai Thị Mai ; Minh hoạ: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13000b s612934

619. Học liệu chủ đề Bản thân : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Chu Thị Hồng Nhung, Mai Thị Mai ; Minh hoạ: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 16000b s612941

620. Học liệu chủ đề Bản thân : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Chu Thị Hồng Nhung, Mai Thị Mai, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh hoạ: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 19300b s612956

621. Học liệu chủ đề Gia đình : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Thuỳ Dương ; Minh hoạ: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13400b s612938

622. Học liệu chủ đề Gia đình : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thuỳ Dương ; Minh hoạ: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 17600b s612949

623. Học liệu chủ đề Gia đình : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thuỳ Dương, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh hoạ: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 19300b s612954

624. Học liệu chủ đề Giao thông : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Nguyễn Thị Nga, Chu Thị Hồng Nhung

; Minh họa: Phạm Mai Hoa, Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13400b s612935

625. Học liệu chủ đề Giao thông : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Nguyễn Thị Nga, Chu Thị Hồng Nhung ; Minh họa: Phạm Mai Hoa, Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 17400b s612944

626. Học liệu chủ đề Giao thông : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Thanh Dung, Nguyễn Thu Thủy ; Minh họa: Phạm Mai Hoa, Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 19000b s612955

627. Học liệu chủ đề Nghề nghiệp : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Thị Ngọc Minh, Chu Thị Hồng Nhung ; Minh họa: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13400b s612933

628. Học liệu chủ đề Nghề nghiệp : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Thị Ngọc Minh ; Minh họa: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 16300b s612942

629. Học liệu chủ đề Nghề nghiệp : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Cẩm Bích, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh họa: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 18600b s612951

630. Học liệu chủ đề Nước và các hiện tượng tự nhiên : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Cẩm Bích, Lê Thị Luận ; Minh họa: Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 14300b s612940

631. Học liệu chủ đề Nước và các hiện tượng tự nhiên : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Cẩm Bích, Lê Thị Luận ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 16900b s612943

632. Học liệu chủ đề Nước và các hiện tượng tự nhiên : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh họa: Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 19500b s612953

633. Học liệu chủ đề Quê hương - Đất nước : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Nga ; Minh họa: Lương Quốc Hiệp. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13300b s612936

634. Học liệu chủ đề Quê hương - Đất nước : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Nga, Lê Thị Luận, Vũ Yên Khanh ; Minh họa: Lương Quốc Hiệp. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 17300b s612945

635. Học liệu chủ đề Quê hương - Đất nước : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Dung, Vũ Yên

Khanh, Nguyễn Thị Mỹ Trinh ; Minh hoạ: Lương Quốc Hiệp. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 19200b s612959

636. Học liệu chủ đề Thế giới động vật : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Yến Khanh, Lê Thị Luận ; Minh hoạ: Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13700b s612939

637. Học liệu chủ đề Thế giới động vật : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Yến Khanh, Lê Thị Luận ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 17600b s612947

638. Học liệu chủ đề Thế giới động vật : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Yến Khanh, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh hoạ: Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 19300b s612958

639. Học liệu chủ đề Thế giới thực vật : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Vũ Yến Khanh ; Minh hoạ: Trịnh Lý. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13500b s612937

640. Học liệu chủ đề Thế giới thực vật : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Vũ Yến Khanh ; Minh hoạ: Trịnh Lý. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 17800b s612946

641. Học liệu chủ đề Thế giới thực vật : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Vũ Yến Khanh, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh hoạ: Trịnh Lý. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 19300b s612957

642. Học liệu chủ đề Trường mầm non : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Thuý ; Minh hoạ: Đinh Thanh Liêm, Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 9500đ. - 13500b s612932

643. Học liệu chủ đề Trường mầm non : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thuý ; Minh hoạ: Đinh Thanh Liêm, Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 17500b s612948

644. Học liệu chủ đề Trường mầm non : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh hoạ: Đinh Thanh Liêm, Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 18900b s612952

645. Học liệu chủ đề Trường tiểu học : Theo các lĩnh vực phát triển trong Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Cẩm Bích, Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Minh hoạ: Nagasawa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 18900b s612950

646. Hướng dẫn dạy học em nói tiếng Việt : Dành cho học sinh lớp 1 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ (ch.b.), Hoàng Thị Lý, Nguyễn Thị Kim Oanh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 176 tr. ; 27 cm. - 150000đ. - 2100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s612720

647. Hướng dẫn dạy Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 50000đ. - 2100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612725

648. Hướng dẫn đánh giá thực hiện chương trình trong cơ sở giáo dục mầm non / Trần Thị Ngọc Trâm, Hoàng Thị Dinh, Hoàng Thị Nho... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - 47000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Phụ lục: tr. 69-70. - Thư mục: tr. 71 s612912

649. Hướng dẫn đọc Tiếng Việt / Bùi Thị Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 2000b s612734

650. Hướng dẫn giải vở bài tập Tiếng Việt 2 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 40000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s611947

651. Hướng dẫn giải vở bài tập Tiếng Việt 2 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 40000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 75 tr. : minh hoạ s611948

652. Hướng dẫn giải vở bài tập Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo nội dung bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 40000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s611949

653. Hướng dẫn giải vở bài tập Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo nội dung bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 40000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s611950

654. Hướng dẫn một số kỹ năng đảm bảo an toàn cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thuý Hoàn, Nguyễn Minh Huyền... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 45000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612911

655. Hướng dẫn thực hiện giáo dục quyền con người trong cơ sở giáo dục mầm non / Cù Thị Thuý, Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Luyến... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 10000b

Phụ lục: tr. 66-86. - Thư mục: tr. 87 s612910

656. Hướng dẫn tích hợp nội dung giáo dục phòng chữa cháy và thoát hiểm an toàn trong các cơ sở giáo dục mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Nguyễn Minh Huyền, Trần Kim Khánh, Trần Mai Phương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 38000đ. - 9000b s612995

657. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thu Hà, Hoàng Thị Nho... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 79 s613018

658. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non / Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Hào... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 51000đ. - 1500b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 83 s612914
659. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục lồng ghép giới trong trường mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Đặng Thị Phương Dung, Hoàng Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 47000đ. - 3000b s613028
660. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục lồng ghép giới trong trường mầm non : Trẻ 4 - 5 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Đặng Thị Phương Dung, Hoàng Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s613029
661. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục lồng ghép giới trong trường mầm non : Trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Đặng Thị Phương Dung, Hoàng Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 68000đ. - 3000b s613030
662. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi) / Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 15. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 192 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 3000b s612905
663. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi) / Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 15. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 208 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 3000b s612906
664. Khoa học 4 / Đỗ Xuân Hội (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Thủy (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 124 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15900đ. - 311000b s613132
665. Khoa học 4 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Phan Thanh Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15900đ. - 170000b s613160
666. Khoa học 5 / Đỗ Xuân Hội (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Thủy (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14800đ. - 336000b s613159
667. Khoa học 5 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Phan Thanh Hà (ch.b.), Hà Thị Lan Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14800đ. - 201372b s613161
668. Kỉ niệm 70 năm thành lập trường Trần Quốc Tuấn (1995 - 2025) : Kỷ yếu thân hữu CHS Trần Quốc Tuấn - Quảng Ngãi thập niên 60 - 70 / Huỳnh Ngọc Phiên, Trần Sum, Lê Quốc Ân... - H. : Hồng Đức, 2025. - 272 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1500b s612080
669. Kỹ năng phòng chống xâm hại và bạo hành : Trẻ 3 - 4 tuổi / Phạm Thị Hiền, Trần Thị Kim Uyên. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Giữ an toàn và tự bảo vệ mình). - 15000đ. - 3000b s613008
670. Kỹ năng phòng chống xâm hại và bạo hành : Trẻ 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Hiền, Trần Thị Kim Uyên. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Giữ an toàn và tự bảo vệ mình). - 15000đ. - 9000b s613009
671. Làm quen Tiếng Anh : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo / Nguyễn Thị Ngọc An, Lê Hồng Thái, Nguyễn Phạm Hoàng Ánh, Phạm Thị Ngọc Tuyền. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21x28 cm. - 78000đ. - 10000b
T.3. - 2025. - 88 tr. : tranh màu s612539

672. Làm quen Tin học 1 / Nguyễn Thành Kiên, Trần Huy Quang. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 29000đ. - 30000b s612485

673. Làm quen Tin học 2 / Nguyễn Thành Kiên, Trần Huy Quang. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 29000đ. - 30000b s612486

674. Làm quen với chữ cái và tăng cường Tiếng Việt : Trẻ 3 - 4 tuổi vùng dân tộc thiểu số / Hoàng Thị Hoài Thu, Đào Thị Yên ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 12000đ. - 3000b s612406

675. Làm quen với chữ cái và tăng cường Tiếng Việt : Trẻ 4 - 5 tuổi vùng dân tộc thiểu số / Hoàng Thị Hoài Thu, Đào Thị Yên ; Minh hoạ: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s612407

676. Lập kế hoạch và thiết kế các hoạt động giáo dục trong trường mầm non : Nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Đặng Thị Lê Na, Đào Thị Diễm, Phạm Thị Hiền, Phan Vũ Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 194 tr. : bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 1500b s612904

677. Lê Thục Anh. Giáo trình Tư vấn tâm lý học đường ở trường tiểu học : Dành cho đào tạo sau đại học ngành Giáo dục học / Lê Thục Anh (ch.b.), Trần Hằng Ly. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 178 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 96000đ. - 200b

Thư mục: tr. 177-178 s611485

678. Lịch sử và Địa lí 4 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16600đ. - 175000b s613113

679. Lịch sử và Địa lí 4 / Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (ch.b.), Nguyễn Khánh Băng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 324000b s613090

680. Lịch sử và Địa lí 5 / Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (ch.b.), Nguyễn Khánh Băng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 329000b s613091

681. Luyện Tập làm văn lớp 2 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Dương Thị Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 3000b s612633

682. Luyện Tập làm văn lớp 4 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Dương Thị Hương, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 3000b s612634

683. Luyện Tập làm văn lớp 5 / Dương Thị Hương (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 3000b s612635

684. Luyện từ và câu lớp 2 / Trần Kim Phượng (ch.b.), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 3000b s612636

685. Luyện từ và câu lớp 5 / Trần Kim Phụng (ch.b.), Phạm Thị Việt Nhân, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 5000b s612637
686. Luyện viết - Mở rộng vốn từ lớp 1 / Việt Anh School b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 500b
Q.1. - 2025. - 48 tr. s611926
687. Luyện viết - Mở rộng vốn từ lớp 1 / Việt Anh School b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 500b
Q.2. - 2025. - 48 tr. s611927
688. Luyện viết 1 / Trần Thị Hải Yến b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 180b
ĐTTS ghi: Trường tiểu học, THCS & THPT Albert Einstein
Q.1. - 2025. - 28 tr. s611912
689. Luyện viết 1 / Trần Thị Hải Yến b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 130b
ĐTTS ghi: Trường tiểu học, THCS & THPT Albert Einstein
Q.2. - 2025. - 20 tr. s611913
690. Luyện viết 1 - Vở ở lớp / Trần Thị Hải Yến b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. ; 24 cm. - 290b
ĐTTS ghi: Trường tiểu học, THCS & THPT Albert Einstein s611915
691. Luyện viết 1 - Vở ở nhà / Trần Thị Hải Yến b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - 290b
ĐTTS ghi: Trường tiểu học, THCS & THPT Albert Einstein s611914
692. Melmed, Raun. Nhật kí đi học của quái vật nhỏ - Bùng nổ cơn giận (Nhưng tớ đã kiềm chế được, siêu chưa?) : Sách cho cha mẹ và trẻ 7 - 14 tuổi / Lời: Raun Melmed, Caroline Bliss Larsen ; Tranh: Arief Kriembonga ; Thái Hà dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 69000đ. - 3000b s612120
693. Melmed, Raun. Nhật kí đi học của quái vật nhỏ - Đứng thuyết trình run ghê! (Nhưng tớ đã chiến thắng, ngẫu chưa?) : Sách dành cho cha mẹ và trẻ 7 - 14 tuổi / Lời: Raun Melmed, S. E. Abramson ; Tranh: Arief Kriembonga ; Thái Hà dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 140 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 69000đ. - 3000b s612119
694. Melmed, Raun. Nhật kí đi học của quái vật nhỏ - Kết bạn chẳng dễ gì! (Nhưng tớ đã xử lý được tốt, chất lừ) : Sách cho cha mẹ và trẻ 7 - 14 tuổi / Lời: Raun Melmed, Caroline Bliss Larsen ; Tranh: Arief Kriembonga ; Thái Hà dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 155 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 69000đ. - 3000b s612118
695. Melmed, Raun. Nhật kí đi học của quái vật nhỏ - Nghiện thiết bị điện tử (Nhưng tớ đã "cai" được, thành công mãi mãi) : Sách dành cho cha mẹ và trẻ 7 - 14 tuổi / Raun Melmed, Annette Sexton ; Tranh: Jeff Harvey ; Thái Hà dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 59000đ. - 3000b s612122
696. Melmed, Raun. Nhật kí đi học của quái vật nhỏ - Tập trung sao khó thế! (Nhưng tớ đã nỗ lực hết sức, cực ngẫu!) : Sách dành cho cha mẹ và trẻ 7 - 14 tuổi / Raun Melmed, Annette Sexton ; Tranh: Jeff Harvey ; Thái Hà dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 59000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Marvin's monster diary: ADHD! s612121
697. Mô hình doanh nghiệp trong trường và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo thực hành : Kỷ yếu Hội thảo khoa học 2025 / Võ Thị Hồng Anh, Nguyễn Liên Anh, Phạm Ngọc Cường... - H. : Thế giới, 2025. - 347 tr. ; 21 cm. - 1000b

- Đầu bìa sách ghi: Trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn s611703
698. Mở rộng từ vựng - Luyện câu sáng tạo / Phạm Thị Luyện. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1: Chủ đề Thiên nhiên. - 2025. - 200 tr. : minh hoạ s611898
699. Mở rộng từ vựng - Luyện câu sáng tạo / Phạm Thị Luyện. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 150000đ. - 2000b
T.2: Chủ đề Cây cối. - 2025. - 188 tr. : minh hoạ s611899
700. Ngân hàng hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo theo dự án : Dành cho giáo viên mầm non / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thành, Trịnh Thị Xim, Lê Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 127 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 68000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 127 s612913
701. Nguyễn Đắc Thanh. Đại cương về lí luận dạy học / Nguyễn Đắc Thanh, Trần Thị Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 158-160. - Phụ lục: tr. 161-163 s611841
702. Nguyễn Minh Huyền. Sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe trẻ / Nguyễn Minh Huyền. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 13000đ. - 5000b s612601
703. Nguyễn Minh Sang. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục / Nguyễn Minh Sang, Nguyễn Minh Trung. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 185 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long. - Phụ lục: tr. 174-184. - Thư mục: tr. 185 s611607
704. Nguyễn Thị Thanh Huyền. Sổ theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ / Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng ; 27 cm. - 14500đ. - 5000b s612602
705. Nguyễn Thị Thanh Huyền. Sổ theo dõi trẻ đến nhóm/lớp mầm non / Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : bảng ; 27 cm. - 14500đ. - 15000b s612603
706. Nguyễn Thị Thu Hằng. Giáo trình Phương pháp dạy học Đạo đức / Nguyễn Thị Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 124 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 60000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 122-123 s612150
707. Nguyễn Thị Thu Hương. Sổ dự giờ / Nguyễn Thị Thu Hương, Chu Thị Tơ. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : bảng ; 30 cm. - 25000đ. - 5000b s612616
708. Nguyễn Thị Xuân Yến. Tư vấn và hỗ trợ học sinh tiểu học trong dạy học môn Tiếng Việt : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Xuân Yến (ch.b.), Bùi Nguyễn Bích Thy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 312 tr. : hình ảnh, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 100b
Phụ lục: tr. 301-311 s612142
709. Nguyễn Thuý Hằng. Tổ chức các dự án STEAM cho trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi : Dành cho giáo viên mầm non / Nguyễn Thuý Hằng, Vũ Hoàng Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 47000đ. - 3000b s613162

710. Nguyễn Thuý Hằng. Tổ chức các dự án STEAM cho trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi : Dành cho giáo viên mầm non / Nguyễn Thuý Hằng, Vũ Hoàng Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s613163

711. Nguyễn Thuý Hằng. Tổ chức các dự án STEAM cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi : Dành cho giáo viên mầm non / Nguyễn Thuý Hằng, Vũ Hoàng Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s613164

712. Nguyễn Văn Tuấn. Biền đời, biền học : Trải nghiệm & suy tư / Nguyễn Văn Tuấn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 404 tr. : bìa ; 21 cm. - 220000đ. - 2000b s611577

713. Những bài văn đạt điểm cao của học sinh giỏi lớp 4 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Tạ Đức Hiền (ch.b.), Trần Yến Lan, Nguyễn Ngọc Hà... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 152 tr. ; 24 cm. - 65000đ. - 1000b s611631

714. Ôn tập hệ môn Tiếng Việt lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Xuân Thị Nguyệt Hà, Trịnh Cam Ly, Lê Hồng Mai, Trần Thị Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : bìa, tranh vẽ ; 30 cm. - 43000đ. - 2200b s612747

715. Ôn tập hệ môn Toán lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Huỳnh Thị Kim Trang, Trần Thị Như Quỳnh, Chu Ánh Vân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bìa ; 30 cm. - 37000đ. - 2200b s612864

716. Ôn tập hệ Tiếng Việt 3 / Lê Thị Lan Anh, Đặng Thị Hảo Tâm. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 25000đ. - 3000b s612731

717. Ôn tập hệ Tiếng Việt 4 / Lê Thị Lan Anh, Đặng Thị Hảo Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 25000đ. - 2000b s612732

718. Ôn tập hệ Tiếng Việt 5 / Lê Thị Lan Anh, Đặng Thị Hảo Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 25000đ. - 2000b s612733

719. Ôn tập hệ Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 25000đ. - 3000b s612828

720. Ôn tập hệ Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 25000đ. - 3000b s612829

721. Ôn tập hệ Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 25000đ. - 3000b s612830

722. Ôn tập hệ: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh lớp 6 / Tôn Thân, Lê Thị Minh Nguyệt, Lương Quỳnh Trang. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 48000đ. - 7000b s612617

723. Ôn tập hệ: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh lớp 7 / Tôn Thân, Lê Thị Minh Nguyệt, Lương Quỳnh Trang. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 48000đ. - 6000b s612618

724. Ôn tập, đánh giá định kì môn Tiếng Việt lớp 4 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Bảo Hân, Mai Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 28000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 60 tr. : tranh vẽ, bìa s612675

725. Ôn tập, đánh giá định kì môn Tiếng Việt lớp 5 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Bảo Hân, Mai Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 28000đ. - 3200b

T.1. - 2025. - 60 tr. : tranh vẽ, bìa s612676

726. Ôn tập, đánh giá định kì môn Tiếng Việt lớp 5 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Bảo Hân, Mai Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 28000đ. - 3200b

T.2. - 2025. - 60 tr. : tranh vẽ, bảng s612677

727. Phạm Diệu Linh. Nhân sự và theo dõi thi đua / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng ; 30 cm. - 14900đ. - 2000b s612607

728. Phạm Diệu Linh. Sổ ghi biên bản họp hội đồng nhà trường / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. ; 30 cm. - 12600đ. - 3000b s612609

729. Phạm Diệu Linh. Sổ nhật ký / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : bảng ; 30 cm. - 8300đ. - 27500b s612606

730. Phạm Diệu Linh. Sổ nhật ký thu và bàn giao : Dùng cho kế toán cơ sở giáo dục mầm non / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : bảng ; 30 cm. - 10000đ. - 1000b s612615

731. Phạm Diệu Linh. Sổ quản lý bữa ăn của cán bộ, giáo viên, nhân viên / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : bảng ; 21x30 cm. - 5200đ. - 10000b s612605

732. Phạm Diệu Linh. Sổ theo dõi chất lượng trường / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : bảng ; 30 cm. - 12600đ. - 3000b s612612

733. Phạm Diệu Linh. Sổ theo dõi nhập - xuất kho / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : bảng ; 30 cm. - 8600đ. - 10000b s612611

734. Phạm Diệu Linh. Sổ theo dõi trẻ / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. : bảng ; 30 cm. - 14500đ. - 15000b s612613

735. Phạm Diệu Linh. Sổ thu và thanh toán : Dùng cho kế toán cơ sở giáo dục mầm non / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : bảng ; 30 cm. - 12000đ. - 1500b s612610

736. Phan Thị Yến. Giáo dục hướng nghiệp toàn diện kết hợp công nghệ và hỗ trợ học sinh khuyết tật sắc giác trong trường phổ thông : Sách chuyên khảo / Phan Thị Yến. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - v, 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100b

Thư mục: tr. 51-53. - Phụ lục: tr. 54-64 s611478

737. Phát triển Chương trình Giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án học tập dành cho trẻ mẫu giáo : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thành, Trịnh Thị Xim... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 44000đ. - 3000b s612920

738. Phát triển năng lực đọc lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Xuân Thị Nguyệt Hà, Lê Hồng Mai, Trần Thị Quỳnh Nga, Thân Thị Phương Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 87 tr. : minh họa s612729

739. Phát triển năng lực đọc lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Xuân Thị Nguyệt Hà, Lê Hồng Mai, Trần Thị Quỳnh Nga, Thân Thị Phương Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 80 tr. : tranh màu s612730

740. Phát triển năng lực viết văn lớp 5 / Hoàng Anh, Nguyễn Bảo Khanh, Bùi Thị Thu Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s612727
741. Phát triển năng lực viết văn lớp 5 / Hoàng Anh, Nguyễn Bảo Khanh, Bùi Thị Thu Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s612728
742. Phát triển ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp và mở rộng vốn từ : Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi vào học lớp 1 : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Đặng Thị Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 18000đ. - 10000b
Q.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s612982
743. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 4 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ... / Hoàng Thị Minh Hương (ch.b.), Nguyễn Hiền Trang, Phạm Thị Bình, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s613214
744. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 5 / Vũ Thị Lan, Nguyễn Hiền Trang (ch.b.), Phạm Thị Bình, Nguyễn Thu Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s612746
745. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 4 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ... / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Văn Luân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s612863
746. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 5 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ... / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Văn Luân... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - 39000đ. - 10000b s613213
747. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Thủy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Global Success). - 68000đ. - 2200b s613003
748. Phiếu bài tập phát triển năng lực Toán 5 / Trần Ngọc Lan (ch.b.), Vũ Duy Càng, Vũ Thị Ái Nhu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 2000b s612855
749. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 92 tr. : minh họa s612343
750. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 88 tr. : minh họa s612344
751. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s612345
752. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b

- T.1. - 2025. - 83 tr. : bảng s612346
753. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 38000đ. - 3000b
- T.1. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s612330
754. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
- T.1. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s612331
755. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
- T.2. - 2025. - 88 tr. : minh hoạ s612332
756. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
- T.1. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s612333
757. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
- T.1. - 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s612334
758. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b
- T.2. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s612335
759. Phiếu luyện tập cuối tuần môn Tiếng Việt 1 / Trịnh Cam Ly, Trần Thị Quỳnh Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 21x30 cm. - 42000đ. - 5000b s612586
760. Phiếu luyện tập cuối tuần môn Tiếng Việt 4 / Trịnh Cam Ly, Trần Thị Quỳnh Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 21x30 cm. - 42000đ. - 5000b s612587
761. Phiếu luyện tập cuối tuần môn Tiếng Việt 5 / Trịnh Cam Ly, Trần Thị Quỳnh Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 21x30 cm. - 42000đ. - 5000b s612588
762. Phiếu ôn hè Tiếng Anh lớp 4 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Hà Thị Thuỳ Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 80 tr. : tranh vẽ ; 30 cm. - 59000đ. - 2800b s611584
763. Phiếu ôn tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 5 : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Quỳnh Nga (ch.b.), Hồ Thị Thái Bình, Võ Văn Quốc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s613211
764. Phiếu ôn tập cuối tuần môn Toán lớp 1 / Huỳnh Thị Kim Trang, Nguyễn Đức Ninh, Nguyễn Kính Đức. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 39500đ. - 4000b s613215
765. Phiếu ôn tập cuối tuần môn Toán lớp 2 / Huỳnh Thị Kim Trang, Nguyễn Đức Ninh, Nguyễn Kính Đức. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 4000b s613216

766. Phiếu ôn tập cuối tuần môn Toán lớp 3 / Huỳnh Thị Kim Trang, Nguyễn Đức Ninh, Nguyễn Kính Đức. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 4000b s613217

767. Phiếu ôn tập cuối tuần môn Toán lớp 4 / Huỳnh Thị Kim Trang, Nguyễn Đức Ninh, Nguyễn Kính Đức. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 45000đ. - 3000b s613218

768. Phiếu ôn tập cuối tuần môn Toán lớp 5 / Huỳnh Thị Kim Trang, Nguyễn Đức Ninh, Nguyễn Kính Đức. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 45000đ. - 4000b s613219

769. Phiếu ôn tập cuối tuần môn Toán lớp 5 : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Kim Thoa (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Trương Thị Hoà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s613212

770. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 1 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh, Lương Thị Hiền. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : bảng s612742

771. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 2 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Dương Thị Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : bảng s612743

772. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 4 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Dương Thị Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : bảng s612744

773. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 4 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Dương Thị Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : bảng s612745

774. Phiếu thực hành Toán lớp 1 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Thị Kim Cương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s612856

775. Phiếu thực hành Toán lớp 1 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Thị Kim Cương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s612857

776. Phiếu thực hành Toán lớp 2 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Thị Kim Cương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 52 tr. : hình vẽ, bảng s612858

777. Phiếu thực hành Toán lớp 2 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Thị Kim Cương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s612859

778. Phiếu thực hành Toán lớp 3 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 52 tr. : hình vẽ, bảng s613220

779. Phiếu thực hành Toán lớp 3 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s613221
780. Phiếu thực hành Toán lớp 4 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s612860
781. Phiếu thực hành Toán lớp 5 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s612861
782. Phiếu thực hành Toán lớp 5 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s612862
783. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s612341
784. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : bảng, tranh vẽ ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s612342
785. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Tô Thị Thanh Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s612336
786. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Hoàng Thị Thanh Ngọc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s612337
787. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Tô Thị Thanh Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s612338
788. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Nguyễn Thị Hương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s612339
789. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Lê Thu Huyền. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s612340
790. Quản lí giáo dục tiểu học / Nguyễn Vũ Bích Hiền (ch.b.), Bùi Thị Kim Phụng, Đàm Thu Vân... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 211 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 95000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 207-209 s612023
791. Selingo, Jeffrey. Vì sao họ trúng tuyển : Góc nhìn của nhà tuyển sinh đại học / Jeffrey Selingo ; Khánh Trang dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 402 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Who gets in and why : A year inside college admissions. - Phụ lục:
tr. 391-399 s611572

792. Sổ bé chăm ngoan : Dùng để thông báo với cha mẹ về hoạt động của bé ở trường /
Nguyễn Phương. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : bảng, tranh vẽ
; 24 cm. - 8500đ. - 10000b s612597

793. Sổ bé ngoan / Vũ Thị Phương, Trần Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo
dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 9500đ. - 12000b s612600

794. Sổ bé ngoan : Theo dõi sự phát triển của trẻ từ 24 tháng tuổi đến ≤ 6 tuổi / Nguyễn
Ngọc Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - 8500đ. -
150000b s612596

795. Sổ liên lạc : Phối hợp giữa cơ sở Giáo dục mầm non và gia đình / Đào Thị Yên. - Tái
bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 10000đ. -
10000b s612599

796. Sổ liên lạc : Trao đổi thông tin giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình / Nguyễn
Thị Ánh Nguyệt, Phạm Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24
tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 9000đ. - 25000b s612598

797. Sổ tay học sinh - Giải phóng sức mạnh của bạn : Dựa trên 7 thói quen / Franklin
Covey Education. - H. : Hồng Đức. - 23 cm. - 5000b

Tên sách ngoài bìa: LEAD 6 - Dựa trên 7 thói quen

Q.6. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612070

798. Sổ tay học sinh - Giải phóng sức mạnh của bạn : Dựa trên 7 thói quen / Franklin
Covey Education. - H. : Hồng Đức. - 23 cm. - 5000b

Q.7. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612071

799. Sổ tay học sinh - Giải phóng sức mạnh của bạn : Dựa trên 7 thói quen / Franklin
Covey Education. - H. : Hồng Đức. - 23 cm. - 5000b

Tên sách ngoài bìa: LEAD 8 - Dựa trên 7 thói quen

Q.8. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612072

800. Sổ tay học sinh - Giải phóng sức mạnh của bạn : Dựa trên 7 thói quen / Franklin
Covey Education. - H. : Hồng Đức. - 23 cm. - 5000b

Lưu hành nội bộ

Q.9. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612073

801. Sổ tay Thiết kế giáo án sáng tạo / Mai Thị Hồng Giang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm.
- 220000đ. - 3000b

T.1: Toán Tiểu học. - 2025. - 91 tr. : minh hoạ s611879

802. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ mầm non : Từ 3 tháng tuổi đến ≤ 6 tuổi : Dùng trong các cơ
sở giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Mai Phương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo
dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 10500đ. - 30000b s612593

803. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ mẫu giáo : 3 - 6 tuổi / Đào Minh Hiền, Đào Thị Yên. - Tái
bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 10500đ. -
50000b s612590

804. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ mẫu giáo : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Đỗ Ngọc Hà. - Tái
bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 10000đ. -
40000b s612592

805. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ nhà trẻ : 3 - 36 tháng tuổi / Đào Minh Hiền, Đào Thị Yên. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 8500đ. - 25000b s612589

806. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ nhà trẻ : Dành cho trẻ mầm non từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi : Dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non / Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Hải Yến. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 7500đ. - 10000b s612594

807. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ nhà trẻ : Dành cho trẻ từ 3 - 36 tháng tuổi / Đỗ Hà Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 10000đ. - 15000b s612591

808. Sổ theo dõi tài sản nhóm trẻ / Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 351 tr. : bảng ; 19x27 cm. - 8500đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo s611758

809. STEAM cho trẻ mầm non / Hoàng Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Sương Lan ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 6000b

Q.1. - 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh vẽ s613168

810. STEAM cho trẻ mầm non / Hoàng Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Sương Lan ; Minh họa: Nguyễn Quỳnh Hoa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 6000b

Q.2. - 2025. - 24 tr. : bảng, tranh vẽ s613169

811. STEAM cho trẻ mầm non / Hoàng Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Sương Lan ; Minh họa: Phùng Thu Linh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 6000b

Q.3. - 2025. - 24 tr. : tranh vẽ s613170

812. Tài liệu Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh / Nguyễn Đức Sơn (ch.b.), Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Thanh Hồng... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 163 tr. : bảng ; 24 cm. - 85000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 162-163 s611630

813. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh An Giang - Lớp 5 / Trần Thị Ngọc Diễm, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Khanh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20000đ. - 4050b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613185

814. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng - Lớp 1 / Phạm Thị Hồng Hải, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Trần Đức Lợi (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - 19000đ. - 7030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Sở Giáo dục và Đào tạo s613190

815. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 1 / Nguyễn Thanh Tiệp, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Lê Thị Song An (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 19000đ. - 15030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613192

816. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 2 / Nguyễn Thanh Tiệp, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Lê Thị Song An (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 19000đ. - 5030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613193

817. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 3 / Trần Thị Kim Nhung, Nguyễn Quang Thái (tổng ch.b.), Trần Minh Hường (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 19000đ. - 5030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613194

818. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 4 / Nguyễn Quang Thái, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Lê Thị Thuý (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 7030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613195

819. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 2 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Vũ Ngọc Khôi (ch.b.), Lưu Đức Hạnh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 14000đ. - 30200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613201

820. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 3 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Bùi Thị Oanh (ch.b.), Lưu Đức Hạnh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 14000đ. - 30200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613202

821. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 4 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Lê Thị Bích Hồng (ch.b.), Lưu Đức Hạnh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 16000đ. - 30200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613203

822. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 5 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Lưu Đức Hạnh (ch.b.), Lê Thị Bích Hồng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 17000đ. - 43200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613204

823. Tài liệu hướng dẫn giáo viên mầm non phát triển Chương trình Giáo dục nhà trường (Ứng dụng công nghệ và tài nguyên số) / Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Phương, Bùi Hoàng Giang... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 75000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 75-118. - Thư mục: tr. 119 s612909

824. Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s613024

825. Take note Tiếng Việt 4 - 5 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Dành cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức - Cánh Diều - Chân trời sáng tạo... / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 46000đ. - 5000b s611936

826. Take note Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Dành cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức - Cánh Diều - Chân trời sáng tạo... / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 59000đ. - 5000b s611929

827. Take note Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Dành cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức - Cánh Diều - Chân trời sáng tạo... / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 46000đ. - 5000b s611930

828. Take note! Tiếng Việt 5 : Theo Chương trình sách giáo khoa mới nhất : Dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng / Nguyễn Quốc Khánh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 78 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s611909

829. Tăng cường Tiếng Việt 3 : Dành cho học sinh lớp 3 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Oanh, Bùi Văn Thành. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 127 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s612722

830. Tăng cường Tiếng Việt 4 : Tài liệu dành cho học sinh lớp 4 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Oanh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s612723

831. Tăng cường Tiếng Việt 5 : Tài liệu dành cho học sinh lớp 5 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s612724

832. Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số : Tài liệu dành cho học sinh lớp 2 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Oanh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s612721

833. Tập viết 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Lương Hải Như... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 312000b

T.1. - 2025. - 52 tr. s612408

834. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thom, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 14000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 40 tr. s611952

835. Tập viết 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 7000đ. - 265000b

T.2. - 2025. - 32 tr. s612409

836. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thom, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 36 tr. s611953

837. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 36 tr. s611954

838. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 32 tr. s611955

839. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 36 tr. s611956

840. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 36 tr. s611957
841. Tham vấn trường học / Phạm Văn Tư, Nguyễn Hiệp Thương, Hoàng Anh Phước... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 188 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 72000đ. - 500b
Thư mục: tr. 187 s612139
842. Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo phương thức trải nghiệm : Sách dùng cho giáo viên và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học / Trần Thanh Dư (ch.b.), Nguyễn Minh Giang, Phạm Phương Anh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 159 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 110000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 147-149. - Phụ lục: tr. 150-159 s611839
843. Thu Hà. Sổ theo dõi lớp mẫu giáo và nhóm trẻ / Thu Hà. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : bìa ; 30 cm. - 9000đ. - 8500b s612614
844. Thử sức trạng nguyên nhỏ tuổi Toán 4 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Đỗ Trung Hiệu (ch.b.), Đỗ Trung Kiên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 72000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 156 tr. : hình vẽ s611634
845. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 2 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Thanh Huân... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 25000đ. - 30000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612966
846. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 3 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Hữu Long, Nguyễn Thị Diễm My... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 25000đ. - 30000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612967
847. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 4 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Hồng, Nguyễn Hoàng Xuân Huy... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 25000đ. - 30000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612968
848. Tiếng Việt 2 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 190000b
T.1. - 2025. - 143 tr. : minh hoạ s612655
849. Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 375000b
T.1. - 2025. - 156 tr. : minh hoạ s612690
850. Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trịnh Cam Ly... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20900đ. - 323000b
T.2. - 2025. - 148 tr. : minh hoạ s612691

851. Tiếng Việt 3 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 190000b
T.1. - 2025. - 151 tr. : minh hoạ s612656
852. Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (ch.b.), Trần Văn Chung... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19600đ. - 174000b
T.1. - 2025. - 144 tr. : minh hoạ s612692
853. Tiếng Việt 3 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18200đ. - 190000b
T.2. - 2025. - 143 tr. : minh hoạ s612657
854. Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18600đ. - 335000b
T.2. - 2025. - 136 tr. : minh hoạ s612693
855. Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (ch.b.), Vũ Thị Ân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20500đ. - 186000b
T.1. - 2025. - 152 tr. : minh hoạ s612694
856. Tiếng Việt 4 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 180000b
T.2. - 2025. - 143 tr. : minh hoạ s612658
857. Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (ch.b.), Vũ Thị Ân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18200đ. - 149000b
T.2. - 2025. - 139 tr. : minh hoạ s612695
858. Tiếng Việt 5 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 168000b
T.1. - 2025. - 167 tr. : minh hoạ s612659
859. Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (ch.b.), Vũ Thị Ân... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 205000b
T.1. - 2025. - 156 tr. : minh hoạ s612696
860. Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (ch.b.), Vũ Thị Ân... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18600đ. - 379000b
T.2. - 2025. - 148 tr. : minh hoạ s612697
861. Toán 1 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 182000b
T.1. - 2025. - 115 tr. : minh hoạ s612802
862. Toán 1 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12900đ. - 173000b
T.2. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612803

863. Toán 2 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17300đ. - 240000b

T.1. - 2025. - 139 tr. : minh hoạ s612804

864. Toán 2 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 296000b

T.2. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s612755

865. Toán 3 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 336000b

T.1. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612756

866. Toán 3 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15900đ. - 162000b

T.2. - 2025. - 127 tr. : minh hoạ s612805

867. Toán 3 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 320000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s612757

868. Toán 3 - Các bài toán thực tế / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s612837

869. Toán 4 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 167000b

T.1. - 2025. - 131 tr. : minh hoạ s612806

870. Toán 4 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 369000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612758

871. Toán 4 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 306000b

T.2. - 2025. - 88 tr. : minh hoạ s612759

872. Toán 5 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 404000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s612760

873. Toán 5 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 200000b

T.2. - 2025. - 135 tr. : minh hoạ s612807

874. Toán 5 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 366000b

- T.2. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s612761
875. Toán 5 - Các bài toán thực tế / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s612838
876. Toán bồi dưỡng học sinh lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Áng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 45000đ. - 3000b s612283
877. Toán bồi dưỡng học sinh lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Áng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 36000đ. - 3000b s612284
878. Toán bồi dưỡng học sinh lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Áng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 180 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 42000đ. - 3000b s612285
879. Trần Anh Trường. Cẩm nang hướng dẫn và chia sẻ tri thức: Công tác đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và thư viện đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông : Phục vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo / Trần Anh Trường. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 440 tr. : bìa, sơ đồ ; 24 cm. - 396000đ. - 500b
Thư mục: tr. 426-439 s612160
880. Trần Minh Hiếu. Từ truyền thụ đến kiến tạo: Một cách tiếp cận duy vật biện chứng trong cải cách giáo dục : Sách chuyên khảo / Trần Minh Hiếu. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 221 tr. ; 21 cm. - 188000đ. - 200b
Thư mục: tr. 211-221 s611594
881. Trẻ 4 - 5 tuổi thực hành các hoạt động STEAM / Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thuý Hằng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 18000đ. - 22500b s613165
882. Trẻ 5 - 6 tuổi thực hành các hoạt động STEAM / Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thuý Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 18000đ. - 30000b s613166
883. Truyện đọc lớp 1 : Bổ trợ đọc và kể chuyện / Phạm Kim Chung, Vũ Thanh Mai, Vũ Thanh Trà, Hoàng Thị Hà Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b s612626
884. Truyện đọc lớp 2 : Bổ trợ kể chuyện, đọc mở rộng và đọc hiểu theo thể loại văn bản / Phạm Kim Chung, Vũ Thanh Mai, Nguyễn Thị Mai, Hoàng Thị Hà Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b s612627
885. Truyện đọc lớp 3 : Bổ trợ kể chuyện, đọc mở rộng và đọc hiểu theo thể loại văn bản / Phạm Kim Chung, Vũ Thanh Mai, Vũ Thanh Trà, Hoàng Thị Hà Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b s612628
886. Truyện đọc lớp 4 : Bổ trợ kể chuyện, đọc mở rộng và đọc hiểu theo thể loại văn bản / Phạm Kim Chung, Vũ Thanh Mai, Nguyễn Thị Mai, Hoàng Thị Hà Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 5000b s612629
887. Truyện đọc lớp 5 : Bổ trợ kể chuyện, đọc mở rộng và đọc hiểu theo thể loại văn bản / Phạm Kim Chung, Vũ Thanh Mai, Hoàng Thị Hà Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 5000b s612630

888. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Nguyễn Thị Hồng Ngân, Ngô Hiền Tuyên. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s612715

889. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 78 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s612716

890. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 70 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s612717

891. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s612718

892. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s612719

893. Truyện tranh về văn hoá các dân tộc Việt Nam : Dành cho học sinh lớp 1 / Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Lại Thị Mai Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 52000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612925

894. Truyện tranh về văn hoá các dân tộc Việt Nam : Dành cho học sinh lớp 2 / Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Lại Thị Mai Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 52000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612926

895. Truyện tranh về văn hoá các dân tộc Việt Nam : Dành cho học sinh lớp 3 / Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Lại Thị Mai Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 52000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612927

896. Trường học hạnh phúc - Nhật kí sao chằm ngoan - Lớp học hạnh phúc / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 10000b s611583

897. Trường học hạnh phúc - Sổ tay nghìn việc tốt : Nhật kí thi đua - Lớp học hạnh phúc / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 14 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 10000b s611937

898. Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề : Trẻ 3 - 36 tháng tuổi / Lê Thu Hương (ch.b.), Phan Thị Ngọc Anh, Lương Thị Bình... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. ; 27 cm. - 33000đ. - 2000b s612735

899. Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề : Trẻ 3 - 4 tuổi / Lê Thu Hương (ch.b.), Phan Thị Ngọc Anh, Lương Thị Bình... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 139 tr. ; 27 cm. - 47000đ. - 3000b s612736

900. Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề : Trẻ 4 - 5 tuổi / Lê Thu Hương (ch.b.), Phan Thị Ngọc Anh, Lương Thị Bình... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 166 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 3000b s612907

901. Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề : Trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Thu Hương (ch.b.), Phan Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Cẩm Bích... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 175 tr. ; 27 cm. - 58000đ. - 3000b s612908

902. Tự luyện theo chủ đề Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành chung cho các bộ sách giáo khoa Toán 1 / Phan Duy Nghĩa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 59 tr. : hình vẽ, bảng s612748

903. Tự luyện theo chủ đề Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành chung cho các bộ sách giáo khoa Toán 1 / Phan Duy Nghĩa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 55 tr. : hình vẽ, bảng s612749

904. Tự luyện theo chủ đề Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành chung cho các bộ sách giáo khoa Toán 2 / Phan Duy Nghĩa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng s612750

905. Tự luyện theo chủ đề Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành chung cho các bộ sách giáo khoa Toán 3 / Phan Duy Nghĩa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 67 tr. : hình vẽ, bảng s612751

906. Tự nhiên và Xã hội 1 / Đỗ Xuân Hội (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Phạm Phương Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 249000b s613156

907. Tự nhiên và Xã hội 2 / Đỗ Xuân Hội (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 124 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 257000b s613157

908. Tự nhiên và Xã hội 3 / Đỗ Xuân Hội (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17700đ. - 276000b s613158

909. Văn hoá ứng xử : Dành cho trẻ mầm non 3 - 4 tuổi / Kim Thủy Mộc, Mai Tùng, Thụy Vũ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 15000b s613034

910. Văn hoá ứng xử : Dành cho trẻ mầm non 4 - 5 tuổi / Kim Thủy Mộc, Mai Tùng, Thụy Vũ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 30000b s613035

911. Văn hoá ứng xử : Dành cho trẻ mầm non 5 - 6 tuổi / Kim Thủy Mộc, Mai Tùng, Thụy Vũ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 50000b s613036

912. Vận dụng quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập vào giải quyết mâu thuẫn trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên ở một số cơ sở giáo dục : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thanh Xuân (ch.b.), Nguyễn Mạnh Hùng... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 119 tr. : biểu đồ ; 21 cm. - 100000đ. - 200b

Thư mục: tr. 111-116 s611450

913. Vở bài tập Âm nhạc 1 / Đỗ Thị Minh Chính (ch.b.), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 75049b s612448

914. Vở bài tập Âm nhạc 1 / Hồ Ngọc Khải (tổng ch.b.), Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Lâm Đức Vinh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr., 4 tr. đề can : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 75000b s612454

915. Vở bài tập Âm nhạc 2 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (tổng ch.b.), Đặng Châu Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr., 4 tr. đề can : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 77000b s612455

916. Vở bài tập Âm nhạc 3 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 134049b s612449

917. Vở bài tập Âm nhạc 3 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (ch.b.), Đặng Châu Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr., 2 tr. đề can : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 101000b s612456

918. Vở bài tập Âm nhạc 4 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (ch.b.), Đặng Châu Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 6000đ. - 103000b s612499

919. Vở bài tập Âm nhạc 5 / Đỗ Thị Minh Chính (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 164049b s612450

920. Vở bài tập Âm nhạc 5 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (ch.b.), Đặng Châu Anh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 5000đ. - 114000b s612457

921. Vở bài tập Công nghệ 3 / Bùi Văn Hồng (ch.b.), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 117000b s612188

922. Vở bài tập Công nghệ 4 / Bùi Văn Hồng (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân ; Minh họa: Hoàng Thiệu My. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 119000b s612189

923. Vở bài tập Công nghệ 4 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 149049b s612194

924. Vở bài tập Công nghệ 5 / Bùi Văn Hồng (ch.b.), Lê Thị Mỹ Nga, Lê Thị Xinh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 6000đ. - 135000b s612190

925. Vở bài tập Công nghệ 5 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 5000đ. - 171549b s612195

926. Vở bài tập Đạo đức 1 / Nguyễn Thị Mỹ Lộc (tổng ch.b.), Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Mỹ Hạnh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Cùng học để phát triển năng lực). - 9000đ. - 5000b s612208

927. Vở bài tập Đạo đức 1 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 149049b s612206

928. Vở bài tập Đạo đức 1 / Phạm Quỳnh (ch.b.), Trần Thị Thuỳ Dung, Nguyễn Hà My, Nguyễn Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục). - 14000đ. - 15000b s612885

929. Vở bài tập Đạo đức 2 / Trần Thanh Bình, Phạm Quỳnh (ch.b.), Trần Thị Thuỳ Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 97000b s612202

930. Vở bài tập Đạo đức 3 / Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh (ch.b.), Lê Quỳnh Chi... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 119000b s612203

931. Vở bài tập Đạo đức 3 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 204049b s612207

932. Vở bài tập Đạo đức 4 / Huỳnh Văn Sơn, Mai Mỹ Hạnh (ch.b.), Trần Thanh Dư... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 121000b s612204

933. Vở bài tập Đạo đức 5 / Huỳnh Văn Sơn, Mai Mỹ Hạnh (ch.b.), Trần Thanh Dư... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 124000b s612205

934. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 / Nguyễn Thuý Anh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 73049b s612431

935. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 / Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Bùi Ngọc Diệp... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 90000b s612422

936. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 / Phó Đức Hoà, Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Lê Thị Thu Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 12000đ. - 111000b s612423

937. Vở bài tập Khoa học 5 / Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình, Đỗ Xuân Hội, Trần Thanh Sơn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 109000b s612464

938. Vở bài tập Khoa học 5 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Phan Thanh Hà, Hà Thị Lan Hương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 281349b s612465

939. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 1 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 63 tr. : tranh vẽ s612641

940. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 2 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 43000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 84 tr. : bảng s612642

941. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 3 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 43000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 80 tr. : tranh vẽ s612643

942. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 3 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 43000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 88 tr. : bảng s612644

943. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 4 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 43000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 88 tr. : tranh vẽ s612645

944. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 4 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 45000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : tranh vẽ s612646

945. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 5 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 45000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 95 tr. : tranh vẽ s612647

946. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 5 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ch.b.: Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 43000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 88 tr. : tranh vẽ s612648

947. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 2 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Lưu Trà My, Hắc Xuân Phước, Đinh Thị Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng s612821

948. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 3 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Vũ Thị Diệu Linh, Hắc Xuân Phước, Phạm Thị Huyền Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 80 tr. : minh hoạ s612822

949. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 4 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều, Vũ Thị Diệu Linh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 43000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s612823

950. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 5 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Thanh Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 49000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 104 tr. s612824

951. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thị Hà Giang (ch.b.), Đào Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 277347b s612226

952. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 / Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (ch.b.), Nguyễn Khánh Bằng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 120000b s612244

953. Vở bài tập Mỹ thuật 1 / Nguyễn Xuân Tiên (tổng ch.b.), Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Hiền... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 297000b s612436

954. Vở bài tập Mỹ thuật 2 / Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 276000b s612445

955. Vở bài tập Mỹ thuật 3 / Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị May, Đỗ Viết Hoàng, Đinh Ý Nhi. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9000đ. - 108000b s612440

956. Vở bài tập Mỹ thuật 3 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Nhung (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 8000đ. - 240000b s612437

957. Vở bài tập Mỹ thuật 3 / Nguyễn Xuân Nghị (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biển... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 86049b s612446

958. Vở bài tập Mỹ thuật 4 / Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị May, Đỗ Viết Hoàng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9000đ. - 94000b s612441

959. Vở bài tập Mỹ thuật 4 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Lương Thanh Khiết... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 8000đ. - 219000b s612438

960. Vở bài tập Mỹ thuật 5 / Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị May, Vũ Đức Long... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9000đ. - 90000b s612442

961. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Phương Nga (ch.b.), Phạm Thị Chín, Nguyễn Bảo Khanh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng s612638

962. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Phương Nga (ch.b.), Phạm Thị Bình, Nguyễn Bảo Khanh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng s612639

963. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Phương Nga, Phạm Kim Chung, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng s612640

964. Vở bài tập nâng cao Toán 1 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Vũ Mai Hương. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s612778

965. Vở bài tập nâng cao Toán 2 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Mai Hương.
- Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 46000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s612792
966. Vở bài tập nâng cao Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612793
967. Vở bài tập nâng cao Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612779
968. Vở bài tập nâng cao Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 48000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s612780
969. Vở bài tập nâng cao Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s612794
970. Vở bài tập Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 322000b
T.1. - 2025. - 108 tr. : bảng, tranh vẽ s612366
971. Vở bài tập Tiếng Việt 2 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 482649b
T.1. - 2025. - 76 tr. : bảng, tranh vẽ s612357
972. Vở bài tập Tiếng Việt 2 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 501449b
T.2. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s612358
973. Vở bài tập Tiếng Việt 4 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 220000b
T.1. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s612359
974. Vở bài tập Tiếng Việt 4 / Trịnh Cam Ly (ch.b.), Vũ Thị Ân, Nguyễn Thị Ly Kha, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 236000b
T.1. - 2025. - 124 tr. : minh hoạ s612367
975. Vở bài tập Tiếng Việt 4 / Trịnh Cam Ly (ch.b.), Vũ Thị Ân, Nguyễn Thị Ly Kha, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18000đ. - 338000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : ảnh, tranh vẽ s612368

976. Vở bài tập Tiếng Việt 5 / Trịnh Cam Ly (ch.b.), Vũ Thị Ân, Nguyễn Thị Ly Kha, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18000đ. - 345000b

T.2. - 2025. - 132 tr. : tranh vẽ s612369

977. Vở bài tập Tin học 3 / Quách Tất Kiên, Phạm Thị Quỳnh Anh (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 121000b s612472

978. Vở bài tập Tin học 4 / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 119049b s612480

979. Vở bài tập Tin học 4 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Trần Ngọc Khoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 122000b s612473

980. Vở bài tập Tin học 5 / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 122549b s612481

981. Vở bài tập Tin học 5 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Phạm Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Nhật Minh Đăng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 123000b s612474

982. Vở bài tập Toán 1 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 273000b

T.1. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s612248

983. Vở bài tập Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 338846b

T.2. - 2025. - 108 tr. : minh hoạ s612266

984. Vở bài tập Toán 2 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 299000b

T.1. - 2025. - 140 tr. : minh hoạ s612249

985. Vở bài tập Toán 2 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18000đ. - 26800b

T.2. - 2025. - 124 tr. : hình vẽ, bảng s612250

986. Vở bài tập Toán 3 / Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 32800b

T.1. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612251

987. Vở bài tập Toán 3 / Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 318000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s612252

988. Vở bài tập Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 221000b

T.2. - 2025. - 128 tr. : minh hoạ s612267

989. Vở bài tập Toán 4 / Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 321000b

T.1. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s612253

990. Vở bài tập Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 201000b

T.1. - 2025. - 136 tr. : minh hoạ s612268

991. Vở bài tập Toán 4 / Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 316000b

T.2. - 2025. - 108 tr. : minh hoạ s612254

992. Vở bài tập Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 198000b

T.2. - 2025. - 128 tr. : minh hoạ s612269

993. Vở bài tập Toán 5 / Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 369000b

T.1. - 2025. - 144 tr. : minh hoạ s612255

994. Vở bài tập Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 215000b

T.2. - 2025. - 136 tr. : minh hoạ s612270

995. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 72049b s612170

996. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 / Đỗ Xuân Hội (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 77000b s612171

997. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3 / Nguyễn Thị Thu Hằng, Đỗ Xuân Hội (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 110000b s612172

998. Vở Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh vẽ s611642

999. Vở Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 31 tr. s611641

1000. Vở Chính tả lớp 3 / Minh Hương (ch.b.), Trần Thị Ngọc Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 10000b

- T.2. - 2025. - 51 tr. : hình vẽ s612398
1001. Vở làm quen với chữ số : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 14. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s611645
1002. Vở luyện chữ sáng tạo: Chữ hoa - Chữ thường. Tách nét cụ thể sáng tạo, dễ viết. Luyện viết là đẹp ngay : Dành cho học sinh tiểu học và người yêu chữ muốn luyện viết chữ đẹp / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s612871
1003. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hoá / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuần. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s612396
1004. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hoá / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuần. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 35 tr. s612397
1005. Vở ô li theo mẫu chữ lớp 1 : Bám sát SGK Cánh Diều / Hoàng Sơn, Nam Thuận. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 24 cm. - 48000đ. - 1000b s611951
1006. Vở Tập làm văn lớp 3 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 60 tr. : tranh vẽ s612382
1007. Vở Tập làm văn lớp 3 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 52 tr. : tranh vẽ s612383
1008. Vở Tập làm văn lớp 5 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 51 tr. : minh hoạ s612384
1009. Vở Tập làm văn lớp 5 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 68 tr. : tranh vẽ s612385
1010. Vở tập tô cho trẻ trước khi vào lớp 1 : Biên soạn theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT quy định về việc dạy học và học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Ngô Hiền Tuyên, Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Thị Thuý... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. ; 24 cm. - 18000đ. - 5000b s612395
1011. Vở tập tô chữ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 16. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 31 tr. : hình vẽ s611643
1012. Vở tập viết 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Mai Nhị Hà, Lê Ngọc Diệp, Huỳnh Thị Cẩm Linh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 64 tr. s612386
1013. Vở tập viết 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Mai Nhị Hà, Lê Ngọc Diệp, Huỳnh Thị Cẩm Linh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 64 tr. s612387

1014. Vở thực hành Đạo đức 4 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 2000b s612894

1015. Vở thực hành Tiếng Việt 1 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Phạm Vĩnh Lộc... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612680

1016. Vở thực hành Tiếng Việt 1 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Phạm Vĩnh Lộc... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 35000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s612681

1017. Vũ Thị Thanh Huyền. Giáo trình Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non / Vũ Thị Thanh Huyền (ch.b.), Vũ Thị Hồng Hạnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 180 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 56000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 177-178 s612158

1018. Vui đọc thơ văn lớp 1 : Hỗ trợ đọc mở rộng cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Trịnh Cam Ly, Trần Thị Quỳnh Nga... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 40000đ. - 2100b s612347

1019. Vui học Tin học 1 / Phạm Thị Quỳnh Anh (ch.b.), Đỗ Thị Ngọc Quỳnh, Huỳnh Xuân Trúc... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 30000đ. - 10000b s612487

1020. Vương Tịnh Phàm. 30 việc học sinh tiểu học cần phải làm / Vương Tịnh Phàm ; Tuệ Văn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 143 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Rèn luyện kỹ năng sống dành cho học sinh). - 60000đ. - 3000b s611888

THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1021. Chính sách phát triển bền vững khu thương mại tự do ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Đặng Thành Lê, Nguyễn Thị Lê Thu, La Đức Đại (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 167 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 110b

Thư mục: tr. 152-161 s611538

1022. Lê Nguyễn Diệu Anh. Phát triển xuất khẩu nông sản bền vững ở Việt Nam : Sách tham khảo / Lê Nguyễn Diệu Anh. - H. : Tài chính, 2025. - xii, 227 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 169000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục: tr. 217-227 s611665

1023. Phạm Văn Huynh. Lịch sử truyền thống ngành Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng (1945 - 2025) / B.s.: Phạm Văn Huynh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thạnh, Đỗ Minh Bằng... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 304 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Sở Khoa học và Công nghệ. - Phụ lục: tr. 289-295. - Thư mục: tr. 297-299 s612000

1024. Powell, Warwick. Công nghệ Blockchain và cách Trung Quốc xây dựng chuỗi cung ứng kỹ thuật số trong một thế giới zero trust / Warwick Powell ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 242 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 700b

Tên sách tiếng Anh: China, trust and digital supply chains s611565

1025. 80 năm truyền thống ngành Giao thông vận tải Thanh Hoá (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Văn Khánh, Lê Văn Bằng, Vương Quốc Tuấn... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 427 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Sở Xây dựng Thanh Hoá. - Thư mục: tr. 424 s611591

1026. Trương Tiến Tùng. Giáo trình Thiết kế và triển khai website thương mại điện tử / Trương Tiến Tùng (ch.b.), Nguyễn Xuân Dũng, Trần Duy Hùng. - H. : Tài chính, 2025. - 332 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 170000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 328-329 s611670

PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN

1027. Chú lính chì dũng cảm = The brave lead soldier : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s611897

1028. Cô bé Lọ Lem = Cinderella : Truyện tranh : Sách chuyển động : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 / Minh hoạ: Dan Taylor ; Thủy Dương dịch. - In lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s611552

1029. Di văn Hán Nôm Ninh Bình / Nguyễn Mạnh Cường, Vương Thị Hương, Lê Thị Hà (ch.b.)... ; Vũ Việt Bằng h.đ. - H. : Thể giới. - 24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm; Sở Văn hoá và Thể thao Ninh Bình

T.3: Thành phố Hoa Lư (phần Tục lệ). - 2025. - 1171 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 649-1171 s611731

1030. Nguyễn Thị Bích Hà. Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hoá dân gian / Nguyễn Thị Bích Hà. - In lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 275 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 265-269. - Thư mục: tr. 270-273 s611629

1031. Sợi rơm vàng = The golden straw : Truyện tranh / Thủy Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới). - 12000đ. - 10000b s611896

1032. Trần Ngọc Thoan. Tuyển tập 88 bài văn khấn văn song thất lục bát / Trần Ngọc Thoan ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 224 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Nghiên cứu văn hoá và ứng dụng s612076

1033. Truyện cổ tích Việt Nam = Vietnamese legends and folk tales. - Tái bản. - H. : Thể giới, 2025. - 275 tr. ; 20 cm. - 135000đ. - 1000b s611744

1034. Vũ Thị Tuyết Nhung. Hà Thành hương xưa vị cũ / Vũ Thị Tuyết Nhung. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Hà Nội phố và Người). - 279000đ. - 1000b

T.1: Ký ức từ căn bếp cổ. - 2025. - 327 tr. : ảnh màu s611900

1035. Vũ Thị Tuyết Nhung. Hà Thành hương xưa vị cũ / Vũ Thị Tuyết Nhung. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Hà Nội phố và Người). - 285000đ. - 1000b

T.2: Món ngon từ làng ra phố. - 2025. - 335 tr. : ảnh màu s611901

1036. Vũ Thị Tuyết Nhung. Hà Thành hương xưa vị cũ / Vũ Thị Tuyết Nhung. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Hà Nội phố và Người). - 287000đ. - 1000b

T.3: Đặc sản bốn phương hội tụ. - 2025. - 367 tr. : ảnh màu s611902

NGÔN NGỮ

1037. Atsushi Innami. Đọc nhanh, hiểu sâu, nhớ lâu trọn đời / Atsushi Innami ; Chi Anh dịch. - In lần 11. - H. : Công Thương, 2025. - 155 tr. ; 21 cm. - 79000đ. - 1500b s611556

1038. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 8 / Lương Quỳnh Trang, Hoàng Thị Hồng Hải, Đỗ Trọng Hoàng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612502

1039. Bùi Danh Tuyên. Giáo trình Hán ngữ - Chuyên dùng dạy học trực tuyến = 汉语教程专用用 - 于在线教学 / Bùi Danh Tuyên b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 176 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 169000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 152-176 s611738

1040. Bùi Minh Toán. Tiếng Việt thực hành / Bùi Minh Toán (ch.b.), Lê A, Đỗ Việt Hùng. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 279 tr. : bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 1200b
Phụ lục: tr. 253-278 s612125

1041. Catherine Pham. The definitive writing guide for IELTS - Task 1 : Hướng dẫn viết chi tiết từ cơ bản đến nâng cao... / Catherine Pham. - H. : Hồng Đức, 2025. - 211 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 180000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Phạm Thị Ngọc Thuý s612081

1042. Catherine Pham. The definitive writing guide for IELTS - Task 2 : Hướng dẫn viết chi tiết từ cơ bản đến nâng cao... / Catherine Pham. - H. : Hồng Đức, 2025. - 203 tr. : bảng ; 24 cm. - 168000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Phạm Thị Ngọc Thuý s612082

1043. Đặng Trần Tùng. How to crack the IELTS speaking test : Mọi điều cần biết cho band 6, 7 và 8 IELTS speaking / Đặng Trần Tùng. - Tái bản. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 299000đ. - 1500b

Part 1. - 2025. - 218 tr. : minh hoạ s611772

1044. Giải thích ngữ pháp tiếng Anh (với bài tập và đáp án) / Louis Phan, Chiến Thắng, Minh Thư... - H. : Thế giới, 2025. - 540 : bảng ; 24 cm. - 220000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 449-540 s611716

1045. Hackers IELTS listening basic : Bộ sách luyện thi IELTS dành cho người mới bắt đầu có kèm giải thích đáp án chi tiết / Hoàng Phạm dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 443 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 229000đ. - 2000b s611769

1046. Hackers IELTS reading basic : Bộ sách luyện thi IELTS dành cho người mới bắt đầu có kèm giải thích đáp án chi tiết / Lê Kiều Trang dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 403 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 219000đ. - 2000b s611770

1047. Học tốt Tiếng Anh 11 : Theo Chương trình Global Success : Tài liệu tham khảo thiết thực cho giáo viên và học sinh / Trang Anh, Minh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 387 tr. : bảng ; 27 cm. - 175000đ. - 2000b s611652

1048. Huyền Windy. Mind map hack 3000 từ Tiếng Anh / Huyền Windy ; Nguyễn Thanh Vân h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 323 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 348000đ. - 20000b s612074

1049. Huyền Windy. Tiếng Anh cho người mới bắt đầu = Easy English sentences in daily life : Hack nào 15 phút học tiếng Anh mỗi ngày... / Huyền Windy ; Nguyễn Thanh Vân h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 86000đ. - 5000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thu Huyền s612056

1050. Jang, William. Perfect IELTS vocabulary : Bí kíp chinh phục 4 kỹ năng trong kỳ thi IELTS / William Jang ; Lê Thị Cẩm Nhung dịch ; Nguyễn Phương Linh h. đ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 599 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 259000đ. - 2000b s611771

1051. Kang Jisu. Tiếng Trung không khó lắm : Tự học tiếng Trung sơ cấp... / Kang Jisu, Shin Hyojeong, Yang Sua ; Phạm Thị Diễm Hương dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 264 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 179000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Just do it! Chinese first step s611713

1052. Kang, Kevin. Nuance 2 - 50 sắc thái của câu / Kevin Kang, Hanna Byun ; Lưu Ly Thảo dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 263 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 159000đ. - 1500b s611762

1053. Lã Thị Bắc Lý. Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành / Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga. - In lần thứ 16. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 175 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 65000đ. - 500b

Thư mục: tr. 174-175 s611638

1054. Lee Jaekyung. Top 1000 từ tiếng Trung thông dụng theo chủ đề : Hiểu đúng - dùng đúng để giao tiếp hiệu quả / Lee Jaekyung, Pei Xianglu ; Phạm Thị Diễm Hương dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 339 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: SISA chinese words to speak fluent chinese s611714

1055. Lê Duy Hưng. Ghi nhớ Kanji siêu tốc bằng mindmap = 日本語マスター : Trình độ sơ cấp / Lê Duy Hưng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 264 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s612055

1056. Lê Huy Khoa. Cẩm nang 1300 câu giao tiếp tiếng Hàn theo chủ đề = 한국어 기본회화 / Lê Huy Khoa. - H. : Hồng Đức, 2025. - 325 tr. : minh họa ; 21 cm. - 160000đ. - 2000b s612062

1057. Mai Ngọc Chừ. Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt / Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 307 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 82000đ. - 700b

Thư mục: tr. 305 s612124

1058. Min Jin Young. Ngữ pháp tiếng Hàn thông dụng - Trung cấp : 중급 한국어 문법 = Korean grammar in use - Intermediate / Min Jin Young, Ahn Jean Myung ; Trang Thom dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 432 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 280000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 399-432 s612089

1059. Nguyễn Hào. 1111 câu giao tiếp Tiếng Anh cho mẹ và bé / Nguyễn Hào b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 103 tr. : tranh vẽ ; 21x30 cm. - 80000đ. - 3000b s611928

1060. Nguyễn Phú Quý. 161 mẹo thần tốc chinh phục TOEIC mục tiêu 500 - 800 : Bài giảng giải đề kèm khoá video / Nguyễn Phú Quý. - H. : Thế giới, 2025. - 357 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 299000đ. - 2000b s611732

1061. Nguyễn Quang Khải. Tên gọi và cách gọi tên trong dân gian vùng Đồng bằng Bắc Bộ / Nguyễn Quang Khải. - H. : Thế giới, 2025. - 331 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 300b

Thư mục: tr. 331 s611739

1062. Nguyễn Thị Linh. Thực chiến tiếng Trung văn phòng và công xưởng : Giao tiếp chuyên nghiệp - Phản xạ tự tin nơi công sở và nhà máy / Nguyễn Thị Linh ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 208 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 345000đ. - 2000b s612087

1063. Ôn tập, kiểm tra Tiếng Anh 12 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Lưu Văn Phước, Võ Hồng Minh Trinh, Trần Nguyễn Hoàng Phú, Nguyễn Bảo Gia Hân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 216 tr. : bìa ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s612503

1064. Phạm Đăng Bình. Bản chất và diện mạo của ngôn ngữ nhìn dưới góc độ tổng thể / Phạm Đăng Bình. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 1053 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 982000đ. - 200b

Thư mục: tr. 1041-1053 s611608

1065. Take note English : Sổ tay tổng hợp kiến thức môn Tiếng Anh lớp 3 - 12 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 7000b s611935

1066. Tomomatsu Etsuko. Tiếng Nhật cho mọi người : Trình độ sơ cấp : 20 chủ điểm ngữ pháp / Tomomatsu Etsuko, Wakuri Masako ; Quỳnh Như dịch. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 133 tr. : hình vẽ, bìa ; 26 cm. - 62000đ. - 1500b s611838

1067. Trịnh Sâm. Tiếng Việt - Lạ mà quen / Trịnh Sâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 285 tr. ; 20 cm. - (Tiếng Việt giàu đẹp). - 125000đ. - 1000b s611785

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1068. Bài tập Khoa học tự nhiên 6 / Cao Cự Giác (tổng ch.b.), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 132 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 128000b s612462

1069. Bài tập Khoa học tự nhiên 9 / Cao Cự Giác, Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 212 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 31000đ. - 82000b s612463

1070. Bài tập Khoa học tự nhiên 9 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 26000đ. - 155000b s612466

1071. Bài tập phát triển năng lực Khoa học tự nhiên 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Vũ Quang, Nguyễn Thị Hồng Liên (ch.b.), Vương Thị Minh Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 27 cm. - 65000đ. - 3000b s613137

1072. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Khoa học tự nhiên 7 / Lê Khắc Quỳnh (ch.b.), Lê Trọng Huyền, Mai Văn Hưng, Nguyễn Thị Thắm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612467

1073. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Khoa học tự nhiên 8 / Lê Khắc Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Thắm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612468

1074. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Khoa học tự nhiên 9 / Lê Khắc Quỳnh (ch.b.), Lê Trọng Huyền, Đường Khánh Linh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612469

1075. Hoạt động giáo dục STEM lớp 6 / Tường Duy Hải (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 26 cm. - 44000đ. - 4000b

Phụ lục trong chính văn s612535

1076. Hoạt động giáo dục STEM lớp 7 / Nguyễn Anh Thuận (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 44000đ. - 4000b

Phụ lục trong chính văn s612536

1077. Hoạt động giáo dục STEM lớp 8 / Đoàn Văn Thước (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 42000đ. - 4000b

Phụ lục trong chính văn s612537

1078. Hoạt động giáo dục STEM lớp 9 / Nguyễn Văn Biên (ch.b.), Trần Minh Đức, Tường Duy Hải... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 42000đ. - 3500b

Phụ lục trong chính văn s612538

1079. Khoa học tự nhiên 6 / Cao Cự Giác (tổng ch.b.), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 27400đ. - 200000b s613133

1080. Khoa học tự nhiên 7 / Cao Cự Giác (tổng ch.b.), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 188 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 23900đ. - 189000b s613134

1081. Khoa học tự nhiên 9 / Cao Cự Giác (tổng ch.b.), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 216 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 28000đ. - 230000b s613135

1082. Khoa học tự nhiên 9 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 227 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28600đ. - 115000b s613136

1083. Mima Noyuri. Gì gì gì gì cái gì cũng biết - Dành cho lớp 2 : Ehon minh hoạ dễ hiểu / Mima Noyuri ; Quang Phú dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 177 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 絵でよくわかる科学のなぜ2年生 s611767

1084. Sổ tay Toán - Lí - Hoá cấp 3 : Luyện thi THPT / Nguyễn Cam, Nguyễn Thanh Hải, Ngô Ngọc An. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024. - 430 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s611958

1085. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Ngô Văn Hưng, Nguyễn Thị Thanh Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 42000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 88 tr. : minh hoạ s613126

1086. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Ngô Văn Hưng, Nguyễn Thị Thuận. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 42000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 88 tr. : bảng s613127

1087. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Đỗ Thành Trung. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 43000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s613128

1088. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 8 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh

Hương, Nguyễn Văn Nghiệp, Vũ Quốc Trung. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 42000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ s613129

1089. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 8 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Văn Nghiệp. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 45000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s613130

1090. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 9 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Nguyễn Thuỳ Dung, Ngô Văn Hưng... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 45000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s613131

TOÁN HỌC

1091. Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 6 / Bùi Văn Tuyên. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 184 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 7000b s612304

1092. Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 7 / Bùi Văn Tuyên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 168 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 5000b s612305

1093. Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 8 / Bùi Văn Tuyên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 188 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 65000đ. - 9000b s612306

1094. Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 9 / Bùi Văn Tuyên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 216 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 3000b s612307

1095. Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 10 - Đại số - Thống kê xác suất / Trần Hữu Nam (ch.b.), Trần Minh Hiền, Cao Minh Quang... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 280 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 2000b s612309

1096. Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 10 - Hình học / Nguyễn Minh Hà (ch.b.), Nguyễn Xuân Bình, Trần Quang Hùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 272 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 90000đ. - 2000b s612308

1097. Bài tập phát triển năng lực Toán 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Bùi Kim My... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 167 tr. : minh hoạ s612848

1098. Bài tập phát triển năng lực Toán 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Bùi Kim My... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 167 tr. : minh hoạ s612849

1099. Bài tập Toán 6 / Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (tổng ch.b.), Vũ Quốc Chung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 91000b

T.1. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s612256

1100. Bài tập Toán 6 / Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (tổng ch.b.), Vũ Quốc Chung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 90000b

T.2. - 2025. - 136 tr. : minh hoạ s612257

1101. Bài tập Toán 7 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 200000b
T.1. - 2025. - 136 tr. : hình vẽ, bảng s612271
1102. Bài tập Toán 7 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 361549b
T.2. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s612272
1103. Bài tập Toán 8 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Nguyễn Văn Hiên...
- Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 65000b
T.1. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s612258
1104. Bài tập Toán 8 / Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 190000b
T.2. - 2025. - 140 tr. : minh hoạ s612273
1105. Bài tập Toán 8 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Nguyễn Văn Hiên...
- Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 66000b
T.2. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612259
1106. Bài tập Toán 9 / Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 165000b
T.1. - 2025. - 124 tr. : minh hoạ s612274
1107. Bài tập Toán 9 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Nguyễn Văn Hiên...
- Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 76000b
T.1. - 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s612260
1108. Bài tập Toán 9 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Nguyễn Văn Hiên...
- Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 74000b
T.2. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s612261
1109. Bài tập Toán 9 : Cơ bản và nâng cao : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 1500b
T.2. - 2025. - 83 tr. : minh hoạ s612312
1110. Bài tập Toán 10 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 100049b
T.1. - 2025. - 127 tr. : hình vẽ, bảng s612275
1111. Bài tập Toán 10 / Trần Đức Huyền (ch.b.), Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thư Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 21000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 140 tr. : hình vẽ, bảng s612262
1112. Bài tập Toán 10 / Trần Đức Huyền (ch.b.), Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thư Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 9000b
T.2. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s612263

1113. Bài tập Toán 11 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 85049b
T.1. - 2025. - 152 tr. : hình vẽ, bảng s612276
1114. Bài tập Toán 11 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 76049b
T.2. - 2025. - 124 tr. : hình vẽ, bảng s612277
1115. Bài tập Toán 11 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Ngô Hoàng Long... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 12000b
T.2. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s612264
1116. Bài tập Toán 12 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 87949b
T.1. - 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng s612278
1117. Bài tập Toán 12 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Vũ Như Thu Hương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 21000đ. - 11000b
T.1. - 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng s612265
1118. Bài tập Toán 12 : Cơ bản và nâng cao : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đỗ Duy Hiếu, Trần Quang Hùng... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 29000đ. - 1500b
T.1. - 2025. - 67 tr. : hình vẽ, bảng s612313
1119. Bài tập Toán 12 : Cơ bản và nâng cao : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đỗ Duy Hiếu, Trần Quang Hùng... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 25000đ. - 1500b
T.2. - 2025. - 55 tr. : hình vẽ, bảng s612314
1120. Bài tập Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Trần Việt Dũng, Trần Xuân Hiền, Nguyễn Xuân Thảo. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 78000đ. - 500b
T.3: Chuỗi và Phương trình vi phân. - 2025. - 203 tr. : hình vẽ s612161
1121. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Bài tập Đại số 8 / Tôn Thân (ch.b.), Trịnh Hoài Dương, Phạm Đức Hiệp... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 208 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 70000đ. - 3000b s612327
1122. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Bài tập Đại số, Thống kê, Xác suất 9 / Tôn Thân (ch.b.), Phạm Thị Bạch Ngọc, Tạ Công Sơn... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 263 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 85000đ. - 3000b s612329
1123. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Bài tập Hình học 6 / Tôn Thân (ch.b.), Lê Thị Việt Anh, Trần Quang Hùng, Hà Hữu Cao Trình. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 25000đ. - 3000b s612323
1124. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Bài tập Hình học 9 / Tôn Thân (ch.b.), Lê Thị Việt Anh, Nguyễn Bá Đương, Trần Quang Hùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 212 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 70000đ. - 3000b s612325

1125. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Bài tập Số học 6 / Tôn Thân (ch.b.), Trịnh Hoài Dương, Phạm Đức Hiệp, Hà Hữu Cao Trình. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 164 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 55000đ. - 3000b s612322

1126. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Đại số 8 / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Đàm Hiếu Chiến, Trần Hữu Nam... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 232 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 75000đ. - 3000b s612326

1127. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Đại số, Thống kê, Xác suất 9 / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Phạm Thị Bạch Ngọc, Đàm Văn Nhi... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 268 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 85000đ. - 3000b s612328

1128. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Hình học 9 / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Nguyễn Bá Đàng, Lê Quốc Hán, Hồ Quang Vinh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 208 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 70000đ. - 3000b s612324

1129. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán - Số học 6 / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Nguyễn Tam Sơn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 152 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 3000b s612321

1130. Bồi dưỡng Toán 6 / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Đặng Văn Quân, Bùi Văn Tuyên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 43000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 104 tr. : minh hoạ s612784

1131. Bồi dưỡng Toán 7 / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Nguyễn Xuân Bình, Đàm Hiếu Chiến... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 52000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 140 tr. : minh hoạ s612789

1132. Bồi dưỡng Toán 9 / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Phan Thanh Hồng, Nguyễn Tam Sơn... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 57000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 152 tr. : minh hoạ s612790

1133. Bùi Việt Hà. Các vấn đề trong tổ hợp / Bùi Việt Hà, Vương Trọng Thanh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 429 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

Thư mục: tr. 427-429 s611960

1134. Các dạng toán và phương pháp giải Toán 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Tôn Thân (ch.b.), Huỳnh Ngọc Thanh, Đặng Thị Thu Huệ... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 60000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 187 tr. : hình vẽ, bảng s612846

1135. Các dạng toán và phương pháp giải Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Tôn Thân (ch.b.), Huỳnh Ngọc Thanh, Đặng Thị Thu Huệ... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 72000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 228 tr. : minh hoạ s612847

1136. Chinh phục 8+ luyện thi vào lớp 10 môn Toán theo chủ đề : Sách ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Lê Vũ Việt Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 271 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 159000đ. - 3800b s613004

1137. Chuyên đề học tập Toán 10 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Đặng Văn Đạt. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 174000b s612752

1138. Chuyên đề học tập Toán 11 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 193705b s612776

1139. Chuyên đề học tập Toán 11 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Đặng Văn Đạt. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 153000b s612753

1140. Chuyên đề học tập Toán 12 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 204340b s612777

1141. Chuyên đề học tập Toán 12 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Ngô Hoàng Long. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 170000b s612754

1142. Cùng cố và ôn luyện Toán 6 : Sách theo Chương trình mới / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 68000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 214 tr. : hình vẽ, bảng s611962

1143. Cùng cố và ôn luyện Toán 6 : Sách theo Chương trình mới / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 68000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng s611963

1144. Cùng cố và ôn luyện Toán 7 / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 80000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng s611964

1145. Cùng cố và ôn luyện Toán 7 / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 80000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 239 tr. : hình vẽ, bảng s611965

1146. Cùng cố và ôn luyện Toán 8 : Bộ sách theo Chương trình GDPT 2018 / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 80000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 283 tr. : hình vẽ, bảng s611966

1147. Cùng cố và ôn luyện Toán 8 : Bộ sách theo Chương trình GDPT 2018 / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 80000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 275 tr. : hình vẽ, bảng s611967

1148. Cùng cố và ôn luyện Toán 9 : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 80000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 275 tr. : hình vẽ, bảng s611968

1149. Cùng cố và ôn luyện Toán 9 : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới / Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 80000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 255 tr. : hình vẽ, bảng s611969

1150. Đặng Hùng Thắng. Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng / Đặng Hùng Thắng. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 48000đ. - 700b

Phụ lục: tr. 192-215. - Thư mục: tr. 216 s612135

1151. Đặng Hùng Thắng. Thống kê và ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng / Đặng Hùng Thắng. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 276 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 62000đ. - 700b

Phụ lục: tr. 265-272. - Thư mục: tr. 273 s612134

1152. Đề học tốt Toán 6 / Doãn Minh Cường (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Bùi Thanh Liêm... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 44000đ. - 7000b

T.2. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s612785

1153. Giải Toán 10 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Đức Nghị. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 40000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 139 tr. : hình vẽ, bảng s612297

1154. Giải Toán 10 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Đức Nghị. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 131 tr. : minh hoạ s612298

1155. Giải Toán 10 theo chuyên đề : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Đức Nghị. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 132 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 35000đ. - 2000b s612310

1156. Giải Toán 12 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Đức Nghị. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 45000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 143 tr. : hình vẽ, bảng s612299

1157. Giải Toán 12 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Đức Nghị. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s612300

1158. Giải Toán 12 theo chuyên đề : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Đức Nghị. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 132 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 1000b s612301

1159. Hardy, G. H. Tự biện của một nhà toán học = A mathematician's apology / G. H. Hardy ; Trần Trọng Cát Tường dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - xxi, 150 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 500b s611611

1160. Hướng dẫn giải bài tập Toán 9 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Võ Mộng Trinh, Lê Anh Vũ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 172 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 1500b s611946

1161. Khổng Chí Nguyên. Giáo trình Đại số tuyến tính / Khổng Chí Nguyên (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 199 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 88000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 199 s612149

1162. Kiến thức trọng tâm môn Toán trung học cơ sở / Lê Phong Phú (ch.b.), Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Ngu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 49000đ. - 2000b s612280

1163. Nâng cao và phát triển Toán 6 / Vũ Hữu Bình. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 200 tr. : hình vẽ, bảng s612315

1164. Nâng cao và phát triển Toán 6 / Vũ Hữu Bình. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 50000đ. - 6000b
T.2. - 2025. - 152 tr. : hình vẽ, bảng s612316
1165. Nâng cao và phát triển Toán 7 / Vũ Hữu Bình. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 50000đ. - 12000b
T.2. - 2025. - 148 tr. : hình vẽ, bảng s612317
1166. Nâng cao và phát triển Toán 9 / Vũ Hữu Bình. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 80000đ. - 3000b
T.3: Bài tập Đại số chọn lọc: Hay và khó. - 2025. - 251 tr. : bảng s612318
1167. Nâng cao và phát triển Toán 10 / Phạm Việt Hải, Trần Quang Hùng, Ninh Văn Thu, Phạm Đình Tùng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 55000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 176 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 176 s612319
1168. Nâng cao và phát triển Toán 10 / Phạm Việt Hải, Trần Quang Hùng, Ninh Văn Thu, Phạm Đình Tùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 55000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 168 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 167 s612320
1169. Nguyễn Đình Trí. Bài tập toán cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 55000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 271 tr. : hình vẽ s612126
1170. Nguyễn Đình Trí. Bài tập Toán cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 98000đ. - 700b
T.3. - 2025. - 499 tr. : hình vẽ s612127
1171. Ôn tập, kiểm tra Toán 12 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Hoa Ánh Tường, Huỳnh Phát Lợi (ch.b.), Vũ Đức Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 208 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s612311
1172. Siêu trọng tâm lý thuyết, dạng bài và bài tập môn Toán 11 : Bám sát nội dung cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Huyền Nga. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 159 tr. : hình vẽ, bảng ; 22 cm. - 170000đ. - 20000b s611886
1173. Take note Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Dành cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức - Cánh Diều - Chân trời sáng tạo... / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s611931
1174. Take note Toán 7 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Dành cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức - Cánh Diều - Chân trời sáng tạo... / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s611932
1175. Take note Toán 9 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Dành cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức - Cánh Diều - Chân trời sáng tạo... / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 69000đ. - 5000b s611933
1176. Toán 6 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 17000đ. - 220000b
T.1. - 2025. - 123 tr. : minh hoạ s612812
1177. Toán 6 / Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (tổng ch.b.), Vũ Quốc Chung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 378000b
T.1. - 2025. - 124 tr. : minh hoạ s612762
1178. Toán 6 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 16000đ. - 210000b

- T.2. - 2025. - 111 tr. : minh hoạ s612813
1179. Toán 6 / Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (tổng ch.b.), Vũ Quốc Chung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 358000b
- T.2. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s612763
1180. Toán 7 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 226000b
- T.1. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s612814
1181. Toán 7 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền (ch.b.), Nguyễn Cam... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 338000b
- T.1. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s612764
1182. Toán 7 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 225000b
- T.2. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s612815
1183. Toán 7 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền (ch.b.), Nguyễn Cam... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 294000b
- T.2. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612765
1184. Toán 7 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b s612294
1185. Toán 8 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 346000b
- T.1. - 2025. - 128 tr. : minh hoạ s612766
1186. Toán 8 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 185000b
- T.2. - 2025. - 139 tr. : minh hoạ s612816
1187. Toán 8 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 334000b
- T.2. - 2025. - 104 tr. : minh hoạ s612767
1188. Toán 8 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 2000b s612295
1189. Toán 9 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 39600b
- T.1. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s612768
1190. Toán 9 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17500đ. - 167000b
- T.2. - 2025. - 131 tr. : minh hoạ s612817

1191. Toán 9 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 340000b
T.2. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s612769
1192. Toán 9 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 2000b s612296
1193. Toán 10 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 240000b
T.1. - 2025. - 136 tr. : minh hoạ s612770
1194. Toán 10 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13400đ. - 232000b
T.2. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612771
1195. Toán 11 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 148000b
T.1. - 2025. - 131 tr. : minh hoạ s612818
1196. Toán 11 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 21000đ. - 229000b
T.1. - 2025. - 152 tr. : minh hoạ s612772
1197. Toán 11 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 220000b
T.2. - 2025. - 108 tr. : minh hoạ s612773
1198. Toán 12 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 160000b
T.1. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612819
1199. Toán 12 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 244000b
T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612774
1200. Toán 12 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 150000b
T.2. - 2025. - 95 tr. : minh hoạ s612820
1201. Toán 12 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 239000b
T.2. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612775
1202. Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Trần Việt Dũng, Trần Xuân Hiên, Nguyễn Xuân Thảo. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 140000đ. - 1000b

- T.2: Giải tích. - 2025. - 424 tr. - Thư mục: tr. 421 s612162
1203. Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Trần Việt Dũng, Trần Xuân Hiền, Nguyễn Xuân Thảo. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 78000đ. - 500b
- T.3: Chuỗi và Phương trình vi phân. - 2025. - 243 tr. : hình vẽ. - Thư mục: tr. 293 s612163
1204. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Vũ Đình Phương (ch.b.), Nguyễn Hùng Anh, Nguyễn Thị Hợp... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s612825
1205. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 8 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Vũ Đình Phương (ch.b.), Nguyễn Hùng Anh, Nguyễn Thị Hợp... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 49000đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612826
1206. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 9 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Vũ Đình Phương (ch.b.), Nguyễn Hùng Anh, Nguyễn Thị Hợp... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 49000đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 107 tr. : minh hoạ s612827
1207. Vở bài tập Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Trịnh Hoài Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng s612850
1208. Vở bài tập Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Trịnh Hoài Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.2. - 2025. - 87 tr. : hình vẽ, bảng s612851
1209. Vở bài tập Toán 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Trịnh Hoài Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 6000b
- T.1. - 2025. - 111 tr. : hình vẽ, bảng s612852
1210. Vở bài tập Toán 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Trịnh Hoài Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 6000b
- T.2. - 2025. - 107 tr. : hình vẽ, bảng s612781
1211. Vở bài tập Toán 8 : Theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Đức Tấn, Đỗ Quang Thanh, Nguyễn Võ Lan Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.1. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s612302
1212. Vở bài tập Toán 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Đinh Hữu Lâm... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 7000b
- T.1. - 2025. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s612782

1213. Vở bài tập Toán 8 : Theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Đức Tấn, Đỗ Quang Thanh, Nguyễn Võ Lan Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s612303

1214. Vở bài tập Toán 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Đinh Hữu Lâm... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 7000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : hình vẽ s612783

1215. Vở bài tập Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Đinh Hữu Lâm... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 32000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 119 tr. : hình vẽ s612853

1216. Vở bài tập Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 / Trần Quang Vinh (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Đinh Hữu Lâm... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 32000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng s612854

1217. Vở thực hành Toán 6 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 4000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s612795

1218. Vở thực hành Toán 6 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 4000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612796

1219. Vở thực hành Toán 7 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 36000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s612797

1220. Vở thực hành Toán 7 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 41000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 115 tr. : minh hoạ s612798

1221. Vở thực hành Toán 8 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 104 tr. : minh hoạ s612799

1222. Vở thực hành Toán 9 / Cung Thế Anh (ch.b.), Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng, Đặng Thị Minh Thu. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 4000b

T.1. - 2025. - 128 tr. : minh hoạ s612800

1223. Vở thực hành Toán 9 / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 4000b

T.2. - 2025. - 139 tr. : minh hoạ s612801

THIÊN VĂN HỌC

1224. Boyle, Rebecca. Mặt Trăng của chúng ta = Our Moon : Người bạn đồng hành đã biến đổi Trái Đất, định hướng tiến hoá và tạo nên văn hoá loài người / Rebecca Boyle ; Phạm Thu Hoà dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 433 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 200000đ. - 1000b s611806

1225. Ridpath, Ian. Thiên văn học trực quan / Ian Ridpath ; Ngọc Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 352 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 500000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Astronomy: A visual guide s611736

VẬT LÝ

1226. Bài tập Vật lý 10 / Bùi Gia Thịnh (ch.b.), Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 77962b s612419

1227. Bài tập Vật lý 10 / Phạm Nguyễn Thành Vinh (ch.b.), Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 19000đ. - 3000b s612420

1228. Bài tập Vật lý 11 / Phạm Nguyễn Thành Vinh (ch.b.), Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 24000đ. - 4000b s612421

1229. Bài tập Vật lý đại cương : Biên soạn theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1990 : Dùng cho các trường đại học các khối công nghiệp, công trình, thuỷ lợi, giao thông vận tải / Lương Duyên Bình (ch.b.), Nguyễn Hữu Hồ, Lê Văn Nghĩa, Nguyễn Tụng. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 42000đ. - 1200b

T.1: Cơ - Nhiệt. - 2025. - 198 tr. : hình vẽ s612128

1230. Bài tập Vật lý đại cương : Biên soạn theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1990 : Dùng cho các trường đại học các khối Công nghiệp, Công trình thuỷ lợi, Giao thông vận tải / Lương Duyên Bình (ch.b.), Nguyễn Hữu Hồ, Lê Văn Nghĩa, Nguyễn Tụng. - Tái bản lần thứ 25. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 42000đ. - 1000b

T.2: Điện - Dao động - Sóng. - 2025. - 155 tr. : hình vẽ, bảng s612129

1231. Chuyên đề học tập Vật lý 10 / Phạm Nguyễn Thành Vinh (ch.b.), Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 109000b s613079

1232. Chuyên đề học tập Vật lý 11 / Phạm Nguyễn Thành Vinh (ch.b.), Trần Nguyễn Nam Bình, Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 67000b s613080

1233. Chuyên đề học tập Vật lý 11 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Đặng Thanh Hải (ch.b.), Tường Duy Hải.... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 117368b s613076

1234. Chuyên đề học tập Vật lý 12 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Đặng Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Chính Cường... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 143871b s613077

1235. Hành trình khám phá - Ánh sáng : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh hoạ: Phương Dung. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 30000đ. - 2000b s611795

1236. Hành trình khám phá - Âm thanh : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh hoạ: Phương Dung.
- Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 30000đ. - 2000b s611793

1237. Lương Duyên Bình. Bài tập Vật lí đại cương : Biên soạn theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1990 : Dùng cho các trường đại học kĩ thuật (Công nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Thủy lợi, Giao thông vận tải, Mỏ địa chất, Sư phạm kĩ thuật Công nghiệp...) / Lương Duyên Bình (ch.b.), Nguyễn Hữu Hồ, Lê Văn Nghĩa. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 58000đ. - 700b

T.3: Quang học - Vật lí lượng tử. - 2025. - 223 tr. : hình vẽ, bảng s612130

1238. Nâng cao và phát triển Vật lí 11 / Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Chính Cường, Đặng Thanh Hải, Nguyễn Anh Thuận. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 28000đ. - 2000b s612417

1239. Ôn tập, kiểm tra Vật lí 12 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Phùng Việt Hải, Nguyễn Thị Thanh Nga, Lê Tấn Ri... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s612418

1240. Siêu trọng tâm lý thuyết, dạng bài và bài tập môn Vật lí 11 : Bám sát nội dung cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo / Đặng Thị Lan Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 143 tr. : hình vẽ, bảng ; 22 cm. - 170000đ. - 10000b s611885

1241. Vật lí 10 / Phạm Nguyễn Thành Vinh (ch.b.), Nguyễn Lâm Duy, Đoàn Hồng Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 165000b s613081

1242. Vật lí 11 / Phạm Nguyễn Thành Vinh (ch.b.), Trần Nguyễn Nam Bình, Đoàn Hồng Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 124 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18000đ. - 127000b s613082

1243. Vật lí 12 / Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (ch.b.), Trần Nguyễn Nam Bình... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 124 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18000đ. - 134000b s613083

1244. Vật lí 12 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Biên (ch.b.), Trần Ngọc Chất... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 142791b s613078

1245. Vật lí đại cương : Dùng cho các trường đại học khối Kỹ thuật công nghiệp / Lương Duyên Bình (ch.b.), Ngô Phú An, Đỗ Trần Cát... - Tái bản lần thứ 28. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 54000đ. - 1500đ

T.1: Cơ - Nhiệt. - 2025. - 267 tr. : hình vẽ, bảng s612131

1246. Vật lí đại cương : Dùng cho các trường đại học khối Kỹ thuật công nghiệp / Lương Duyên Bình (ch.b.), Dư Trí Công, Nguyễn Hữu Hồ. - Tái bản lần thứ 26. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 65000đ. - 1200b

T.2: Điện - Dao động - Sóng. - 2025. - 344 tr. : hình vẽ, bảng s612132

1247. Vật lí đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kĩ thuật công nghiệp / Lương Duyên Bình, Dư Trí Công, Nguyễn Hữu Hồ. - Tái bản lần thứ 25. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 55000đ. - 500b

T.3, Ph.1. - 2025. - 247 tr. : hình vẽ, bảng s612133

HOÁ HỌC

1248. Bài tập Hoá học 10 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 5000b s612184
1249. Bài tập Hoá học 10 / Lê Kim Long, Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 127 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 54049b s612181
1250. Bài tập Hoá học 11 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 31000đ. - 6000b s612185
1251. Bài tập Hoá học 11 / Đặng Xuân Thư (ch.b.), Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 24000đ. - 45049b s612182
1252. Bài tập Hoá học 12 / Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 52047b s612183
1253. Chuyên đề học tập Hoá học 10 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 102000b s613070
1254. Chuyên đề học tập Hoá học 11 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 73000b s613071
1255. Chuyên đề học tập Hoá học 12 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 88000b s613072
1256. Hoá học 10 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16800đ. - 171000b s613068
1257. Hoá học 10 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16800đ. - 228503b s613073
1258. Hoá học 11 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Đăng Đạt... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 155 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 105000b s613074
1259. Hoá học 12 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 134000b s613069
1260. Hoá học 12 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 143 tr. ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 110000b s613075
1261. Nâng cao và phát triển Hoá học 11 / Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 45000đ. - 2000b s612186

1262. Ôn tập, kiểm tra Hoá học 12 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Tổng Đức Huy, Trần Quang Huy, Lương Công Thắng, Nguyễn Thị Lánh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 208 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s612187

1263. Siêu trọng tâm lý thuyết, dạng bài và bài tập môn Hoá học 11 : Bám sát nội dung cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo / Trương Hương Nhi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 151 tr. : hình vẽ, bảng ; 22 cm. - 170000đ. - 10000b s611887

KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT

1264. Hành trình khám phá - Không khí : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh hoạ: Châu Phạm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 30000đ. - 2000b s611794

1265. Hành trình khám phá - Ngôi nhà Trái Đất : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh hoạ: Phạm Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 38000đ. - 2000b s611797

1266. 100 bí ẩn đáng kinh ngạc về các đại dương = 100 things to know about the oceans : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Jerome Martin, Alex Frith, Alice James... ; Minh hoạ: Dominique Byron... ; Thu Trang dịch. - In lần thứ 5. - H. : Thế giới, 2025. - 128 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 119000đ. - 1000b s611778

1267. Robertson, Matt. Bạn có thích đại dương? : 6+ / Matt Robertson ; Trúc Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 35000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Do you love oceans? s611811

1268. Tôn Nguyên Vĩ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Khám phá thế giới đại dương 1 : Sách dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Tôn Nguyên Vĩ ; Ngọc Linh dịch. - In lần thứ 9. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 136 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 55000đ. - 2000b s611883

1269. Tôn Nguyên Vĩ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Khám phá thế giới đại dương 2 : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Tôn Nguyên Vĩ ; Ngọc Linh dịch. - In lần thứ 10. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 135 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 55000đ. - 2000b s611884

SINH VẬT HOÁ THẠCH VÀ ĐỜI SỐNG TIỀN SỬ

1270. Robertson, Matt. Bạn có thích khủng long? : 6+ / Matt Robertson ; Trúc Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 35000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Do you love dinosaurs? s611810

1271. Tôn Nguyên Vĩ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Khám phá thế giới động vật: Động vật thời tiền sử : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Tôn Nguyên Vĩ ; Ngọc Linh dịch. - In lần thứ 9. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 137 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 55000đ. - 2000b s611882

KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1272. Bài tập Sinh học 10 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 3000b s612178

1273. Bài tập Sinh học 11 / Phạm Văn Lập (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Trần Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 2025 s612177

1274. Bài tập Sinh học 11 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 140 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 10000b s612179

1275. Bài tập Sinh học 12 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 252 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 38000đ. - 2000b s612180

1276. Chuyên đề học tập Sinh học 10 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 37000b s613063

1277. Chuyên đề học tập Sinh học 11 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Lê Đình Tuấn (ch.b.), Phan Thị Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 30708b s613066

1278. Chuyên đề học tập Sinh học 12 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Đoàn Long. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 32614b s613067

1279. Chuyên đề học tập Sinh học 12 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 27000b s613064

1280. Giáo trình Sinh học và di truyền / Nguyễn Văn Tăng (ch.b.), Đặng Thị Hương Hà, Vũ Thị Phương Ngoan, Nguyễn Thị Thanh Nhân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 226 tr. : bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

Thư mục: tr. 226 s612166

1281. Hành trình khám phá - Hệ sinh thái : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh hoạ: Huy Hudson. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 38000đ. - 2000b s611796

1282. Nâng cao và phát triển Sinh học 10 / Mai Thị Hiền, Trần Sỹ Luận, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Hồng Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 30000đ. - 2000b s612176

1283. Sinh học 10 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 160 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 140000b s613060

1284. Sinh học 11 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Lê Đình Tuấn (ch.b.), Trần Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 187 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 132651b s613065

1285. Sinh học 11 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 188 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 26000đ. - 112000b s613061

1286. Sinh học 12 / Tổng Xuân Tám (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 26000đ. - 111000b s613062

1287. Tò mò muốn biết... trên mặt nước : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Marcel Králik ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 4000b

Tên sách tiếng Anh: At the water s612533

THỰC VẬT

1288. Tôn Nguyên Vĩ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Khám phá thế giới thực vật : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Tôn Nguyên Vĩ ; Ngọc Linh dịch. - In lần thứ 9. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 137 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 55000đ. - 2000b s611881

ĐỘNG VẬT

1289. Robertson, Matt. Bạn có thích côn trùng? : 6+ / Matt Robertson ; Trúc Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 35000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Do you love bugs? s611812

1290. Robertson, Matt. Bạn có thích thám hiểm? : 6+ / Matt Robertson ; Trúc Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 35000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Do you love exploring? s611809

1291. Tò mò muốn biết... dưới lòng đất : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Marcel Králik ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 4000b
Tên sách tiếng Anh: Underground s612532

1292. Tò mò muốn biết... trên cây cao : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Magdaléna Takáčová ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 4000b
Tên sách tiếng Anh: Tree s612530

1293. Tò mò muốn biết... trong tổ kiến : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Magdaléna Takáčová ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 4000b
Tên sách tiếng Anh: Anthill s612531

1294. Tò mò muốn biết... trong tổ ong : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Martin Šojdr ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 4000b
Tên sách tiếng Anh: Beehive s612534

1295. Tôn Nguyên Vĩ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Khám phá thế giới động vật: Bay trên bầu trời 1 : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Tôn Nguyên Vĩ ; Ngọc Linh dịch. - In lần thứ 10. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 137 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 55000đ. - 2000b s611880

CÔNG NGHỆ

1296. Câu chuyện về các phát minh vĩ đại : Dành cho trẻ 6 - 11 tuổi / Viết lời: Catherine Barr, Steve Williams ; Minh hoạ: Amy Husband ; Trường Huy dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Cuốn sách khoa học đầu tiên dành cho học sinh tiểu học). - 36000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: The story of inventions s612512

1297. Công nghệ 7 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Cao Bá Cường... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức cuộc sống). - 11000đ. - 232000b s613140

1298. Công nghệ 8 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 404000b s612811

1299. Công nghệ 8 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đặng Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 270000b s613141

1300. Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 5000đ. - 301000b s613154

1301. Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Phạm Mạnh Hà (ch.b.), Nguyễn Xuân An... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 5000đ. - 391731b s613142

1302. Công nghệ 10 - Thiết kế và công nghệ / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 135 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 80231b s613145

1303. Vở thực hành Công nghệ 8 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 3000b s613149

Y HỌC

1304. Akiyoshi Horie. Lưu thông máu tốt hoá giải bách bệnh / Akiyoshi Horie ; Như Nữ dịch. - In lần 13. - H. : Công Thương, 2025. - 250 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 3000b s611560

1305. Bùi Quốc Châu. Cẩm nang diện chẩn - Phương pháp đơn giản áp dụng tại gia / Bùi Quốc Châu. - In lần 9. - H. : Thế giới, 2025. - 227 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 209000đ. - 2000b s611760

1306. Campbell, T. Colin. Bí mật dinh dưỡng cho sức khoẻ toàn diện = The China study : Nghiên cứu lớn nhất về mối liên hệ giữa dinh dưỡng và sức khoẻ / T. Colin Campbell, Thomas M. Campbell ; Lương Ngân biên dịch. - Tái bản. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 647 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 300000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 538-560. - Thư mục: tr. 561-633 s611651

1307. Cẩm nang Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi. - H. : Công Thương, 2025. - 55 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 64000b

ĐTTS ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số s611561

1308. Chăm sóc dinh dưỡng giúp trẻ phát triển thể lực, tầm vóc trong 1000 ngày vàng. - H. : Công Thương, 2024. - 28 tr. : ảnh ; 21 cm. - 47970b

ĐTTS ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số s611562

1309. Đỗ Anh Tuấn. Giáo trình Sinh hoá thể dục thể thao / B.s.: Đỗ Anh Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thị Thoa, Quách Thị Ngọc Hà. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 319 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s611493

1310. Emma Phạm. Ăn chay healthy không lo thiếu chất : 7 ngày ăn xanh nâng cao sức khoẻ, dồi dào năng lượng / Emma Phạm. - In lần 5. - H. : Công Thương, 2025. - 230 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 179000đ. - 1500b s611566

1311. Greger, Michael. Ăn gì không chết = How not to die : Sức mạnh chữa lành của thực phẩm / Michael Greger, Gene Stone ; Dịch: Hoàng Nữ Minh Nguyệt, Công Huyền Tôn Nữ Thủy Trang. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 772 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 320000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 539-545 s611837

1312. Herz, Rachel. Giải mã khẩu vị = Why you eat what you eat : Ăn uống ngon lành - Vóc dáng khoẻ mạnh / Rachel Herz ; Trần Trọng Hải Minh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 294 tr. ; 23 cm. - 170000đ. - 1000b s611807

1313. Ivanoff, George. Cẩm nang khám phá cơ thể người / George Ivanoff ; Trịnh Thu Hằng dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 173 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 78000đ. - 10000b
Tên sách tiếng Anh: The human body survival guide. - Thư mục: tr. 167-171 s611756

1314. Jackson, Tom. Bệnh truyền nhiễm - Bình tĩnh để bảo vệ mình = Basher science mini: Pandemic : 9+ / Tom Jackson ; Minh hoạ: Simon Basher ; Lê Nguyễn Phi Cát dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Phiêu lưu cùng STEM). - 65000đ. - 1500b s611788

1315. Kim Yong Bin. Cuộc cách mạng chống rụng tóc : Hành trình lấy lại sự tự tin / Kim Yong Bin ; Nguyễn Ngọc Thanh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 244 tr. : ảnh ; 21 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Dr. Yong's hair loss revolution. - Thư mục: tr. 240-244 s611696

1316. Koike Hiroto. Bách khoa thư về giải toả mệt mỏi ở phụ nữ / Koike Hiroto ; Gako Chan dịch. - In lần 4. - H. : Thế giới, 2025. - 314 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 159000đ. - 1500b s611768

1317. Lupus ban đỏ hệ thống / Hoàng Thị Lâm (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Lan, Nguyễn Lê Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 204 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 670b
Thư mục cuối chính văn s612123

1318. Masaru Emoto. Bí mật của nước / Masaru Emoto ; Thanh Huyền dịch. - In lần 25. - H. : Công Thương, 2025. - 163 tr., 59 tr. ảnh ; 19 cm. - 109000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Secret life of water s611555

1319. Moritz, Andreas. Cẩm nang hướng dẫn tẩy sỏi gan mật : Phương pháp diệu kỳ cho sức khoẻ dài lâu / Andreas Moritz ; Nhóm Viethealthy dịch. - In lần 6. - H. : Thế giới, 2025. - 502 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 229000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The amazing liver and gallbladder flush. - Phụ lục: tr. 481-502 s611776

1320. Ngô Đức Hùng. 3 phút sơ cứu : Cách xử lý ban đầu giúp bạn kiểm soát các tai nạn thường gặp / Ngô Đức Hùng. - Tái bản có sửa chữa. - H. : Thế giới, 2025. - 203 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 160000đ. - 4000b

Thư mục: tr. 203 s611766

1321. Nguyễn Thanh Nam. Phẫu thuật nối thông kết mạc túi lệ mũi : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thanh Nam. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 110000đ. - 330b

Thư mục: tr. 93-103 s612169

1322. Nguyễn Tùng Linh. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác - Hồ sơ và tư liệu / Nguyễn Tùng Linh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 200 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục: tr. 199-200 s611737

1323. Nguyễn Văn Nam. Thân nhiệt - Chìa khoá để sống khoẻ mạnh và trường thọ / B.s.: Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Thị Bích Hồng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 250 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 149000đ. - 5500b

Thư mục: tr. 249-250 s612033

1324. Nguyễn Văn Nam. Thân nhiệt - Quyết định sinh lão bệnh tử / B.s.: Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Thị Bích Hồng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 159 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 96000đ. - 1000b s612036

1325. Phan Thị Diệu Ngọc. Chăm sóc dinh dưỡng và hướng dẫn thực hành chế độ ăn uống lành mạnh dành cho trẻ tự kỉ : Sách tham khảo / Phan Thị Diệu Ngọc (ch.b.), Bùi Thị Thanh Hoa. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 119 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 120000đ. - 200b s611449

1326. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em : Sách chuyên khảo dùng cho đối tượng cử nhân cao đẳng: Giáo dục mầm non, Điều dưỡng, Hộ sinh / Nguyễn Văn Chương (ch.b.), Trần Thị Mỹ Tuyết, Nguyễn Lưu Thuỳ Dương... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 151 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 150000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi bài s611462

1327. Phương pháp giảng dạy và tập luyện Yoga cơ bản / Trần Thị Vi Vân (ch.b.), Huỳnh Thái Hưng, Nguyễn Thị Thuý Hằng, Cao Đức Anh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 166 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Đà Nẵng. Khoa Giáo dục Thể chất. - Thư mục cuối chính văn s612028

1328. Sang chấn tâm lý và tăng trưởng hậu sang chấn: Các tiếp cận lý thuyết và ứng dụng trong thực hành : Psychological trauma and post-traumatic growth: Theoretical approaches and applications in practice / Nguyễn Thị Thanh Tú, Lê Thị Mai Liên, Nguyễn Thị Vân, Nguyễn Thị Diệu Anh. - H. : Thế giới, 2025. - 607 tr. : minh hoạ ; 22 cm. - 200000đ. - 150b

Thư mục cuối mỗi bài s611689

1329. Sổ theo dõi sức khoẻ học sinh trung học cơ sở : Ban hành theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016, quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vũ Phương An. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 9000đ. - 7500b s611749

1330. Sổ theo dõi sức khoẻ học sinh trung học phổ thông : Ban hành theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016, quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vũ Phương An. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 6500đ. - 1500b s612595

1331. Trần Nhật Minh. Trở về từ hỗn loạn : Giải mã 13 biểu hiện tâm lý cực đoan và 6 hội chứng rối loạn thường gặp... / Trần Nhật Minh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 279 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 245000đ. - 1000b s612015

1332. Trần Tuấn Hiếu. Tiêu chuẩn đánh giá khả năng hồi phục của vận động viên trình độ cao sau lượng vận động thể lực : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Trần Tuấn Hiếu, Hà Mười Anh. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 530 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 100b

Thư mục: tr. 512-520 s611573

KỸ THUẬT

1333. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Công nghệ 9 : Định hướng nghề nghiệp - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà / Đặng Minh Đức, Vũ Thị Ngọc Thuý, Vũ Cẩm Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612199

1334. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 - Công nghệ Điện - Điện tử / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đinh Triều Dương (ch.b.), Phạm Duy Hưng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 10000b s613150

1335. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp : Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 308000b s613153

1336. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Thuý... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 267311b s613143

1337. Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Thái Thế Hùng (ch.b.), Hồ Hữu Hải... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 139 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 68446b s613146

1338. Công nghệ 12 - Công nghệ Điện - Điện tử / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đinh Triều Dương (ch.b.), Phạm Duy Hưng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 48186b s613147

1339. Đỗ Khắc Tiệp. Vật liệu và khí cụ điện / Đỗ Khắc Tiệp (ch.b.), Lê Văn Tâm, Đồng Xuân Thìn. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 138000đ. - 200b

Thư mục: tr. 199 s611479

1340. Giáo trình Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô / Nguyễn Thanh Quang (ch.b.), Nguyễn Xuân Tuấn, Vũ Hải Quân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 43000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Thư mục: tr. 117-119 s612156

1341. Giáo trình Điện tử công suất / Vũ Hữu Thích (ch.b.), Nguyễn Đỗ Quang Huy, Lê Anh Đức... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 155 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 55000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Thư mục: tr. 154 s612167

1342. Giáo trình Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật / Trương Thị Thu Hương, Trương Tuấn Anh, Lê Thị Quỳnh Trang (ch.b.)... - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 113 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 195000đ. - 100b

Thư mục: tr. 110 s611603

1343. Giáo trình Robot công nghiệp / Nguyễn Phú Sinh, Đoàn Lê Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Ái Lành, Lý Kim Hoanh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 218 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 199000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng. - Phụ lục: tr. 184-213. - Thư mục: tr. 214-218 s612029

1344. Hồ Văn Sung. Kỹ thuật truyền số liệu và các hệ thống thông tin hiện đại : Mô phỏng với Matlab / Hồ Văn Sung. - H. : Khoa học và Kỹ thuật. - 24 cm. - 396000đ. - 200b

T.1: Công nghệ đa sóng mang. - 2025. - 471 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 462-468 s611605

1345. Hồ Văn Sung. Kỹ thuật truyền số liệu và các hệ thống thông tin hiện đại : Mô phỏng với Matlab / Hồ Văn Sung. - H. : Khoa học và Kỹ thuật. - 24 cm. - 356000đ. - 200b

T.2: Công nghệ Massive MU-MIMO. - 2025. - 406 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 392-403 s611606

1346. Nguyễn Đức Lợi. Bơm nhiệt : Nguyên lý làm việc, ứng dụng trong sưởi ấm, đun nước nóng, hút ẩm, sấy lạnh và các ứng dụng khác / Nguyễn Đức Lợi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 327 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 126000đ. - 300b

Thư mục: tr. 323-327 s612140

1347. Nguyễn Đức Lợi. Sửa chữa tủ lạnh và máy điều hoà dân dụng / Nguyễn Đức Lợi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 324 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 122000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 301-314. - Thư mục: tr. 315-318 s612141

1348. Tuyển tập công trình: Hội nghị Khoa học Cơ học thuỷ khí toàn quốc lần thứ 27 : Tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh, 25 - 27 tháng 7 năm 2024 / Hoàng Thị Kim Anh, Lê Văn Tuấn, Hồ Công Toàn... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 645 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Hội Cơ học Việt Nam. Hội Cơ học Thuỷ khí. - Thư mục cuối mỗi bài s611590

NÔNG NGHIỆP

1349. Bài tập Công nghệ 7 / Bùi Văn Hồng, Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chiêm... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 12000đ. - 58000b s612192

1350. Bài tập Công nghệ 7 / Đồng Huy Giới (ch.b.), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 85098b s612196

1351. Bài tập Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Nông nghiệp 4.0 / Bùi Văn Hồng, Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 15000b s612193

1352. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Công nghệ 7 / Đồng Huy Giới, Bùi Thị Thu Hương, Đỗ Thị Phượng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng ; 24 cm. - 30000đ. - 5000b s612198

1353. Cách nuôi giống vịt chuyên thịt SD / B.s.: Nguyễn Quý Khiêm (ch.b.), Phùng Đức Tiến, Vũ Đức Cảnh... - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 40 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Viện Chăn nuôi. Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thụy Phương; Hiệp hội Mắcca Việt Nam. - Chương trình "1001 cách làm ăn" s612085

1354. Cách trồng bí ngô / Hoàng Minh Châu, Ngô Thị Hạnh, Lê Thị Tình, Nguyễn Thị Hồng Hạnh. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 56 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Viện Chăn nuôi. Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thụy Phương; Hiệp hội Mắcca Việt Nam. - Chương trình "1001 cách làm ăn" s612086

1355. Công nghệ 7 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chiêm... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11300đ. - 353000b s612810

1356. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp : Mô đun Nông nghiệp 4.0 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo

dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 48000b s613155

1357. Lê Thanh Tùng. Cách nuôi dê / Lê Thanh Tùng, Trần Thị Thanh Xuân, Nguyễn Lâm Hùng. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 39 tr. : ảnh ; 21 cm. - 50000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Mác-ca Việt Nam. - Chương trình "1001 cách làm ăn" s612061

1358. Nguyễn Đức Huy. Cách trồng cây cà tím (cà tím dài, cà dái dê) / Nguyễn Đức Huy, Trần Ngọc Trường. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 63 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 62000đ. - 500b

Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 63 s612050

1359. Nguyễn Phước Tuyên. Cách trồng giống sen lấy hạt / Nguyễn Phước Tuyên, Trần Thị Mai. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 40 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 500b

Chương trình "1001 cách làm ăn" s612047

1360. Phạm Văn Khánh. Cách nuôi cá chạch lấu / Phạm Văn Khánh, Đặng Văn Trường, Phan Thị Phương Loan. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 47 tr. : ảnh ; 21 cm. - 50000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Mác-ca Việt Nam. - Chương trình "1001 cách làm ăn" s612057

1361. Robertson, Matt. Bạn có thích thú cưng? : 6+ / Matt Robertson ; Trúc Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Do you love pets? s611808

1362. Vi Xuân Học. Giáo trình Cở đại và biện pháp phòng tránh / Vi Xuân Học (ch.b.), Phạm Thị Mai Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 139 tr. : bảng ; 24 cm. - 64000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 133-139 s612151

1363. Võ thực hành Công nghệ 7 / Đồng Huy Giới (ch.b.), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 7000b s613148

QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

1364. Bài tập Công nghệ 6 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Trần Văn Sỹ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 68000b s612191

1365. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Công nghệ 6 / Đặng Minh Đức, Vũ Thị Ngọc Thuý. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng ; 24 cm. - 35000đ. - 5000b s612197

1366. Cẩm nang làm đẹp - Oriflame : Đại tiệc yêu chiều bản thân. - H. : Hồng Đức, 2025. - 91 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 15000đ. - 100000b s611644

1367. Chef Q. Ăn dặm sạch sành "xanh" : Thuần thực vật / Chef Q. - In lần 3. - H. : Công Thương, 2025. - 218 tr. : ảnh màu ; 20 cm. - 269000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Ngọc Quỳnh s611569

1368. Chef Q. 30 phút ăn chay : Cẩm nang dinh dưỡng thuần thực vật (ăn chay khoa học), các công thức nấu ăn tinh gọn dưới 30 phút, kèm theo dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, nuôi con bú và thực đơn ăn dặm cho bé / Chef Q. - In lần 5. - H. : Công Thương, 2025. - 158 tr. : ảnh ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Bùi Ngọc Quỳnh s611568

1369. Cherry Vũ. Cha mẹ mở - Con sẽ ổn thôi / Cherry Vũ, Rob England, David Nguyễn.
- H. : Thế giới, 2025. - 317 tr. : minh họa ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b s611694
1370. Cô Huyền Trẻ Tự Kỷ. 150 món ăn thuần thực vật cho trẻ tự kỷ tăng động giảm chú ý / Cô Huyền Trẻ Tự Kỷ. - H. : Thế giới, 2025. - 275 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b s611729
1371. Công nghệ 6 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Trần Văn Sỹ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 412000b s612809
1372. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp : Mô đun Cắt may / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lưỡng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 20000b s613152
1373. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Chế biến thực phẩm / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Nguyễn Xuân Thành (ch.b.), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 98708b s613144
1374. Ferré, Julia. Nấu ăn thực dưỡng cơ bản - Các quy trình nấu rau củ và cốc loại / Julia Ferré ; Lê Hà Lộc biên dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 431 tr. : minh họa ; 21 cm. - 145000đ. - 1000b s612049
1375. Hồ Đắc Thiều Anh. Âm thực đạo thi / Hồ Đắc Thiều Anh. - H. : Thế giới, 2025. - 122 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 98000đ. - 500b s611676
1376. Nguyễn Đức Duy. Mẹ Đức ơi! : 31 câu chuyện làm cha mẹ dưới góc nhìn của một đứa trẻ / Nguyễn Đức Duy. - H. : Thế giới, 2025. - 193 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 184-192 s611682
1377. Nhận biết tập nói : Dành cho trẻ 12 - 36 tháng tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Lê Na. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 5800b
Q.1. - 2025. - 19 tr. : tranh màu s612983
1378. Nhận biết tập nói : Dành cho trẻ 12 - 36 tháng tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Lê Na. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 5200b
Q.2. - 2025. - 20 tr. : ảnh, tranh vẽ s612984
1379. Nhận biết tập nói : Dành cho trẻ 12 - 36 tháng tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Lê Na. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 4900b
Q.3. - 2025. - 23 tr. : tranh màu s612985
1380. Thái Lễ Húc. Cẩm nang hạnh phúc / Thái Lễ Húc giảng thuật ; Nhóm Hoa Tạng Giảng Ký trích lục, chỉnh lý ; Ban biên dịch Tịnh Không Pháp Ngữ dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 454 tr. ; 24 cm. - 120000đ. - 4000b s612067
1381. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 6 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thanh Huân, Nguyễn Hữu Long... - Tái bản lần thứ 6, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 25000đ. - 5000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612969
1382. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 9 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Hoàng Xuân Huy... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 25000đ. - 5000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s612970

1383. Triệu Thị Chơi. Món ăn Việt Nam : Món ăn gia đình và đãi tiệc / Triệu Thị Chơi, Nguyễn Thị Phụng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 258 tr., 8 tr. ảnh màu : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 96000đ. - 15000b s612075

1384. Tsutsumi Chiharu. Ăn dặm kiểu Nhật / Tsutsumi Chiharu ch.b. ; Món ăn: Niihara Keiko ; Nguyễn Thị Hoa dịch. - In lần 38. - H. : Công Thương, 2025. - 176 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 219000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 175-176 s611570

QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

1385. Barron, Jason. MBA bằng hình = The visual MBA : Trọn gói hai năm kiến thức quản trị kinh doanh qua trực quan sinh động / Jason Barron ; Bùi Thu Hà dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 208 tr. : hình vẽ, biểu đồ ; 24 cm. - 189000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 201-206 s612110

1386. Đỗ Thị Đông. Giáo trình Quản trị chất lượng / Ch.b.: Đỗ Thị Đông, Đặng Ngọc Sự. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 395 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 120000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Quản trị Kinh doanh. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 395 s611854

1387. Đỗ Tiến Tới. Giáo trình Quản trị chất lượng / Đỗ Tiến Tới (ch.b.), Đào Văn Tú, Bùi Thị Minh Phương. - H. : Tài chính, 2025. - 231 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 48000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Thư mục: tr. 231 s611669

1388. Ferriss, Timothy. Tuần làm việc 4 giờ : Làm việc 4 giờ/tuần thay vì 48 giờ/tuần và gia nhập nhóm New Rich / Timothy Ferriss ; Thu Hương dịch ; Phương Thảo h.đ. - In lần thứ 33. - H. : Công Thương, 2025. - 342 tr. ; 24 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The 4-hour work week s611567

1389. Forward+: Chiến lược sales và marketing trong kỷ nguyên phát triển bền vững / Trần Bằng Việt, Stephen Kreppel, Nguyễn Thị Thành Thực... - H. : Thế giới, 2025. - 253 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 219000đ. - 2000b s611717

1390. Gallo, Carmine. Bí mật của người kể chuyện = The storyteller's secret : Nghệ thuật kể chuyện của diễn giả TED và những huyền thoại kinh doanh / Carmine Gallo ; Ngô Thế Vinh dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Thế giới, 2025. - 439 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 3000b s611747

1391. Gell, Anthony. The book of leadership: Dẫn dắt bản thân, đội nhóm và tổ chức vươn xa / Anthony Gell ; Thảo Trần dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 499 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The book of leadership: How to get yourself, your team and your organisation further than you ever thought possible s612065

1392. Giáo trình Hành vi người tiêu dùng / B.s.: Vũ Huy Thông, Phạm Thị Huyền (ch.b.), Lê Thị Thu Mai... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 751 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 182000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Khoa Marketing. - Thư mục: tr. 725-747. - Phụ lục: tr. 748-751 s611856

1393. Giáo trình Kế toán khách sạn và du lịch / Phạm Thu Hương, Nguyễn Thị Phương Mai (ch.b.), Đặng Thị Huyền Hương... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 291 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 129000đ. - 820b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Ngoại thương. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 276-291 s612005

1394. Giáo trình Kế toán xuất nhập khẩu / Đào Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Thanh Loan, Lê Thành Công, Trần Thị Kim Anh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 291 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 122000đ. - 815b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Ngoại thương. - Thư mục: tr. 277-278. - Phụ lục: tr. 279-291 s612010

1395. Giáo trình Nguyên lý kế toán / B.s.: Nguyễn Thị Chinh Lam (ch.b.), Nguyễn Văn Hậu, Phạm Vũ Hà Thanh... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 241 tr. : bảng ; 24 cm. - 145000đ. - 520b

ĐTTS ghi: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. - Phụ lục: tr. 232-241. - Thư mục cuối chính văn s612009

1396. Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp / B.s.: Lê Thị Xuân (ch.b.), Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Tiến Vinh, Nguyễn Thị Đào. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh sửa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 343 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 115500đ. - 1510b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Phụ lục: tr. 295-338. - Thư mục: tr. 339 s611535

1397. Giáo trình Quản trị điều hành dự án / B.s.: Trương Tuấn Anh, Vũ Tuấn Anh (ch.b.), Lê Công Hoa... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 433 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 172000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Khoa Quản trị kinh doanh. - Thư mục cuối mỗi chương s611857

1398. Grove, Andrew S. Quản trị hiệu suất cao = High output management : Bí quyết tối ưu năng suất mọi đội nhóm / Andrew S. Grove ; Nhóm D-Institute dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Công Thương, 2025. - 352 tr. : tranh vẽ, bảng ; 21 cm. - 169000đ. - 3000b s612096

1399. Herman, Todd. Thức tỉnh bản ngã : Làm chủ tâm trí, giải phóng tiềm năng, phát triển bản thân, hạnh phúc trọn vẹn / Todd Herman ; Hoàng Trang dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 412 tr. : tranh ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The alter ego effect : The power of secret identities to transform your life s612093

1400. Hoàng Nam Tiến. 13 bài giảng của giáo Tiến về quản trị và lãnh đạo / Hoàng Nam Tiến ; Chắp bút: Mai Phương. - H. : Thế giới, 2025. - 237 tr. ; 24 cm. - 286000đ. - 5000b s611709

1401. Hoàng Phương Dung. Chất lượng và trải nghiệm khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ : Sách chuyên khảo / Hoàng Phương Dung ch.b. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 186000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Marketing. - Thư mục: tr. 204-215 s611868

1402. Inamori Kazuo. Thực học của Inamori - Quản trị và kế toán = 稲盛和夫の実学 経営と会計 / Inamori Kazuo ; Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b s611827

1403. Kế toán chi phí / Hoàng Huy Cường (ch.b.), Phạm Minh Vương, Nguyễn Bảo Châu, Nguyễn Hoàng Phi Nam. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 352 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 179000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Kế toán - Kiểm toán. - Thư mục: tr. 349-351 s612007

1404. Lyndsey Zhang. Trung Quốc quản trị doanh nghiệp như thế nào : Chiến lược sinh tồn và phát triển cho các doanh nghiệp nước ngoài tại Trung Quốc / Lyndsey Zhang ; Lam Hoàng dịch ; Nguyễn Nghĩa Long h.đ. - H. : Công Thương, 2025. - 326 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến tạo). - 290000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Understanding Chinese corporate governance. - Phụ lục: tr. 312-325 s611564

1405. Mai Văn Thường. Marketing social media - Chìa khoá thành công cho ngành dạy lái xe / Mai Văn Thường. - H. : Hồng Đức, 2025. - 319 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 489000đ. - 1000b s612069

1406. Mai Xuân Đạt. Chiến binh - Làm việc hiệu quả, nâng cao giá trị : Sống cuộc đời đáng sống trong một tổ chức xứng đáng / Mai Xuân Đạt. - H. : Công Thương, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b s612105

1407. Marketing metrics - Chỉ số đo lường trong Marketing / Paul W. Farris, Neil Bendle, Phillip Pfeifer, David Reibstein ; Hải Đình dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 520 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 239000đ s612094

1408. Ngô Hoàng Điệp. Kế toán tài chính 4 / Ngô Hoàng Điệp (ch.b.), Phạm Thị Phương Thảo. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh sửa. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 360 tr. ; 24 cm. - 186000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Kế toán - Kiểm toán. - Thư mục: tr. 360 s612006

1409. Ngô Thị Khuê Thư. Quản trị sản phẩm mới / B.s.: Ngô Thị Khuê Thư (ch.b.), Lê Phước Cửu Long. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 280 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 180000đ. - 500b

Thư mục: tr. 280 s612159

1410. Nguyễn Duy Linh. Lựa chọn, thiết kế và nuôi sống trải nghiệm khách hàng : Đúc kết 21 năm thực chiến tại các tập đoàn bán lẻ hàng đầu Việt Nam / Nguyễn Duy Linh. - H. : Thế giới, 2025. - 245 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 169000đ. - 3500b s611695

1411. Nguyễn Thị Mỹ Hiệp. Chinh phục khách hàng bằng trái tim : Bí quyết bán hàng thành công / Nguyễn Thị Mỹ Hiệp. - H. : Công Thương, 2025. - 160 tr. : ảnh ; 21 cm. - 86000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 146-151 s611571

1412. Phạm Thị Quyên. Bí kíp không để tiền rơi : 52 tuần tài chính tinh thức - Mỗi tuần một bước tiến đến lãnh đạo tự do quản trị công ty / Phạm Thị Quyên. - H. : Thế giới, 2025. - 298 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 250000đ. - 500b s611687

1413. Phùng Luân. Kiên trì để thấy lối thoát : Mọi nỗi đau trong hiện tại, sẽ chuyển hoá thành chất dinh dưỡng nuôi lớn bạn / Phùng Luân ; Hàn Lam dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 287 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 挺住才有出路 s612099

1414. Ries, Al. Định vị: Cuộc chiến giành tâm trí khách hàng = Positioning / Al Ries, Jack Trout ; Đoàn Lê Hoa dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Công Thương, 2025. - 359 tr. ; 19x21 cm. - 199000đ. - 3000b s612112

1415. Scott, David Meerman. Viral 24/7: Những nguyên tắc mới của tiếp thị & PR / David Meerman Scott ; Dịch: Thiên Kim, Thanh Trâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 451 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 215000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The new rules of marketing and PR s611804

1416. Thompson, Simon. Khi bạn tắc đường thì tôi đang chơi golf : Bí quyết thành công trong kinh doanh theo mạng / Simon Thompson ; Gia Linh dịch. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 295 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: While you're in a traffic jam. I'm playing golf s611851

1417. Toan Tran. Quản trị công ty hiện đại - 99 bài học truyền cảm hứng cho hội đồng quản trị và ban điều hành cấp cao = New corporate governance - 99 inspiring lessons for boards and senior management / Toan Tran, Trung Đình. - H. : Công Thương, 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 275000đ. - 1000b s612101

1418. Vương Ni. 3 giờ làm hết việc một ngày : Phong cách làm việc của người thành công / Vương Ni ; Bảo Nhung dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 175 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 80000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 一看就懂! 3 小時完成一天工作 s612083

KỸ THUẬT HOÁ HỌC

1419. Nguyễn Trung Trực. Giáo trình Thống kê phép thí nghiệm trong công nghệ thực phẩm / Nguyễn Trung Trực (ch.b.), Lâm Hoà Hưng, Huỳnh Thị Phương Thảo. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 272 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 365000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long. - Thư mục: tr. 239-240. - Phụ lục: tr. 241-266 s611601

1420. Phan Thị Thanh Quế. Giáo trình Bao bì thực phẩm / Phan Thị Thanh Quế (ch.b.), Tống Thị Ánh Ngọc, Hà Thị Thuý Vy. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 289 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 97000đ. - 500b

Thư mục: tr. 237-260. - Phụ lục: tr. 261-289 s611849

1421. Sổ tay Quy trình và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm trong chế biến dong riềng và nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững / Nguyễn Hùng Cường (ch.b.), Nguyễn Quang Dũng, Phạm Thu Hiền... - H. : Thế giới, 2025. - 45 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp. - Thư mục: tr. 42-45 s611686

SẢN XUẤT CHUYÊN DỤNG

1422. France, Anatole. Sổ tay Người chơi sách = Le livre du bibliophile / Anatole France ; Trần Trọng Cát Tường dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - xxiv, 63 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 59-62 s611610

1423. Nguyễn Thị Phương Lan. Văn hoá tổ chức và hiệu quả kiểm soát nội bộ / Ch.b.: Nguyễn Thị Phương Lan, Phạm Thanh Vân. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 164 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. - Thư mục: tr. 157-161 s611586

NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

1424. Bài tập Âm nhạc 6 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hào (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 64000b s612458

1425. Bài tập Âm nhạc 7 / Hoàng Long, Vũ Mai Lan (ch.b.), Đỗ Thị Minh Chính... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 57549b s612451

1426. Bài tập Âm nhạc 7 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (ch.b.), Lương Diệu Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 40000b s612459

1427. Bài tập Âm nhạc 8 / Hoàng Long, Vũ Mai Lan (ch.b.), Bùi Minh Hoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 61049b s612452

1428. Bài tập Âm nhạc 8 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (ch.b.), Lương Diệu Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 30000b s612460

1429. Bài tập Âm nhạc 9 / Hoàng Long (ch.b.), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 41049b s612453

1430. Bài tập Mỹ thuật 7 / Nguyễn Thị May (ch.b.), Hoàng Minh Phúc, Trần Đoàn Thanh Ngọc... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 12000đ. - 26000b s612443

1431. Bài tập Mỹ thuật 8 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Đoàn Thị Mỹ Hương, Trương Triều Dương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 24000b s612447

1432. Bài tập Mỹ thuật 8 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Nguyễn Dương Hải Đăng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 9000đ. - 29000b s612439

1433. Bài tập Mỹ thuật 9 / Nguyễn Thị May (ch.b.), Hoàng Minh Phúc, Nguyễn Văn Bình... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 12000đ. - 2000b s612444

1434. Bé tô màu - Dino award / Abbooks. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s612870

1435. Em tập tô màu - Chủ đề Đồ dùng gia đình / Chính Bình. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s612869

1436. Giáo trình Âm nhạc : Dành cho sinh viên Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao / B.s.: Nguyễn Văn Hoàng (ch.b.), Nguyễn Anh Tuấn, Lê Duy Linh... - Tái bản có bổ sung. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục: tr. 135 s611492

1437. Giáo trình Giáo dục nghệ thuật / Nguyễn Thị Thanh Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Linh Thảo, Phạm Hồng Ngân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. ; 24 cm. - 41000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 83 s612154

1438. Hát Tú si Na Miếu dân tộc Mông Đen, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn / Trịnh Thị Khén, Trịnh Thị Ninh, Dương Văn Ngoan, Đỗ Trí Tú. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 298 tr. ; 21 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Lạng Sơn. - Thư mục: tr. 293-294 s611978

1439. Ida Chiaki. Nơi trú ẩn bình yên / Ida Chiaki ; Chi Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 71 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 89000đ. - 2000b s612091

1440. Lê Nguyên Đạt. Nghệ thuật cải lương Nam Bộ : Sách chuyên khảo / Lê Nguyên Đạt. - H. : Sân khấu, 2025. - 321 tr. : ảnh ; 24 cm. - 300000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 309-316 s611549

1441. Nguyễn Văn Chung. Viết tiếp câu chuyện hoà bình / Nguyễn Văn Chung. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 151 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 250000đ. - 5000b s611628

THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

1442. Cẩm nang Caddie : Mô tả công việc Caddie áp dụng tiêu chuẩn NCS / Kim Dae Jung, Lee Dong Kyu (ch.b.), Park Gyu... ; Phạm Ngọc Loan dịch. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 468 tr. : ảnh ; 24 cm. - 860000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 캐디가 알아야 할 모든 것 s612013

1443. Giáo trình Bóng bàn : Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao / B.s.: Tô Tiến Thành, Trần Văn Cường (ch.b.), Nguyễn Khắc Dược... - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 275 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s611494

1444. Giáo trình Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất : Dùng cho sinh viên đại học và sau đại học Thể dục thể thao / B.s.: Bùi Quang Hải, Nguyễn Duy Quyết, Nguyễn Mạnh Toàn (ch.b.)... - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 639 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục: tr. 638-639 s611499

1445. Giáo trình Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao : Dùng cho sinh viên đại học và sau đại học Thể dục thể thao / B.s.: Bùi Quang Hải, Nguyễn Duy Quyết, Nguyễn Mạnh Toàn (ch.b.)... - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 392 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s611491

1446. Giáo trình Quản lý thể dục thể thao : Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm thể dục thể thao / B.s.: Phạm Duy Quyết (ch.b.), Hướng Xuân Nguyên, Phùng Xuân Dũng... - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 359 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s611498

1447. Giáo trình Quần vợt : Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội / B.s.: Hướng Xuân Nguyên, Nguyễn Thành Hưng (ch.b.), Phùng Xuân Dũng... - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 284 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s611495

1448. Kim Dae Jung. Lược sử nghề Caddie / Kim Dae Jung ; Đặng Thuỳ Trang dịch. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 197 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 500000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 캐디학 개론 s612012

1449. Shenk, David. Ván cờ bắt từ : 32 quân cờ đã soi sáng hiểu biết của chúng ta về chiến tranh, nghệ thuật, khoa học và não bộ như thế nào / David Shenk ; Nguyễn Tuấn Linh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 391 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The immortal game: A history of chess. - Phụ lục: tr. 313-360
s611563

1450. Võ Văn Đăng. Giáo trình Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục thể chất : Dùng cho đào tạo đại học ngành Giáo dục thể chất / Võ Văn Đăng (ch.b.), Đậu Thị Bình Hương. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 215 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 88000đ. - 250b
Thư mục: tr. 214-215 s611484

VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

1451. Aciman, André. Gọi em bằng tên anh = Call me by your name : Tiểu thuyết / André Aciman ; Nhật Khoa dịch. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 315 tr. ; 20 cm. - 115000đ. - 1500b s611825

1452. Ai làm vỡ lọ mật ong? : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Ngô Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Bé rèn luyện kỹ năng sống - Tính trung thực). - 10000đ. - 1500b s612514

1453. Astro boy Atom - Cậu bé tay sắt : Truyện tranh / Tezuka Osamu ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 445 tr. : tranh vẽ s611380

1454. Astro boy Atom - Cậu bé tay sắt : Truyện tranh / Tezuka Osamu ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b
T.3. - 2025. - 472 tr. : tranh vẽ s611381

1455. Backman, Fredrik. Bà ngoại tôi gửi lời xin lỗi = My grandmother sends her regards and apologises : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 512 tr. ; 20 cm. - 190000đ. - 1500b s611832

1456. Backman, Fredrik. Beartown - Thị trấn nhỏ, giấc mơ lớn : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 603 tr. ; 20 cm. - 210000đ. - 2000b s611831

1457. Backman, Fredrik. Người đàn ông mang tên Ove = A man called Ove : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 20. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 447 tr. ; 20 cm. - 160000đ. - 5000b s611830

1458. Bài tập Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 255249b
T.2. - 2025. - 88 tr. : bìa, tranh vẽ s612360

1459. Bài tập Ngữ văn 6 / Nguyễn Thị Hồng Nam (ch.b.), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 116000b
T.2. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s612370

1460. Bài tập Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Nguyễn Thị Mai Liên... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 217160b
T.1. - 2025. - 116 tr. : bìa s612361

1461. Bài tập Ngữ văn 7 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 80000b

- T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612371
1462. Bài tập Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 221449b
- T.2. - 2025. - 103 tr. : minh hoạ s612362
1463. Bài tập Ngữ văn 7 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 80000b
- T.2. - 2025. - 88 tr. : ảnh, bảng s612372
1464. Bài tập Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 228945b
- T.1. - 2025. - 95 tr. : bảng s612363
1465. Bài tập Ngữ văn 8 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 71000b
- T.1. - 2025. - 84 tr. : minh hoạ s612373
1466. Bài tập Ngữ văn 8 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 71000b
- T.2. - 2025. - 80 tr. : bảng s612374
1467. Bài tập Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 182449b
- T.1. - 2025. - 95 tr. : bảng s612364
1468. Bài tập Ngữ văn 9 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 58000b
- T.2. - 2025. - 108 tr. : ảnh, bảng s612375
1469. Bài tập Ngữ văn 9 - Cơ bản và nâng cao : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thị Ngọc Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 48000đ. - 1500b
- T.1. - 2025. - 131 tr. : bảng s612353
1470. Bài tập Ngữ văn 9 - Cơ bản và nâng cao : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thị Ngọc Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 48000đ. - 1500b
- T.2. - 2025. - 127 tr. : bảng s612354
1471. Bài tập Ngữ văn 10 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 10000b
- T.1. - 2025. - 104 tr. : minh hoạ s612376
1472. Bài tập Ngữ văn 10 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 11000b
- T.2. - 2025. - 72 tr. : bảng s612377

1473. Bài tập Ngữ văn 11 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s612378

1474. Bài tập Ngữ văn 11 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Đoàn Lê Giang... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 84 tr. : bảng s612379

1475. Bài tập Ngữ văn 12 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 21000đ. - 4000b

T.1. - 2025. - 112 tr. : bảng s612380

1476. Bài tập Ngữ văn 12 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 41369b

T.1. - 2025. - 95 tr. s612365

1477. Bài tập Ngữ văn 12 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 84 tr. : bảng s612381

1478. Bạn cừu đặc biệt : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Nguyễn Trà My. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Bé rèn luyện kỹ năng sống - Yêu quý bản thân). - 10000đ. - 1500b s612516

1479. Bạn gà chăm chỉ : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Nguyễn Sỹ Tấu. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Bé rèn luyện kỹ năng sống - Yêu lao động). - 10000đ. - 1500b s612517

1480. Bạn Pokopoko - Làm sinh tố trái cây : Truyện tranh : 0+ / Sakai Sachie ; Phạm Quỳnh Anh dịch ; H.đ.: Tống Linh, Tazaki Hirono. - H. : Thế giới, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 55000đ. - 5000b s611733

1481. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 4500b

T.5. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611394

1482. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 4500b

T.6. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611395

1483. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 4545000đ. - 404500b

T.7. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611396

1484. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 4500b

T.8. - 2025. - 220 tr. : tranh vẽ s611397

1485. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 3800b

T.9. - 2025. - 228 tr. : tranh vẽ s611398

1486. Bảo Ninh. Nỗi buồn chiến tranh : Tiểu thuyết / Bảo Ninh. - In lần thứ 27. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 347 tr. ; 20 cm. - 130000đ. - 3000b
 Tên thật tác giả: Hoàng Ấu Phương s611824
1487. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.3: Đại hội võ thuật khởi tranh!. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611371
1488. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.16: Kì phùng địch thủ. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s611372
1489. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.27: Siêu Saiya, chiến binh huyền thoại. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s611373
1490. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.34: Người kế thừa của Goku. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611374
1491. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.41: Cổ lên siêu Gotenks!. - 2025. - 237 tr. : tranh vẽ s611375
1492. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 7000b
 T.6: Ngày 26 tháng 8. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s611305
1493. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 7000b
 T.7: Biết rõ. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611306
1494. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 7000b
 T.8: Đến khi hoa nở. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s611307
1495. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 6000b
 T.9: Mình biết. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611308
1496. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
 T.1. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s611408
1497. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
 T.2. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s611409
1498. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
 T.3. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611410
1499. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

- T.4. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611411
1500. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.5. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611412
1501. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.6. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611413
1502. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.7. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611414
1503. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.8. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611415
1504. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.9. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611416
1505. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.10. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611417
1506. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.11. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611418
1507. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.12. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611419
1508. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.13. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611420
1509. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.14. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611421
1510. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.15. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s611422

1511. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.16. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611423

1512. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.17. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611424

1513. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.18. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611425

1514. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.19. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611426

1515. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.20. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611427

1516. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.21. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611428

1517. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.22. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611429

1518. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.23. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611430

1519. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.24. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611431

1520. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.25. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611432

1521. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.26. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611433

1522. Bóng ma mùa hạ = Summer Ghost : Truyện tranh : Dành cho tuổi 17+ / Minh họa: Yoshi Inomi ; Kịch bản gốc: Loundraw ; Kịch bản phim: Hirotaka Adachi ; Tatsuhiko dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b
T.1. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611390
1523. Bóng ma mùa hạ = Summer Ghost : Truyện tranh : Dành cho tuổi 17+ / Minh họa: Yoshi Inomi ; Kịch bản gốc: Loundraw ; Kịch bản phim: Hirotaka Adachi ; Tatsuhiko dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b
T.2. - 2025. - 202 tr. : tranh vẽ s611391
1524. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Ngữ văn 6 / Lê Thị Minh Nguyệt (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Nguyễn Thế Hưng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 131 tr. ; 24 cm. - 55000đ. - 5000b s612355
1525. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Ngữ văn 8 / Lê Thị Minh Nguyệt (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Nguyễn Thế Hưng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 127 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s612356
1526. Bông hoa cô đơn : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 6+ / Cúc Cu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Bánh ngọt cho tâm hồn). - 25000đ. - 2000b s611799
1527. Cá voi : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Anna Brett ; Tranh: Carmen Saldana ; Xuân Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Một ngày của gia đình tớ). - 48000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Little whale s612507
1528. Cái tên của cáo nhỏ : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời, tranh: Quentin Gréban ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tớ thấy... Bạn thấy... Những góc nhìn khác). - 35000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Pháp: Petit indien s612529
1529. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.0. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611180
1530. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s611181
1531. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611182
1532. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611183
1533. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.4. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611184
1534. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.5. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s611185
1535. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b

- T.6. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611186
1536. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.7. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611187
1537. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.8. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611188
1538. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.9. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611189
1539. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.10. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611190
1540. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.11. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611191
1541. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.12. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611192
1542. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.13. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611193
1543. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.14. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611194
1544. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.15. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611195
1545. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.16. - 2024. - 176 tr. : tranh vẽ s611196
1546. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.17. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s611197
1547. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.18. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611198
1548. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.19. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611199
1549. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.20. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611200

1550. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.21. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611201
1551. "Cậu" ma nhà xí Hanako sau giờ học : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 160 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 35000đ. - 3000b s611203
1552. "Cậu" ma nhà xí Hanako sau giờ học : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 158 tr. : tranh vẽ s611202
1553. Cecilia & Lawrence : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hazano Kazutake ; Miếu Mạn dịch. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 40000đ. - 4000b
T.13. - 2025. - 136 tr. : tranh vẽ s611231
1554. Chiều Xuân. Nơi tớ thích nhất trong nhà / Chiều Xuân ; Minh hoạ: Rán Art. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Một nhà hạnh phúc). - 89000đ. - 2000b s611906
1555. Chiều Xuân. Sau lưng bố / Chiều Xuân ; Minh hoạ: Rán Art. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Một nhà hạnh phúc). - 89000đ. - 2000b s611908
1556. Chiều Xuân. Tớ giống ai nhất? / Chiều Xuân ; Minh hoạ: Rán Art. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Một nhà hạnh phúc). - 89000đ. - 2000b s611907
1557. Chiều Xuân. Trong mắt mẹ / Chiều Xuân ; Minh hoạ: Rán Art. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Một nhà hạnh phúc). - 89000đ. - 2000b s611905
1558. Christie, Agatha. Án mạng giữa không trung = Death in the clouds / Agatha Christie ; Xuân Thư dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 298 tr. ; 20 cm. - 125000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s611829
1559. Christie, Agatha. Bí ẩn thám án ở Styles = The mysterious affair at Styles / Agatha Christie ; Như Đàm dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 279 tr. ; 20 cm. - 122000đ. - 1500b s611828
1560. Chu Sĩ Liên. Sông Gâm mê mải đôi bờ : Tập thơ - bút ký / Chu Sĩ Liên. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 134 tr. ; 20 cm. - 300b
Bút danh tác giả: Chu Sĩ Liên, Chu Hà, Vĩnh Bằng s611592
1561. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.2: Chú thai đối thiên. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611298
1562. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.4: Ta sẽ diệt trừ ngươi. - 2025. - 197 tr. : tranh vẽ s611299
1563. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.14: Biến cố Shibuya - Đúng sai. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611300
1564. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.15: Biến cố Shibuya - Biến thân. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s611301

1565. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.22: Kết giới Sakurajima - Chuyển sinh. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s611302
1566. Chú thuật hồi chiến - Trường chuyên chú thuật Tokyo : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.0: Bóng đêm rực rỡ. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s611297
1567. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Tanpopo Team dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 161 tr. : tranh vẽ s611204
1568. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Tanpopo Team dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.7. - 2025. - 141 tr. : tranh vẽ s611205
1569. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.9. - 2025. - 141 tr. : tranh vẽ s611206
1570. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.10. - 2025. - 141 tr. : tranh vẽ s611207
1571. Chuột nhỏ mê đọc sách : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Karine-Marie Amiot ; Tranh: Julie Mellan ; Trần Tuyết Phượng dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Nghe bà kể chuyện). - 25000đ. - 3000b s612519
1572. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 164385b s612672
1573. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 / Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Lê Thị Ngọc Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14300đ. - 109000b s612678
1574. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Hạnh Mai... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 151522b s612673
1575. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Trần Lê Duy, Đoàn Lê Giang... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 95000b s612679
1576. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 158151b s612621
1577. Chuyện của nhím con : Truyện tranh : 3+ / Lời: Sachi Kokaze ; Tranh: Akane Nishihira ; Na Nà Nà Na dịch ; H.đ.: Duy Hạnh... - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 52000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: The tale of a little hedgehog s611780

1578. Cồng nhà trên lưng : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Karine-Marie Amiot ; Tranh: Julie Mellan ; Trần Tuyết Phượng dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Nghe bà kể chuyện). - 25000đ. - 3000b s612520
1579. Cờ Thị Thơm. Trong gió heo may : Tập truyện ngắn / Cờ Thị Thơm. - H. : Hồng Đức, 2025. - 214 tr. ; 21 cm. - 96000đ. - 2000b s612041
1580. Củ cải trắng : Tranh truyện thiếu nhi = The white radish : Children's comics / Thủy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s611894
1581. Cún nhỏ nói dối sẽ bị ăn thịt : Truyện tranh : 18+ / Px ; Sơn Tử dịch. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 169000đ. - 3000b
- Tên sách tiếng Trung: 说谎的小狗会被吃掉的
T.2. - 2025. - 199 tr. : tranh màu s611700
1582. Cùng chia sẻ nhé! : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Manisa Palakawong ; Tranh: Plan For Kids ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Khủng long nhỏ bỏ thói quen xấu). - 24500đ. - 3000b s612039
1583. Cừu con biết giúp bạn : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Karine-Marie Amiot ; Tranh: Julie Mellan ; Trần Tuyết Phượng dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Nghe ông kể chuyện). - 32000đ. - 3000b s612523
1584. Dạ Hi. Dấu thể gian khắc nghiệt, vẫn mong em dịu dàng / Dạ Hi. - H. : Tài chính, 2025. - 245 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 1500b s611661
1585. Dàn bài làm Văn 9 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Phương Liên. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 116 tr. ; 24 cm. - 58000đ. - 2000b s611632
1586. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.7. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611114
1587. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.15. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611115
1588. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 16000b
- T.23. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611116
1589. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 16000b
- T.24. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611117
1590. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15500b
- T.25. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611118
1591. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15500b
- T.26. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611119
1592. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
- T.27. - 2025. - 216 tr. : tranh vẽ s611120

1593. Doraemon học tập : Cách giải toán nhanh : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Nichinouken, Hiroshi Murata. - H. : Kim Đồng, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611088

1594. Doraemon học tập : Cộng - Trừ : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Kanjiro Kobayashi, Yusuke Isoho. - H. : Kim Đồng, 2025. - 223 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611089

1595. Doraemon học tập : Cùng làm hoạ sĩ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Yasunori Okada. - H. : Kim Đồng, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611084

1596. Doraemon học tập : Diện tích - Thể tích : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Kanjiro Kobayashi, Kenji Takaya. - H. : Kim Đồng, 2025. - 223 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611087

1597. Doraemon học tập : Hình khối : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Kanjiro Kobayashi, Hideo Shinoda, Hiroshi Murata. - H. : Kim Đồng, 2025. - 223 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611086

1598. Doraemon học tập : Nhân - Chia : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Kanjiro Kobayashi, Yukihiro Mitani. - H. : Kim Đồng, 2025. - 223 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611090

1599. Doraemon học tập : Những bài toán thường gặp : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Nichinouken, Hiroshi Murata. - H. : Kim Đồng, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611085

1600. Doraemon học tập : Những thí nghiệm thú vị : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Nichinouken, Hiroshi Murata. - H. : Kim Đồng, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611082

1601. Doraemon học tập : Phân số - Số thập phân : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Kanjiro Kobayashi, Yukihiro Mitani. - H. : Kim Đồng, 2025. - 223 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611083

1602. Doraemon học tập : Thiên thể : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Nichinouken, Hiroshi Murata. - H. : Kim Đồng, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b s611081

1603. Doraemon học tập : Các dạng toán nâng cao : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Kanjiro Kobayashi, Yukihiro Mitani. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b

Q.1. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s611091

1604. Doraemon học tập : Các dạng toán nâng cao : Phiên bản mới : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Kanjiro Kobayashi, Yukihiro Mitani. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tủ sách Học vui). - 45000đ. - 2000b

Q.2. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s611092

1605. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.1: Thế giới đá. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611144

1606. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.2: Hai vương quốc thế giới đá. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611145

1607. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.3: Nơi nào đó sau 2 triệu năm. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611146
1608. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.4: Phòng thí nghiệm của Senku. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611147
1609. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.5: Câu chuyện ngàn năm. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611148
1610. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.6: Chiến tranh thế giới đá. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611149
1611. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.7: Thanh âm vọng đến miền vô hại. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611150
1612. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.8: Đường dây nóng. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611151
1613. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.9: Trận chiến cuối cùng. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611152
1614. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.10: Đôi cánh của nhân loại. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611153
1615. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.11: Tiếp xúc đầu tiên. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611154
1616. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.12: Bí mật hoá đá. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611155
1617. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.13: Chiến tranh khoa học. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611156
1618. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.14: Bộ mặt thật của Medusa. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611157
1619. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.15: Vũ khí mạnh nhất. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611158
1620. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.16: Medusa vs khoa học. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611159
1621. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki
; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

- T.17: Những người tiên phong của Trái Đất. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611160
1622. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.18: Khoa học tạo nhũ. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611161
1623. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.19: Thành phố ngổ 1 triệu dân. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611162
1624. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.20: Cơ chế của Medusa. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611163
1625. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.21: Thánh địa đá. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611164
1626. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.22: Thế giới đá của chúng ta. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611165
1627. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.23: Động cơ của tương lai. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611166
1628. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.24: Từ thế giới đá vươn ra Vũ trụ. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611167
1629. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.25: 0. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611168
1630. Dr. Stone : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Riichiro Inagaki ; Minh hoạ: Boichi ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.26: Tương lai đầy hứng khởi. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611169
1631. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.2: Vũ trụ nào chiến thắng. - 2025. - 210 tr. : tranh vẽ s611376
1632. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.12: Thân phận thực sự của Merus. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s611377
1633. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.16: Chiến binh mạnh nhất vũ trụ. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s611378
1634. Dragon quest - Cuộc phiêu lưu của dũng sĩ Dai = Dragon quest - The adventure of Dai : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Riku Sanjo ; Minh hoạ: Koji Inada ; Ningning dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 69000đ. - 6000b
- T.7: Kị sĩ Rồng II. - 2025. - 264 tr. : tranh vẽ s611379

1635. Dragon quest - Dấu ấn Roto = Dragon quest Saga - Emblem of Roto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Kamui Fujiwara, Chiaki Kawamata, Junji Koyanagi ; Ningning dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 75000đ. - 1500b
T.11. - 2025. - 267 tr. : tranh vẽ s611093
1636. Dragon quest - Dấu ấn Roto = Dragon quest Saga - Emblem of Roto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Kamui Fujiwara, Chiaki Kawamata, Junji Koyanagi ; Ningning dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 75000đ. - 1500b
T.12. - 2025. - 256 tr. : tranh vẽ s611094
1637. Dragon quest - Dấu ấn Roto = Dragon quest Saga - Emblem of Roto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Kamui Fujiwara, Chiaki Kawamata, Junji Koyanagi ; Ningning dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 75000đ. - 1500b
T.13. - 2025. - 244 tr. : tranh vẽ s611095
1638. Đạm Yên Sở Vũ. Văn hương quy lộ / Đạm Yên Sở Vũ. - H. : Thế giới, 2025. - 391 tr. ; 21 cm. - 290000đ. - 1000b s611699
1639. Đàn chị hay xấu hổ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Makoto Kudo ; Tsubaky dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 3500b
T.4. - 2025. - 138 tr. : tranh vẽ s611404
1640. Đàn chị hay xấu hổ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Makoto Kudo ; Tsubaky dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 3500b
T.5. - 2025. - 139 tr. : tranh vẽ s611405
1641. Đàn chị hay xấu hổ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Makoto Kudo ; Tsubaky dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 3100b
T.6. - 2025. - 140 tr. : tranh vẽ s611406
1642. Đàn chị hay xấu hổ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Makoto Kudo ; Tsubaky dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 3100b
T.7. - 2025. - 144 tr. : tranh vẽ s611407
1643. Đặng Ngọc Hùng. Văn Việt: Cửa tin lần giờ : Tiểu luận, phê bình / Đặng Ngọc Hùng. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 154 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 300b s611613
1644. Đề viết tốt đoạn văn, bài văn nghị luận lớp 6 / Nguyễn Đăng Điệp (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Đặng Đức Anh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s612711
1645. Đề viết tốt đoạn văn, bài văn nghị luận lớp 7 / Nguyễn Đăng Điệp (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Đặng Đức Anh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s612712
1646. Đề viết tốt đoạn văn, bài văn nghị luận lớp 8 / Nguyễn Đăng Điệp (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Đặng Đức Anh, Chu Minh Anh Thơ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s612713
1647. Đề viết tốt đoạn văn, bài văn nghị luận lớp 9 / Nguyễn Đăng Điệp (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Nguyễn Thế Hưng, Chu Minh Anh Thơ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s612714
1648. Đoàn Kim Vân. Kính vạn xuân : Tuyển tập 500 bài tứ tuyệt (1955 - 2025) : Thơ = Kaleidoscope - Kaléidoscope - Калейдоскоп : Poetry - Poésie - Поэзия / Đoàn Kim Vân, Nguyễn Duy Yên. - H. : Hồng Đức, 2025. - 729 tr. : ảnh ; 21 cm. - 386000đ. - 1000b s612066

1649. Đoàn Tuấn. Những ngọn khói bên đường : Bút ký chiến trường K / Đoàn Tuấn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 283 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s611805
1650. Đôi bạn : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Laurence Bourguignon ; Tranh: Laurent Simon ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tớ thấy... Bạn thấy... Những góc nhìn khác). - 35000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Pháp: Vieil éléphant s612526
1651. Đôi Xuân Việt. Lạc lối đến thiên đường : Tiểu thuyết / Đôi Xuân Việt. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 208 tr. ; 21 cm. - 140000đ. - 500b s611576
1652. Em bé và tôi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Marimo Ragawa ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 75000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 354 tr. : tranh vẽ s611399
1653. Em đến cùng mưa = With you and the rain : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Ko Nikaido ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 4000b
T.1. - 2025. - 124 tr. : tranh vẽ s611232
1654. Gà con tự xoay xở : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Ngô Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Bé rèn luyện kỹ năng sống - Hợp tác vui vẻ). - 10000đ. - 1500b s612518
1655. Gaia - Con gái của Mẹ Thiên Nhiên : Truyện tranh / Sunshine Village Academy. - H. : Công Thương, 2025. - 44 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 69000đ. - 1000b s612104
1656. Gặp ma : Truyện tranh / Quách Tư Đặc ; Vũ Đức Hiếu dịch. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 159000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 见鬼
T.1. - 2025. - 170 tr. : tranh màu s611698
1657. Gấu không thích "bình thường" : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Christian Merveille ; Tranh: Laurent Simon ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tớ thấy... Bạn thấy... Những góc nhìn khác). - 35000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Pháp: Un ours sans histoire s612525
1658. Giáo trình Kỹ năng viết tin tiếng Anh = English news writing / Nguyễn Thị Việt Nga (ch.b.), Phạm Thị Hà, Đỗ Quang Khang... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 202 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Báo chí và Tuyên truyền. - Thư mục: tr. 194-198 s612027
1659. Giáo trình Xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn / Phạm Thị Thu Hương (ch.b.), Đoàn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thế Hưng... - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 335 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 330-332 s611636
1660. Giống nhau nhỉ!? : Truyện tranh : 3+ / Gomi Taro ; Dịch: Lê Hiền, Linh Trữ ; Tống Linh h.đ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 55000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Resemblance between a horse and a chair s611782
1661. Gutman, Dan. Cô dạy thay hay cười : Dành cho trẻ 6 - 12 tuổi / Dan Gutman ; Minh hoạ: Jim Paillot ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Trường học kì lạ). - 45000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Ms. Todd is odd! s612115

1662. Gutman, Dan. Cô thể dục lạ thường : Dành cho trẻ 6 - 12 tuổi / Dan Gutman ; Minh hoạ: Jim Paillot ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Trường học kì lạ). - 45000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: Miss Small is off the wall! s612116
1663. Gutman, Dan. Cuộc thi kì dị : Dành cho trẻ 6 - 12 tuổi / Dan Gutman ; Minh hoạ: Jim Paillot ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Trường học kì lạ). - 55000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: Miss Brown is upside down! s612117
1664. Gutman, Dan. Kì nghỉ hè khó quên : Dành cho trẻ 6 - 12 tuổi / Dan Gutman ; Jim Paillot minh hoạ ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Trường học kì lạ). - 59000đ. - 3000b s612113
1665. Gutman, Dan. Ngày bế giảng đáng nhớ : Dành cho trẻ 6 - 12 tuổi / Dan Gutman ; Minh hoạ: Jim Paillot ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Trường học kì lạ). - 55000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: Mrs. Dole is out of control! s612114
1666. Hạ Chi. Người viết tiến - thoái cùng AI / Hạ Chi. - H. : Thế giới, 2025. - 220 tr. ; 21 cm. - 112000đ. - 1500b
 Tên thật tác giả: Trang Nguyễn. - Phụ lục: tr. 207-209. - Thư mục: 218-220 s611679
1667. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
 T.1: Hinata và Kageyama. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s611386
1668. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
 T.2: Tầm nhìn từ đỉnh cao. - 2025. - 201 tr. : tranh vẽ s611387
1669. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
 T.43: Trùm cuối. - 2025. - 202 tr. : tranh vẽ s611212
1670. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
 T.44: Đồi thủ mạnh nhất. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s611388
1671. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
 T.45: Những kẻ thách đấu. - 2025. - 220 tr. : tranh vẽ s611389
1672. Hannah, Kristin. Nữ nhân : Tiểu thuyết / Kristin Hannah ; Nguyễn Việt Hải dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 547 tr. ; 24 cm. - 386000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: The women s611617
1673. Higashino Keigo. Rượu độc / Higashino Keigo ; Rei dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 395 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b s611878
1674. Hoa niên năm ấy : Tuyển tập tản văn / Kiều Duy Khánh, Cỏ Phong Sương, Thanh Tuấn... ; Ưông Triều tuyển chọn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 126000đ. - 500b s612137
1675. Hoàng Hương. Sáo Sậu : Tiểu thuyết / Hoàng Hương. - H. : Hồng Đức, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b
 Bút danh tác giả: Hoàng Mạc Ninh s612035

1676. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.1: Midoriya Izuku: Khởi đầu. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611362
1677. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.9: Người hùng của tôi. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s611363
1678. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.14: Overhaul. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s611364
1679. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.25: Shigaraki Tomura: Khởi đầu. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s611366
1680. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.29: Bakugo Katsuki: Trỗi dậy. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s611365
1681. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.31: Midoriya Izuku và Yagi Toshinori. - 2025. - 210 tr. : tranh vẽ s611367
1682. Hôn nhân hạnh phúc của tôi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Akumi Agitogi ; Tranh: Rito Kohsaka ; Lady Nana dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 5000b
T.5. - 2025. - 230 tr. : tranh vẽ s611213
1683. Huyết quỷ hỗn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5200b
T.1. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611171
1684. Huyết quỷ hỗn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5200b
T.2. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611172
1685. Huyết quỷ hỗn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5200b
T.3. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611170
1686. Huyết quỷ hỗn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5200b
T.4. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611173
1687. Huyết quỷ hỗn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 4500b
T.5. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611174
1688. Hyuganatsu. Dược sư tự sự : Dành cho lứa tuổi 18+ / Hyuganatsu ; Minh hoạ: Touko Shino ; Hoàng Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 110000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 406 tr. : tranh vẽ s611400
1689. Hyuganatsu. Dược sư tự sự : Dành cho lứa tuổi 18+ / Hyuganatsu ; Minh hoạ: Touko Shino ; Hoàng Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 110000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 426 tr. : tranh vẽ s611401

1690. Hyuganatsu. Được sự tự sự : Dành cho lứa tuổi 18+ / Hyuganatsu ; Minh họa: Touko Shino ; Hoàng Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 125000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 494 tr. : tranh vẽ s611402
1691. Ida Chiaki. Cửa tiệm trong mơ : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Ida Chiaki ; Chi Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 72 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 89000đ. - 2000b s612090
1692. Kawabata Yasunari. Xứ tuyết / Kawabata Yasunari ; Lam Anh dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 178 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 1000b s612052
1693. Khỉ và Cá Sấu : Tranh truyện thiếu nhi = The monkey and the crocodile : Children's comics / Thuỳ Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s611895
1694. Không nên khoe khoang đâu! : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Manisa Palakawong ; Tranh: Plan For Kids ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Khủng long nhỏ bỏ thói quen xấu). - 24500đ. - 3000b s611892
1695. Khung Cửa và chị Mưa : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 6+ / Cúc Cu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Bánh ngọt cho tâm hồn). - 25000đ. - 2000b s611798
1696. Kiến và chim Bò Câu : Tranh truyện thiếu nhi = The ant and the dove : Children's comics / Thuỳ Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s611891
1697. Klune, T. J. Dưới cánh cửa thầm thì / T. J. Klune ; Jack Frogg dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 659 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Under the whispering door. - Tên thật tác giả: Travis John Klune s611764
1698. Làm việc từ xa, yêu nhà hàng xóm : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Kintetsu Yamada ; Dương Dương dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 45000đ. - 2000b s611230
1699. Lê Thanh Nga. Trong mắt một người : Nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật / Lê Thanh Nga. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 267 tr. ; 24 cm. - 280000đ. - 300b s611490
1700. Lê Thiết Cương. Tiếng chợ : Tản văn / Lê Thiết Cương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 204 tr. : ảnh ; 20 cm. - 98000đ. - 1000b s611786
1701. Lê Tuấn Lộc. Còn trong mắt tôi : Ký và tùy bút / Lê Tuấn Lộc. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 200 tr. ; 21 cm. - 79000đ. - 887b s611869
1702. Lời hứa Lọ Lem = Promise Cinderella : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Oreco Tachibana ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
T.16. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611438
1703. Magic Kaito : Treasured edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Gosho Aoyama ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611439
1704. Magic Kaito : Treasured edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Gosho Aoyama ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 198 tr. : tranh vẽ s611440
1705. Magic Kaito : Treasured edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Gosho Aoyama ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

- T.3. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s611441
1706. Magic Kaito : Treasured edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Gosho Aoyama ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 16 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.4. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611442
1707. Magic Kaito : Treasured edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Gosho Aoyama ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
- T.5. - 2025. - 181 tr. : tranh vẽ s611443
1708. Mandino, Og. Người bán hàng vĩ đại nhất thế giới : Những phương sách để đạt việc lớn / Og Mandino ; Trần Đình Tuấn biên dịch. - Tái bản lần thứ 10. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 344 tr. : bìa, tranh vẽ ; 21 cm. - 110000đ. - 1000b s611473
1709. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.1: Mash Burnedead và cơ bắp được khổ luyện. - 2025. - 212 tr. : tranh vẽ s611214
1710. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.2: Mash Burnedead và pháp thuật sắt. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s611215
1711. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.3: Mash Burnedead và pháp sư mặt nạ. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611216
1712. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.4: Mash Burnedead và quy luật sinh tồn. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s611217
1713. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.5: Mash Burnedead và gương thần. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s611218
1714. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.6: Finn Ames và bạn bè. - 2025. - 197 tr. : tranh vẽ s611219
1715. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.7: Mash Burnedead và quả bóng hung hăng. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611220
1716. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.8: Mash Burnedead và 4 lưỡi dao kim cương. - 2025. - 209 tr. : tranh vẽ s611221
1717. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.9: Mash Burnedead và giải đấu Tam Pháp Thuật - Vòng thi Thần Nhãn cuối cùng. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611222
1718. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.10: Mash Burnedead và bộ giáp nam châm. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611223
1719. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.11: Mash Burnedead và thần nước. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s611224

1720. Mashle : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hajime Komoto ; Ili Tenjou dịch.
- Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.12: Mash Burnedead và 5 người anh. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611225
1721. Mèo tuần đêm : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kaoru Fukaya ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2100b
T.4. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611142
1722. Mèo tuần đêm : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kaoru Fukaya ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.5. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611143
1723. Mitsuda Shinzo. Núi cấm / Mitsuda Shinzo ; Trúc Linh dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 304 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b s612045
1724. Một ngày rất "khác" : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lôi: Isabelle Maquoy ; Tranh: Quentin Gréban ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tớ thấy... Bạn thấy... Những góc nhìn khác). - 35000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Pháp: Mélie s612528
1725. Nai tơ ngơ ngác Nokotan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Oshioshio ; Tatsuhiro dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5500b
T.4. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s611228
1726. Nai tơ ngơ ngác Nokotan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Oshioshio ; Tatsuhiro dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5200b
T.5. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s611229
1727. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
Q.5: Đấu thủ!! - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611121
1728. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
Q.12: Bay cao!! - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611122
1729. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
Q.21: Không thể tha thứ!! - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611123
1730. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
Q.23: Nghịch cảnh...!! - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611124
1731. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
Q.24: Nguy - Nguy - Nguy!! - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611125
1732. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
Q.28: Naruto về làng!! - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611126
1733. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
Q.32: Hướng tới Sasuke!! - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611127
1734. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

- Q.33: Nhiệm vụ tuyệt mật...!!. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611128
1735. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- Q.47: Phong ấn bị phá bỏ!. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611129
1736. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- Q.55: Khai màn đại chiến!. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611130
1737. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- Q.56: Đội Asuma tái ngộ!. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611131
1738. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- Q.57: Naruto xung trận...!. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611132
1739. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- Q.58: Naruto vs. Itachi!!. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611133
1740. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- Q.67: Bước đột phá. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611134
1741. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- Q.71: Thầy yêu các em. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611135
1742. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.72: Uzumaki Naruto!!. - 2025. - 212 tr. : tranh vẽ s611136
1743. Nghiêm Xuân Thăng. Dấu ấn cuộc đời : Tuyển tập thơ / Nghiêm Xuân Thăng. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 371 tr., 8 tr. ảnh ; 21 cm. - 168000đ. - 100b s611489
1744. Ngón tay út thần kì : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Karine-Marie Amiot ; Tranh: Julie Mellan ; Trần Tuyết Phượng dịch. - Tái bản lần thứ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Nghe bà kể chuyện). - 32000đ. - 3000b s612521
1745. Ngô Tấn Quân. Thanh xuân của tôi : Còn sống còn chiến đấu / Ch.b.: Ngô Tấn Quân, Lê Hồng Liêm, Phạm Thị Nghĩa. - Tái bản có bổ sung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 435 tr. : ảnh ; 23 cm. - 700b
- Phụ lục: tr. 407-423. - Phụ lục ảnh: tr. 425-435 s612078
1746. Ngôn Vinh. Bên kia công trời : Tiểu thuyết / Ngôn Vinh. - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 225000đ. - 500b s611547
1747. Nguyên tội của Takopi : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Taizan 5 ; Sachi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b
- T.1. - 2025. - 217 tr. : tranh vẽ s611392
1748. Nguyên tội của Takopi : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Taizan 5 ; Sachi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b
- T.2. - 2025. - 198 tr. : tranh vẽ s611393
1749. Nguyễn Ái Lữ. Cánh chim vô ngã : Thơ / Nguyễn Ái Lữ. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 177 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 80b s612014

1750. Nguyễn Bá Hoà. Hoa mờ cõi : Tập truyện ngắn / Nguyễn Bá Hoà. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 195 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s611474

1751. Nguyễn Chí Vịnh. Hành trình vì hoà bình : Hồi ức / Nguyễn Chí Vịnh. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 307 tr. : ảnh ; 24 cm. - 240000đ. - 2000b s611875

1752. Nguyễn Du. Truyện Thuý Kiều (Đoạn trường tân thanh) / Nguyễn Du ; Hiệu khảo: Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 235 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 210000đ. - 264b s611741

1753. Nguyễn Du. Truyện Thuý Kiều (Đoạn trường tân thanh) / Nguyễn Du ; Hiệu khảo: Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 235 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s611740

1754. Nguyễn Duy Chuông. Rừng lại hồi sinh : Tập truyện ngắn / Nguyễn Duy Chuông. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 189 tr. ; 21 cm. - 76000đ. - 837b s611870

1755. Nguyễn Hạc Đạm Thư. Duyên tình cuộc đời / Nguyễn Hạc Đạm Thư. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 315 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200000đ. - 300b
Phụ lục: tr. 233-313 s611470

1756. Nguyễn Kim Trạch. Người quê : Tập thơ / Nguyễn Kim Trạch. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 95 tr. ; 20 cm. - 75000đ. - 300b s611653

1757. Nguyễn Nhật Ánh. Bàn có năm chỗ ngồi : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 68. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 182 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 3000b s611819

1758. Nguyễn Nhật Ánh. Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh hoạ: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 82. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 207 tr. ; 20 cm. - 90000đ. - 5000b s611818

1759. Nguyễn Nhật Ánh. Hạ đỏ : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 66. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 183 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 3000b s611817

1760. Nguyễn Nhật Ánh. Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 54. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 375 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 150000đ. - 5000b s611816

1761. Nguyễn Phát. Nghĩa tình sâu nặng xứ Thanh : Thơ / Nguyễn Phát. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 147 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 820b s611585

1762. Nguyễn Thị Lan Hoà. Miền thương nhớ : Thơ / Nguyễn Thị Lan Hoà. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 79 tr., 12 tr. ảnh ; 21 cm. - 86000đ. - 200b s611460

1763. Nguyễn Thuần Nhiên. Con quỷ hút mây : Truyện / Nguyễn Thuần Nhiên ; Minh hoạ: Linh Khánh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 56 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 129000đ. - 1000b s611904

1764. Nguyễn Viết Dưỡng. Bên dòng sông xưa : Thơ / Nguyễn Viết Dưỡng. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 155 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 450b s611483

1765. Nguyễn Việt Hà. Con giai phố cổ : Tập văn / Nguyễn Việt Hà. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 292 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s611820

1766. Ngữ văn 6 / Nguyễn Thị Hồng Nam (ch.b.), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 425000b

T.1. - 2025. - 140 tr. : minh hoạ s612698

1767. Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Phan Huy Dũng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 204000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : minh hoạ s612663

1768. Ngữ văn 6 / Nguyễn Thị Hồng Nam (ch.b.), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 418000b

T.2. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s612699

1769. Ngữ văn 7 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 379000b

T.1. - 2025. - 128 tr. : minh hoạ s612700

1770. Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 206000b

T.2. - 2025. - 135 tr. : minh hoạ s612664

1771. Ngữ văn 7 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 365000b

T.2. - 2025. - 120 tr. : minh hoạ s612701

1772. Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 174000b

T.1. - 2025. - 131 tr. : minh hoạ s612665

1773. Ngữ văn 8 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 23500b

T.1. - 2025. - 144 tr. : minh hoạ s612702

1774. Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 174000b

T.2. - 2025. - 139 tr. : minh hoạ s612666

1775. Ngữ văn 8 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 382000b

T.2. - 2025. - 124 tr. : minh hoạ s612703

1776. Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 152000b

T.1. - 2025. - 151 tr. : minh hoạ s612667

1777. Ngữ văn 9 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 21000đ. - 230000b

T.1. - 2025. - 160 tr. : minh hoạ s612704

1778. Ngữ văn 9 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 226000b

T.2. - 2025. - 156 tr. : minh hoạ s612705

1779. Ngữ văn 10 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21500đ. - 115000b

T.1. - 2025. - 167 tr. : minh hoạ s612668

1780. Ngữ văn 10 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 242000b

T.1. - 2025. - 160 tr. : minh hoạ s612706

1781. Ngữ văn 10 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17400đ. - 115000b

T.2. - 2025. - 135 tr. : minh hoạ s612669

1782. Ngữ văn 11 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 214000b

T.1. - 2025. - 148 tr. : minh hoạ s612707

1783. Ngữ văn 11 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 140000b

T.2. - 2025. - 131 tr. : minh hoạ s612670

1784. Ngữ văn 11 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Đoàn Lê Giang... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 216000b

T.2. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s612708

1785. Ngữ văn 12 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 23000đ. - 243000b

T.1. - 2025. - 172 tr. : minh hoạ s612709

1786. Ngữ văn 12 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 140000b

T.2. - 2025. - 139 tr. : minh hoạ s612671

1787. Ngữ văn 12 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 218000b

T.2. - 2025. - 144 tr. : minh hoạ s612710

1788. Người bạn mới : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Pog ; Tranh: David B. Draper ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tớ thấy... Bạn thấy... Những góc nhìn khác). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Pháp: Mon ami s612527

1789. Người cai quản bầu trời : Truyện tranh / Cúc Cu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Bánh ngọt cho tâm hồn). - 25000đ. - 2000b s611496
1790. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s611096
1791. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s611097
1792. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s611098
1793. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.4. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s611099
1794. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.5. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611100
1795. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.6. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611101
1796. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.7. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611102
1797. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.8. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611103
1798. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.9. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611104
1799. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.10. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s611105
1800. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.11. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611106
1801. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.12. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611107
1802. Nhà có 5 nàng dâu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16 + / Negi Haruba ; Tanpopo team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.14. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s611108
1803. Nhật kí ẩm thực của nàng hầu sành ăn : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Susumu Maeya ; Thế Đăng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3900b
T.2. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s611111

1804. Nhật kí ẩm thực của nàng hầu sành ăn : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Susumu Maeya ; Thế Đăng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3600b
T.3. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s611112
1805. Nhật kí ẩm thực của nàng hầu sành ăn : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Susumu Maeya ; Thế Đăng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3700b
T.4. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s611113
1806. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3500b
T.18: Vô. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611208
1807. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3500b
T.19: Asa. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s611209
1808. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3500b
T.20: Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s611210
1809. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3500b
T.21: Hifumi vs bác Futaba. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611211
1810. Những ngày đầu độ sức : Tập truyện / Mai Ngữ, Tôn Ái Nhân, Viêt Linh... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 343 tr. ; 24 cm. - 205000đ. - 500b s611536
1811. Ninja Rantaro : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Soubee Amako ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3300b
T.52. - 2025. - 240 tr. : tranh vẽ s611382
1812. Ninja Rantaro : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Soubee Amako ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3200b
T.53. - 2025. - 237 tr. : tranh vẽ s611383
1813. Ninja Rantaro : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Soubee Amako ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3200b
T.54. - 2025. - 238 tr. : tranh vẽ s611384
1814. Ninja Rantaro : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Soubee Amako ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3200b
T.55. - 2025. - 246 tr. : tranh vẽ s611385
1815. Nỗi buồn ốc sên : Truyện tranh : 3+ / Lời: Niimi Nankichi ; Tranh: Suzuki Yasumasa ; Dịch: Lê Hiền, Linh Trự ; Tổng Linh h.đ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 45000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: The sorrow of snail s611779
1816. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.3: Thứ không thể nói dối. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611263
1817. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.4: Trắng lưỡi liềm. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s611264
1818. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b

- T.7: Lão già mắc dịch. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s611265
1819. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.18: ACE xuất hiện. - 2025. - 221 tr. : tranh vẽ s611266
1820. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.24: Giấc mơ của con người. - 2025. - 203 tr. : tranh vẽ s611267
1821. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.36: Chính nghĩa thứ 9. - 2025. - 213 tr. : tranh vẽ s611268
1822. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.38: Rocket man. - 2025. - 206 tr. : tranh vẽ s611269
1823. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.39: Cuộc chiến cướp đoạt. - 2025. - 209 tr. : tranh vẽ s611270
1824. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.42: Hải tặc vs CP9. - 2025. - 209 tr. : tranh vẽ s611271
1825. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.46: Phiêu lưu trên đảo ma. - 2025. - 195 tr. : tranh vẽ s611272
1826. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.47: Trời âm u, thỉnh thoảng có xương. - 2025. - 219 tr. : tranh vẽ s611273
1827. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.48: Cuộc phiêu lưu của Oars. - 2025. - 229 tr. : tranh vẽ s611274
1828. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.53: Khí chất vương giả. - 2025. - 213 tr. : tranh vẽ s611275
1829. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.55: Okama nơi địa ngục. - 2025. - 197 tr. : tranh vẽ s611276
1830. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.57: Trận chiến thượng đỉnh. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s611277
1831. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.62: Hành trình ở đảo Người Cá. - 2025. - 213 tr. : tranh vẽ s611278
1832. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
- T.63: Otohime và Tiger. - 2025. - 229 tr. : tranh vẽ s611279

1833. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.64: 10 vạn vs 10. - 2025. - 213 tr. : tranh vẽ s611280
1834. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.66: Đường tới Mặt trời. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611281
1835. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.69: SAD. - 2025. - 245 tr. : tranh vẽ s611282
1836. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.76: Tiến lên đi, đừng ngại. - 2025. - 203 tr. : tranh vẽ s611283
1837. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.78: Sức hút của tội ác. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611284
1838. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.80: Tuyên ngôn về thời đại mới. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611285
1839. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.83: Hải tặc: Tứ hoàng Charlotte Linlin. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s611286
1840. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.96: Oden sinh ra là để nấu sô. - 2025. - 195 tr. : tranh vẽ s611287
1841. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.97: Thánh kinh của tôi. - 2025. - 195 tr. : tranh vẽ s611288
1842. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.98: Phút huy hoàng của những trung thần. - 2025. - 197 tr. : tranh vẽ s611289
1843. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.102: Bước ngoặt quan trọng. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s611290
1844. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.104: Kozuki Momonosuke - Tướng quân của Wano quốc. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s611291
1845. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.105: "Giấc mơ của Luffy". - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s611292
1846. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.106: "Giấc mơ của thiên tài". - 2025. - 203 tr. : tranh vẽ s611293

1847. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 8000b
T.106: "Giấc mơ của thiên tài". - 2025. - 203 tr. : tranh vẽ s611294
1848. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.107: Anh hùng huyền thoại. - 2025. - 224 tr. : tranh vẽ s611295
1849. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 8000b
T.107: Anh hùng huyền thoại. - 2025. - 224 tr. : tranh vẽ s611296
1850. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.2: Chìa khoá sức mạnh. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s611334
1851. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.4: Thiên thạch khổng lồ. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611335
1852. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.5: Không thành công cũng thành nhân. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611336
1853. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.7: Quyết đấu. - 2025. - 205 tr. : tranh vẽ s611337
1854. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.8: Kẻ đó. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s611338
1855. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.11: Đại quái trùng. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611339
1856. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.12: Kẻ mạnh. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611340
1857. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.14: Bên bờ tuyệt vọng. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611341
1858. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.15: Những kẻ trong bóng tối. - 2025. - 205 tr. : tranh vẽ s611342

1859. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.16: Toàn lực. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611343

1860. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.18: Giới hạn. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s611344

1861. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.20: Xuất kích!!. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s611345

1862. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.23: Thật - giả. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s611346

1863. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.24: Vật tế. - 2025. - 203 tr. : tranh vẽ s611347

1864. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.25: Kị sĩ cơ khí. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s611348

1865. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

T.26: Chưa từng biết tới. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s611349

1866. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b

T.27: Tatsumaki toàn phần công lực. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s611350

1867. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b

T.28: Xuống vực sâu. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s611351

1868. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 14000b

T.30: Chương ngại lớn nhất. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s611352

1869. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 16000b

T.31: Luyện ngục vô song để vương hoả thiêu pháo. - 2025. - 220 tr. : tranh vẽ s611353

1870. Ong : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Anna Brett ; Tranh: Rebeca Pintos ; Xuân Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Một ngày của gia đình tớ). - 48000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Little bee s612509
1871. Perrin, Valérie. Hoa vẫn nở mỗi ngày / Valérie Perrin ; Nguyễn Thị Tươi dịch. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 530 tr. ; 24 cm. - 234000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Changer l'eau des fleurs s611943
1872. Phạm Thị Hương Quỳnh. Ấn dụ ý niệm trong thơ (Nghiên cứu trường hợp thơ Xuân Quỳnh) : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Hương Quỳnh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 311 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 220000đ. - 200b
Thư mục: tr. 297-311 s611595
1873. Phan Thị Vàng Anh. Nhân trường hợp chị Thỏ Bông và các bài viết khác / Phan Thị Vàng Anh. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 314 tr. ; 20 cm. - 135000đ. - 1500b s611823
1874. Phan Văn Khoa. Một đời bên nhau : Tiểu thuyết ngôn tình / Phan Văn Khoa. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 500b s611469
1875. Phan Xuân Thu. Vùng kỷ niệm : Thơ / Phan Xuân Thu. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 107 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 300b s611448
1876. Phần thưởng cho người chậm chạp : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 6+ / Cúc Cu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Bánh ngọt cho tâm hồn). - 25000đ. - 2000b s611800
1877. Phong thần diễn nghĩa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Ryu Fujisaki ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 70000đ. - 2500b
T.14. - 2025. - 242 tr. : tranh vẽ s611109
1878. Phong thần diễn nghĩa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Ryu Fujisaki ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 70000đ. - 2500b
T.15. - 2025. - 239 tr. : tranh vẽ s611110
1879. Quạ và Công : Tranh truyện thiếu nhi = The crow and the peacock : Children's comics / Thuỳ Trang b.s. ; Minh hoạ: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s611893
1880. Rowling, J. K. Harry Potter và đứa trẻ bị nguyền rủa = Harry Potter and the cursed child : Phần một và hai : Phiên bản diễn tập đặc biệt / J. K. Rowling, John Tiffany, Jack Thorne ; Như Mai dịch. - In lần thứ 23. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 371 tr. ; 20 cm. - 170000đ. - 2000b s611833
1881. Sao băng ban ngày = The daytime shooting star : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Mika Yamamori ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2500b
T.10. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611368
1882. Sao băng ban ngày = The daytime shooting star : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Mika Yamamori ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2500b
T.11. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611369
1883. Sao băng ban ngày = The daytime shooting star : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Mika Yamamori ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2500b
T.12. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s611370

1884. Shadows house : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Somato ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 4000b
T.14. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s611436
1885. Shadows house : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Somato ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 4000b
T.15. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s611437
1886. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4600b
T.7. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611175
1887. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4600b
T.8. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s611176
1888. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4500b
T.9. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611177
1889. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4500b
T.10. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611178
1890. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4400b
T.11. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611179
1891. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b
T.1: Himawari chào đời, tớ đứt hơi!. - 2025. - 185 tr. : tranh màu s611359
1892. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b
T.3: Himawari bị giành giật!. - 2025. - 186 tr. : tranh màu s611360
1893. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.6: Vị hôn thê đến từ tương lai. - 2025. - 161 tr. : tranh vẽ s611354
1894. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.17: Công phá xứ sở mộng mơ. - 2025. - 152 tr. : tranh vẽ s611355
1895. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.19: Những cậu bé Kung Fu - Mì ramen đại chiến. - 2025. - 142 tr. : tranh vẽ s611356
1896. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b

- T.21: Bốn chàng hiệp sĩ của vương quốc Vẽ Vời. - 2025. - 141 tr. : tranh vẽ s611357
1897. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
- T.22: Giải mã bí ẩn học viện Tenkasu. - 2025. - 156 tr. : tranh vẽ s611358
1898. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b
- T.31: Vũ công Shinnosuke. - 2025. - 194 tr. : tranh màu s611361
1899. Sóc con nhút nhát : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Nguyễn Trà My. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Bé rèn luyện kỹ năng sống - Tự tin lễ phép). - 10000đ. - 1500b s612513
1900. Sông Mai / Hồ Văn Bàng, Ngô Minh Hiếu, Trần Tổ... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 150b
- ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Văn học nghệ thuật Sông Mai
- T.25. - 2025. - 15 tr., 2 tr. ảnh màu : ảnh s611451
1901. Spy x family : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Tatsuya Endo ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
- T.10. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s611303
1902. Spy x family : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Tatsuya Endo ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
- T.11. - 2025. - 202 tr. : tranh vẽ s611304
1903. Sư tử : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Anna Brett ; Tranh: Carmen Saldana ; Xuân Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Một ngày của gia đình tớ). - 48000đ. - 3000b
- Tên sách tiếng Anh: Little lion s612506
1904. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s611248
1905. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
- T.2. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611249
1906. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
- T.3. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611250
1907. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
- T.4. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s611251
1908. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
- T.5. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611252
1909. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
- T.6. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611253

1910. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.7. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611254
1911. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.8. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s611255
1912. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.9. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s611256
1913. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.10. - 2025. - 171 tr. : tranh vẽ s611257
1914. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.11. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611258
1915. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.12. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611259
1916. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.13. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s611260
1917. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2500b
T.15. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611261
1918. Sư tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Umino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2500b
T.16. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611262
1919. Sương Tổ Lan. Hiệu sách cỏ trong rừng = 寻找林木森书店 / Sương Tổ Lan ; Nhật Vi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 189 tr. ; 20 cm. - 90000đ. - 1500b s611787
1920. Takata. Làm bạn với cô nàng dễ thương nhì lớp : Dành cho lứa tuổi 16+ / Takata ; Minh họa: Azuri Hyuga ; Thế Đăng dịch. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 105000đ. - 4000b
T.2. - 2025. - 394 tr. s611403
1921. Take note Ngữ văn 9 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Dành cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức - Cánh Diều - Chân trời sáng tạo... / Thuỳ Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 104 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 5000b s611934
1922. Tắm rửa sạch sẽ nào! : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Manisa Palakawong ; Tranh: Plan For Kids ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Khủng long nhỏ bỏ thói quen xấu). - 24500đ. - 3000b s612058
1923. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s611309
1924. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b

- T.3. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s611310
1925. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.5. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611311
1926. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.6. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s611312
1927. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.8. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611313
1928. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.10. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s611314
1929. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 7000b
- T.26. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s611323
1930. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 7000b
- T.27. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s611324
1931. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.27. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s611315
1932. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 7000b
- T.28. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s611325
1933. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 7000b
- T.29. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s611326
1934. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
- T.30. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611327
1935. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
- T.31. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s611328
1936. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
- T.32. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611329
1937. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
- T.33. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s611330
1938. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.33. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s611316

1939. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.34. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s611331
1940. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.40. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s611317
1941. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.44. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s611318
1942. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.61. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s611319
1943. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.62. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s611320
1944. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.92. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s611321
1945. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.97. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s611322
1946. Thám tử lừng danh Conan - 15 phút trầm mặc : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2500b
T.1. - 2025. - 205 tr. : tranh màu s611332
1947. Thám tử lừng danh Conan - 15 phút trầm mặc : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2500b
T.2. - 2025. - 205 tr. : tranh màu s611333
1948. Thám tử lừng danh Conan - FBI selection : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng, 2025. - 370 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 55000đ. - 5000b s611242
1949. Thám tử lừng danh Conan - Giờ trà của Zero : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Ukato Mai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 156 tr. : tranh vẽ s611444
1950. Thám tử lừng danh Conan - Giờ trà của Zero : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Ukato Mai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.3. - 2025. - 156 tr. : tranh vẽ s611445
1951. Thám tử lừng danh Conan - Những câu chuyện lãng mạn = Detection Conan - Romantic selection : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng, 2025. - 377 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 45000đ. - 3000b s611244
1952. Thám tử lừng danh Conan - Những câu chuyện lãng mạn = Detection Conan - Romantic selection : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng, 2025. - 492 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 65000đ. - 3000b s611245

1953. Thám tử lừng danh Conan - Những câu chuyện lãng mạn = Detection Conan - Romantic selection : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng, 2025. - 371 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 45000đ. - 3000b s611243

1954. Thám tử lừng danh Conan vs. Kaito Kid perfect edition : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 70000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 443 tr. : tranh vẽ s611246

1955. Thám tử lừng danh Conan vs. Kaito Kid perfect edition : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 70000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 405 tr. : tranh vẽ s611247

1956. Thám tử lừng danh Conan vs. tổ chức Áo đen : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s611239

1957. Thám tử lừng danh Conan vs. tổ chức Áo đen : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 296 tr. : tranh vẽ s611240

1958. Thám tử lừng danh Conan vs. tổ chức Áo đen : Tuyển tập đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 75000đ. - 3000b

T.3. - 2025. - 507 tr. : tranh vẽ s611241

1959. Thám tử Xeno và 7 căn phòng kín : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Nguyên tác: Kyouichi Nanatsuki ; Minh họa: Teppei Sugiyama ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b

T.3. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s611137

1960. Thám tử Xeno và 7 căn phòng kín : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Nguyên tác: Kyouichi Nanatsuki ; Minh họa: Teppei Sugiyama ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3300b

T.4. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611138

1961. Thám tử Xeno và 7 căn phòng kín : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Nguyên tác: Kyouichi Nanatsuki ; Minh họa: Teppei Sugiyama ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3300b

T.5. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611139

1962. Thám tử Xeno và 7 căn phòng kín : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Nguyên tác: Kyouichi Nanatsuki ; Minh họa: Teppei Sugiyama ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3300b

T.6. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611140

1963. Thám tử Xeno và 7 căn phòng kín : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Nguyên tác: Kyouichi Nanatsuki ; Minh họa: Teppei Sugiyama ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3300b

T.7. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s611141

1964. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b

T.3: Khích lệ bản thân. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611233

1965. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b

- T.4: Lưỡi gươm mạnh mẽ. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s611234
1966. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.5: Xuống địa ngục. - 2025. - 179 tr. : tranh vẽ s611235
1967. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.9: Đại chiến dịch xâm nhập phố đèn đỏ. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611236
1968. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.11: Hỗn chiến. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611237
1969. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.13: Biến đổi. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s611238
1970. Thỏ rừng biết chia sẻ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Karine-Marie Amiot ; Tranh: Julie Mellan ; Trần Tuyết Phượng dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Nghe ông kể chuyện). - 32000đ. - 3000b s612524
1971. Thú mỏ vịt : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Anna Brett ; Tranh: Rebeca Pintos ; Xuân Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Một ngày của gia đình tớ). - 48000đ. - 3000b
- Tên sách tiếng Anh: Little platypus s612508
1972. Tinh tinh : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Anna Brett ; Tranh: Rebeca Pintos ; Xuân Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Một ngày của gia đình tớ). - 48000đ. - 3000b
- Tên sách tiếng Anh: Little chimpanzee s612510
1973. Tổng Phước Bảo. Trong muôn ánh sao : Truyện ngắn / Tổng Phước Bảo. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - 78000đ. - 837b s611872
1974. Tracy, Brian. Thuật hùng biện : Làm thế nào để tự tin diễn thuyết trong mọi tình huống? / Brian Tracy ; Jessy dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Công Thương, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 3000b
- Tên sách tiếng Anh: Speak to win: How to present with power in any situation s612108
1975. Trần Kiêm Đoàn. Tâm ảnh thơ / Trần Kiêm Đoàn. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 239 tr. : ảnh ; 21 cm. - 195000đ. - 400b s611627
1976. Trần Minh Cường. Những mảnh vỡ : Tản văn / Trần Minh Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 144 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s611582
1977. Trần Ngọc Sơn. Nét đẹp cuộc đời : Thơ / Trần Ngọc Sơn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 71 tr. ; 21 cm. - 1000b s612063
1978. Tùng linh / Hồ Ngọc Quang, Trần Ngưỡng, Vi Hối... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 400b
- ĐTTS ghi: Chi hội Văn học Nghệ thuật Quỳnh Lưu
- T.44. - 2025. - 198 tr. : ảnh s611459
1979. Từ Tiểu Miêu. Mỗi lần tỉnh dậy đều trở thành nghi phạm / Từ Tiểu Miêu ; Linh Phương dịch. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 209000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Trung: 每次醒来都成了嫌疑人
- T.1. - 2025. - 420 tr. s611727

1980. Văn Tình. Lấy tình thâm mà đổi đầu bạc / Văn Tình ; Huỳnh Nhã Thy dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 427 tr. ; 20 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 且以情深 共白头 s611759

1981. Văn bản Hán văn Việt Nam / Nguyễn Ngọc San, Đặng Đức Siêu, Hà Minh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 216 tr. ; 24 cm. - 62000đ. - 500b s612138

1982. Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 / Nguyễn Văn Long (ch.b.), Nguyễn Thị Bình, Lê Quang Hưng... - In lần thứ 9. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 543 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 1000b s611635

1983. Văn nghệ Diễn Châu / Hữu Vinh, Cao Khoa, Đặng Tuấn... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 260b

ĐTTS ghi: Chi hội Văn học nghệ thuật Diễn Châu

T.10: 2025. - 2025. - 136 tr., 4 tr. ảnh màu : tranh vẽ s611458

1984. Văn Phan. Tiếng nổ trên chiến hạm Amyot d'Inville : Tiểu thuyết / Văn Phan. - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 391 tr. : ảnh ; 24 cm. - 235000đ. - 500b s611548

1985. Văn Xương. Thượng nguồn : Tập truyện ngắn / Văn Xương. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 79000đ. - 787b s611874

1986. Vì sao bé Tôm nín khóc? : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Cù Thị Phương Dung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 11 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Bé rèn luyện kỹ năng sống - Vui vẻ đến trường). - 10000đ. - 1500b s612515

1987. Viễn Ninh. Án vô danh triều Đường - Quỷ môn liêu / Viễn Ninh ; Mun dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 唐案无名鬼门寮 s611691

1988. Vịt con biết giúp mẹ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Karine-Marie Amiot ; Tranh: Julie Mellan ; Trần Tuyết Phượng dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Nghe ông kể chuyện). - 32000đ. - 3000b s612522

1989. Vịt con xấu xí : Tranh truyện thiếu nhi = The ugly duckling : Children's comics / Thủy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s611890

1990. Võ Nguyên. Chân dung tác giả, tác phẩm văn học Bình Thuận : Nghiên cứu, phê bình văn học từ sau 1945 đến nay / Võ Nguyên (ch.b.), Phan Chính, Lương Đào Quốc Dũng. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 21 cm. - 120000đ. - 300b

T.2. - 2025. - 239 tr. : hình vẽ, ảnh s611612

1991. Voi : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 8 tuổi / Lời: Anna Brett ; Tranh: Carmen Saldana ; Xuân Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Một ngày của gia đình tôi). - 48000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Little elephant s612505

1992. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Đặng Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : bảng s612649

1993. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Đặng Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 116 tr. : bảng s612650

1994. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Mai Thanh Huyền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 111 tr. : bảng s612651

1995. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Đặng Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 107 tr. : bảng s612652

1996. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 8 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Nguyễn Quốc Khánh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 115 tr. : bảng s612653

1997. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 9 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Đặng Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 119 tr. : bảng s612654

1998. Vở bài tập Ngữ văn 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612682

1999. Vở bài tập Ngữ văn 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s612683

2000. Vở bài tập Ngữ văn 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s612684

2001. Vở bài tập Ngữ văn 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s612685

2002. Vở bài tập Ngữ văn 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 7000b

T.1. - 2025. - 92 tr. : bảng s612686

2003. Vở bài tập Ngữ văn 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 7000b

T.2. - 2025. - 96 tr. : bảng s612687

2004. Vở bài tập Ngữ văn 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 32000đ. - 7000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : ảnh, bảng s612688

2005. Vở bài tập Ngữ văn 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Quang Đăng, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 32000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 107 tr. : bảng s612689

2006. Vở thực hành Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 100 tr. : bảng s612619

2007. Vở thực hành Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Vĩnh Hà, Nguyễn Thị Mai Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 96 tr. : bảng s612620

2008. Vũ Thị Huyền Trang. Đường bay của mảnh đạn : Tập truyện ngắn / Vũ Thị Huyền Trang. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 176 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 767b s611871

2009. World trigger : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Daisuke Ashihara ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2600b

T.23. - 2025. - 202 tr. : tranh vẽ s611226

2010. World trigger : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Daisuke Ashihara ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2500b

T.24. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s611227

2011. Xin lỗi thôi chưa đủ! : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Manisa Palakawong ; Tranh: Plan For Kids ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Khủng long nhỏ bỏ thói quen xấu). - 24500đ. - 3000b s612504

2012. Yarros, Rebecca. Lửa thép = Iron flame / Rebecca Yarros. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 934 tr. ; 20 cm. - 325000đ. - 2000b s611801

2013. Yukari - Cô nàng mộng mơ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Yuma Suzu ; Nguyên tác: Soichiro Yamamoto ; Lưu Diệp San dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 156 tr. : tranh vẽ s611434

2014. Yukari - Cô nàng mộng mơ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Yama Suzu ; Nguyên tác: Soichiro Yamamoto ; Lưu Diệp San dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 4300b

T.2. - 2025. - 154 tr. : tranh vẽ s611435

LỊCH SỬ

2015. Affonco, Denise. Thoát khỏi địa ngục Khmer đỏ - Hồi ký của một người còn sống : Sách tham khảo / Denise Affonco ; Trần Quang Hiếu biên dịch ; Lê Mạnh Linh h.đ. - Xuân bản lần thứ 4. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 248 tr. ; 21 cm. - 83000đ. - 2000 s611505

2016. Bài tập Lịch sử 10 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Phạm Thu Hà, Trần Thị Mai... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 5000b s612245

2017. Bài tập Lịch sử 11 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thị Mai, Trần Nam Tiến... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : bìa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 8000b s612246

2018. Bài tập Lịch sử 11 / Trần Thị Vinh (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Thu Thủy... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 18000b s612225

2019. Bài tập Lịch sử 12 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thị Mai, Trần Nam Tiến... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : ảnh, bìa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 5000b s612247

2020. Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Lịch sử / Đinh Ngọc Bảo (ch.b.), Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Hoàng Anh Tuấn. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 233319b s612223

2021. Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Lịch sử / Hà Bích Liên (ch.b.), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 99000b s612237

2022. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Lịch sử / Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (ch.b.), Nguyễn Đức Hoà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 55000b s612238

2023. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Lịch sử / Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (ch.b.), Phạm Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 206341b s612224

2024. Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử / Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (ch.b.), Lê Phụng Hoàng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 42000b s612239

2025. Bài tập phát triển năng lực Lịch sử và Địa lí 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trịnh Đình Tùng, Trần Ngọc Diệp (ch.b.), Nông Thị Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 159 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s613119

2026. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Lịch sử / Đinh Ngọc Bảo (ch.b.), Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lưu Thị Minh Nguyệt. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : bìa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612229

2027. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Lịch sử / Nghiêm Đình Vỹ (ch.b.), Nguyễn Thị Côi, Nguyễn Thị Bích, Phạm Thị Thanh Huyền. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : bìa ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s612230

2028. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Đào Tuấn Thành, Đặng Thị Huyền Trang, Hoàng Thanh Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : bìa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612231

2029. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Nguyễn Xuân Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : bìa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612232

2030. Cao Xuân Lương. Tư tưởng yêu nước của Phan Bội Châu : Sách chuyên khảo / Cao Xuân Lương, Ngô Huy Hoàng. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 282 tr. ; 21 cm. - 112000đ. - 635b s611873

2031. Câu chuyện về lịch sử loài người : Dành cho trẻ 6 - 11 tuổi / Viết lời: Catherine Barr, Steve Williams ; Minh hoạ: Amy Husband ; Trường Huy dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Cuốn sách khoa học đầu tiên dành cho học sinh tiểu học). - 36000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The story of people s612511

2032. Chiến thắng quân Mông lần 1 / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Tôn Nữ Quỳnh Trân ; Tranh: Nguyễn Trung Tín ; Tô màu: Nguyễn Thuỳ Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 65000đ. - 1500b s611791

2033. Chiến thắng quân Mông lần 1 / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Tôn Nữ Quỳnh Trân ; Tranh: Nguyễn Trung Tín ; Tô màu: Nguyễn Thuỳ Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 82 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 155000đ. - 1500b s611814

2034. Chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hũ (1834) - 190 năm nhìn lại / Hà Thị Nga, Lưu Minh Triều, Nguyễn Văn Kim... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 768 tr. ; 24 cm. - 325000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam s611520

2035. Chuyên đề học tập Lịch sử 10 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Phạm Thu Hà, Trần Thị Mai... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 48000b s613086

2036. Chuyên đề học tập Lịch sử 10 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Trương Thị Bích Hạnh, Vũ Thị Phụng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 46723b s613100

2037. Chuyên đề học tập Lịch sử 12 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thị Mai, Trần Nam Tiến, Trần Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : ảnh ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 40000b s613089

2038. Dấu ấn Cách mạng tháng Tám năm 1945 / Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 284 tr. : ảnh ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b s611500

2039. Dương Thành Truyền. Di chúc của Bác Hồ - Một giáo trình tiếng Việt độc đáo / Dương Thành Truyền. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 130 tr. ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 65000đ. - 1000b

Bút danh tác giả: Duyên Trường. - Thư mục: tr. 128-130 s611822

2040. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập : Từ thời nguyên thủy đến năm 2006 / B.s.: Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 1196 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 460000đ. - 500b

Thư mục: tr. 1173-1186 s612168

2041. Đặng Sỹ Ngọc. Tổ quốc trong tim người lính : Tự truyện / Đặng Sỹ Ngọc. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 264 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s611971

2042. Địa chí An Khê / B.s.: Vũ Thị Huyền Ly (ch.b.), Nguyễn Khắc Sử, Phạm Thị Huyền Thương... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 696 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 800b

ĐTTS ghi: Thị ủy An Khê. Tỉnh Gia Lai. - Thư mục: tr. 588-604. - Phụ lục: tr. 605-695 s611618

2043. Đinh Xuân Lâm. Đại cương lịch sử Việt Nam / B.s.: Đinh Xuân Lâm (ch.b.), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 118000đ. - 700b

T.2: 1858 - 1945. - 2025. - 383 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 372-379 s612144

2044. Đỗ Hoàng Linh. Hồ Chí Minh - Đường đến Ba Đình lịch sử / Đỗ Hoàng Linh b.s. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 272 tr. : ảnh ; 21 cm. - 140000đ. - 500b
Thư mục: tr. 270 s611526
2045. Đức Đồng - Đất và người / B.s.: Lê Hữu Quế (ch.b.), Nguyễn Văn Song, Nguyễn Tuấn Dũng... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 471 tr., 53 tr. ảnh : ảnh, bảng ; 24 cm. - 295000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Đảng uỷ - HĐND - UBND - UBMTTQ xã Đức Đồng. - Thư mục: tr. 458-459 s611453
2046. Furuta Motoo. Việt Nam - Một góc nhìn từ Nhật Bản : Sách tham khảo / Furuta Motoo. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 412 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 387-406 s611518
2047. Halberstam, David. Quá trình phát triển và sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm - Ngập giữa vũng lầy : Sách tham khảo / David Halberstam ; Mai Thị Yên Thi dịch. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 480 tr. ; 24 cm. - 318.000đ. - 2000b s611512
2048. Kỷ yếu Những chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 120b
ĐTTS ghi: Hội Tù yêu nước xã Điện Hồng s611622
2049. Lê Chân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Vương Trọng, Nhóm Oopsy. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b
Thư mục cuối chính văn s611734
2050. Lê Lai : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Anh Chi, Lê Minh Hải. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b
Thư mục cuối chính văn s611735
2051. Lê Mậu Hãn. Đại cương Lịch sử Việt Nam / B.s.: Lê Mậu Hãn (ch.b.), Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư. - Tái bản lần thứ 21. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 110000đ. - 700b
T.3: 1945 - 2006. - 2025. - 355 tr. - Thư mục: tr. 347-351 s612145
2052. Lê Thái Dũng. Chuyện hay trong lịch sử Việt Nam / Lê Thái Dũng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 219 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 72000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 215-217 s612037
2053. Lê Thái Dũng. Việt sử - Những câu chuyện thú vị / Lê Thái Dũng b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 179 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 79000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 175-177 s612032
2054. Lịch sử 10 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Nguyễn Nhật Linh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 184481b s613116
2055. Lịch sử 11 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thị Mai, Trần Nam Tiến... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 175000b s613097
2056. Lịch sử 12 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thị Mai, Trần Nam Tiến... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15400đ. - 153000b s613098

2057. Lịch sử làng Phù Lưu / B.s.: Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Quốc Pháp, Lê Văn Nam (ch.b.)... ; S.t.: Phạm Văn Trung... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 229 tr., 12 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Phường Đông Ngàn. Khu phố Phù Lưu. - Phụ lục: tr. 217-229 s611998

2058. Lịch sử Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh : Giản lược / B.s.: Võ Văn Sen, Phan Xuân Biên (ch.b.), Hà Minh Hồng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 799 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Thành uỷ - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 713-775. - Thư mục: tr. 776-788 s611660

2059. Lịch sử Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh / B.s.: Võ Văn Sen, Phan Xuân Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Hậu, Đặng Văn Thắng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Thành uỷ - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

T.1: Vùng đất Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh từ khởi nguồn đến thế kỷ XVI. - 2025. - 454 tr. : ảnh, bản đồ. - Thư mục: tr. 429-450 s611655

2060. Lịch sử Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh / B.s.: Võ Văn Sen, Phan Xuân Biên (ch.b.), Trần Thị Mai... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

T.2: Sài Gòn - Gia Định từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX. - 2025. - 870 tr. : minh hoạ. - Phụ lục: tr. 797-818. - Thư mục: tr. 819-862 s611656

2061. Lịch sử Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh / B.s.: Võ Văn Sen, Phan Xuân Biên (ch.b.), Lê Hữu Phước... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Thành uỷ - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

T.3: Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định từ năm 1859 đến năm 1945. - 2025. - 711 tr. : ảnh, bản đồ. - Phụ lục: tr. 603-686. - Thư mục: tr. 687-706 s611657

2062. Lịch sử Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh / B.s.: Võ Văn Sen, Phan Xuân Biên (ch.b.), Hà Minh Hồng, Hồ Sơn Đài. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Thành uỷ - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

T.4: Sài Gòn - Gia Định từ năm 1945 đến năm 1975. - 2025. - 943 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 861-908. - Thư mục: tr. 909-935 s611658

2063. Lịch sử Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh / B.s.: Võ Văn Sen, Phan Xuân Biên (ch.b.), Ngô Minh Oanh, Trần Đức Cường. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Thành uỷ - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

T.5: Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1975 đến năm 2015. - 2025. - 767 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 703-729. - Thư mục: tr. 730-761 s611659

2064. Lịch sử thế giới cổ đại / Lương Ninh (ch.b.), Đinh Ngọc Bảo, Đặng Quang Minh... - Tái bản lần thứ 20. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 271 tr. : bản đồ ; 24 cm. - 88000đ. - 700b

Phụ lục: tr. 246-268. - Thư mục: 269 s612146

2065. Lịch sử thế giới hiện đại 1917 - 1995 / Nguyễn Anh Thái (ch.b.), Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Quốc Hùng... - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 544 tr. ; 24 cm. - 138000đ. - 700b

Thư mục: tr. 540-541 s612148

2066. Lịch sử văn minh thế giới / B.s.: Vũ Dương Ninh (ch.b.), Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Quốc Hùng, Đinh Ngọc Bảo. - Tái bản lần thứ 23. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 383 tr., 28 tr. ảnh ; 21 cm. - 102000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 380-381 s612136

2067. Nguyễn Đức Huy. Hồi ức chiến tranh Vị Xuyên / Nguyễn Đức Huy. - In lần thứ 5 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 379 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 250000đ. - 6000b s611979

2068. Nguyễn Quang Ân. Sự thật về nạn đói năm 1945 (Qua tư liệu và ký ức lịch sử) : Qua tư liệu và ký ức lịch sử / Nguyễn Quang Ân. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 719 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 380000đ. - 3000b s611521

2069. Nguyễn Quang Hồng. Quá trình phục dựng đền Quả Sơn và lễ hội đền Quả Sơn từ năm 1995 đến năm 2025 / B.s.: Nguyễn Quang Hồng (ch.b.), Mai Thị Thanh Nga, Đặng Như Thường. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 155 tr., 20 tr. ảnh màu ; 24 cm. - 220b
Thư mục: tr. 151-153 s611452

2070. Nguyễn Thanh. Thái Bình - Vùng văn hoá bên bờ biển Đông / Nguyễn Thanh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 991 tr. : ảnh ; 24 cm. - 485200đ. - 500b
Phụ lục: tr. 930-977 s611997

2071. Nguyễn Trà My. Quá trình hình thành và phát triển của tầng lớp quý tộc Gentry Anh (thế kỉ XI - XVII) / Nguyễn Trà My. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 171 tr. : ảnh ; 24 cm. - 115000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 136-141. - Phụ lục: tr.142-171 s611840

2072. Nguyễn Văn Khoan. Dấu chân những người yêu nước / Nguyễn Văn Khoan. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 175 tr. : ảnh ; 20 cm. - 85000đ. - 1000b s611790

2073. Nhà Lý suy vong / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Lê Văn Năm ; Tranh: Nguyễn Quang Vinh ; Tô màu: Nguyễn Thuỳ Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 82 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 165000đ. - 2000b s611813

2074. Rồng Đại Việt trong lễ tế Nam Giao năm 1724 / Hội Cổ vật Trảng An - Ninh Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 46 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 170000đ. - 300b

Thư mục: tr. 41-46 s611579

2075. Sài Gòn - Paris Viễn Đông / John White, Jules Silvestre, A. Benoist de la Grandière... ; Dịch: Nguyễn Quang Diệu, Thanh Thư. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 338 tr. : minh hoạ ; 20 cm. - 140000đ. - 1000b s611803

2076. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh An Giang - Lớp 6 / Trần Thị Ngọc Diễm, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Trần Minh Hoàng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 27000đ. - 4030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613186

2077. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh An Giang - Lớp 7 / Trần Thị Ngọc Diễm, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Trần Minh Hoàng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 27000đ. - 4030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613187

2078. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh An Giang - Lớp 8 / Trần Thị Ngọc Diễm (tổng ch.b.), Trần Tuấn Khanh (ch.b.), Võ Thành An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 27000đ. - 4000b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613188

2079. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh An Giang - Lớp 11 / Trần Thị Ngọc Diễm (tổng ch.b.), Trần Tuấn Khanh (ch.b.), Võ Thành An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 27000đ. - 2100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613189

2080. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng - Lớp 11 / Phạm Thị Hồng Hải (tổng ch.b.), Trần Đức Lợi (ch.b.), Nguyễn Quốc Tuý... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 24000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Sở Giáo dục và Đào tạo s613191

2081. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 6 / Nguyễn Thanh Tiệp, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Lê Thị Song An (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 27000đ. - 10030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613196

2082. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 7 / Nguyễn Quang Thái, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Diệp (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 26000đ. - 10030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613197

2083. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 8 / Nguyễn Quang Thái, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Diệp (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 24000đ. - 8030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613198

2084. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 10 / Nguyễn Quang Thái, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Diệp (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 36000đ. - 5030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613199

2085. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 11 / Nguyễn Quang Thái, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Diệp (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 5030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s613200

2086. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 7 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Lê Thị Bích Hồng (ch.b.), Lưu Đức Hạnh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 15000đ. - 20200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613205

2087. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 8 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Trần Viết Lưu (ch.b.), Lê Thị Bích Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 22000đ. - 20200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613206

2088. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 9 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Trần Viết Lưu (ch.b.), Lê Thị Bích Hồng, Nguyễn Quốc Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 23000đ. - 23200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613207

2089. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 10 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Trần Viết Lưu (ch.b.), Lê Thị Bích Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 17000đ. - 7500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613208

2090. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 11 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Lê Thị Bích Hồng (ch.b.), Trần Viết Lưu, Bùi Thị Oanh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 15200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613209

2091. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá - Lớp 12 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Lê Thị Bích Hồng (ch.b.), Trần Việt Lưu. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 8200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Sở Giáo dục và Đào tạo s613210

2092. Thành lập nhà Trần / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Tôn Nữ Quỳnh Trân ; Tranh: Nguyễn Đức Hoà ; Tô màu: Nguyễn Thuỳ Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 140000đ. - 1500b s611815

2093. Thành lập nhà Trần / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Tôn Nữ Quỳnh Trân ; Tranh: Nguyễn Trung Tín ; Tô màu: Nguyễn Thuỳ Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 65000đ. - 2000b s611792

2094. Trần Quang Tám. Đoàn Hồng Kỳ - Cuộc đời và sự nghiệp (1913 - 1990) / Trần Quang Tám b.s. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 264 tr. : ảnh ; 21 cm. - 510b

Phụ lục: tr. 213-256. - Thư mục: tr. 257-261 s611527

2095. Trương Hữu Quýnh. Đại cương lịch sử Việt Nam / B.s.: Trương Hữu Quýnh (ch.b.), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh. - Tái bản lần thứ 21. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 140000đ. - 700b

T.1: Từ thời nguyên thủy đến năm 1858. - 2025. - 487 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 481-483 s612143

2096. Vân Trinh. Dấu ấn một thời : Ký sự, ghi chép / Vân Trinh. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 207 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 200b s611475

2097. Võ Chót. Những nẻo đường chiến trận : Hồi ký / Võ Chót. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Võ Văn Chót s611977

2098. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Lịch sử : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Xuân Trường (ch.b.), Nguyễn Thị Bích, Lưu Hoa Sơn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 3000b s613085

2099. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Xuân Trường (ch.b.), Lê Thị Huyền, Lưu Hoa Sơn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : bảng ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s613111

2100. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Xuân Trường (ch.b.), Lê Thị Huyền, Ngô Thị Hiền Thuý. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : bảng ; 27 cm. - 49000đ. - 3000b s613112

2101. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Lịch sử / Đinh Ngọc Bảo (ch.b.), Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 5000b s613103

2102. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Lịch sử / Nghiêm Đình Vỹ, Phạm Thị Thanh Huyền, Lưu Thị Minh Nguyệt. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 5000b s613104

2103. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Lưu Thị Minh Nguyệt, Hoàng Thanh Tú. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 3000b s613105

2104. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 2000b s613110

ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

2105. Bài tập Địa lí 10 / Lê Huỳnh (ch.b.), Nguyễn Đình Cử, Vũ Thị Hằng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 16000b s612217

2106. Bài tập Địa lí 10 / Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (ch.b.), Đỗ Thị Hoài... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 4000b s612235

2107. Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Vũ Thị Hằng, Lê Huỳnh, Phí Công Việt. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 228510b s612219

2108. Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Địa lí / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Phạm Thị Bình (ch.b.), Nguyễn Hữu Bách... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 101000b s612240

2109. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Địa lí / Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 207717b s612220

2110. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Địa lí / Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (ch.b.), Vũ Thị Bắc... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 63000b s612241

2111. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 242189b s612221

2112. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí / Phan Văn Phú (ch.b.), Trần Ngọc Điệp, Tạ Đức Hiếu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 47000b s612242

2113. Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí / Huỳnh Phẩm Dũng Phát (ch.b.), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 35000b s612243

2114. Bài tập phát triển năng lực Lịch sử và Địa lí 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trịnh Đình Tùng, Đặng Văn Đức (ch.b.), Nguyễn Nam Phóng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 175 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 59000đ. - 3000b s613118

2115. Bài tập phát triển năng lực Lịch sử và Địa lí 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Côi, Bùi Quỳnh Như (ch.b.), Hoàng Hải Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 3000b s613120

2116. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Địa lí / Nguyễn Phương Liên (ch.b.), Đỗ Anh, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Thanh Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 36000đ. - 5000b s612233

2117. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí / Nguyễn Phương Liên (ch.b.), Đỗ Anh, Đỗ Thị Thanh Nga, Tạ Quỳnh Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s612234

2118. Chuyên đề học tập Địa lí 10 / Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (ch.b.), Hoàng Thị Kiều Oanh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 6000đ. - 53000b s613099

2119. Chuyên đề học tập Địa lí 11 / Mai Phú Thanh, Hoàng Trọng Tuân (ch.b.), Bùi Vũ Thanh Nhật... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 48000b s613087

2120. Chuyên đề học tập Địa lí 12 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Sơn (ch.b.), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 72960b s613102

2121. Địa lí 10 / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 152 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16900đ. - 112000b s613096

2122. Địa lí 12 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Sơn (ch.b.), Nguyễn Đình Cử... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 175 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 90000b s613117

2123. Hoàng Phụng Hiếu. 5 chuyến chinh phục châu Nam Cực : Cẩm nang du lịch Nam Cực / Hoàng Phụng Hiếu, Sebastián Arrebola, Shoshanah Jacobs. - H. : Thế giới, 2025. - 491 tr. : ảnh ; 23 cm. - 369000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 447-489 s611730

2124. Lịch sử và Địa lí 6 / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Hà Bích Liên, Phạm Thị Bình (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 200 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 26800đ. - 200000b s613093

2125. Lịch sử và Địa lí 6 / Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 199 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 26800đ. - 163000b s613114

2126. Lịch sử và Địa lí 7 / Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (ch.b.), Nguyễn Đức Hoà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 24700đ. - 150000b s613092

2127. Lịch sử và Địa lí 8 / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Hà Bích Liên, Phan Văn Phú (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 172 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 258000b s613094

2128. Lịch sử và Địa lí 9 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 239 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 31000đ. - 138000b s613115

2129. Lịch sử và Địa lí 9 / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 248 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 31000đ. - 186000b s613095

2130. Phụng Zoe Lê. Tự do không phải về một chiều : Viết cho những khủng hoảng tuổi 20 và 30 - Từ một hành trình sống trên bốn châu lục / Phụng Zoe Lê. - H. : Công Thương, 2025. - 348 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s612097

2131. Tập bản đồ Bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 6: Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đào Ngọc Hùng, Phan Văn Phú, Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Thanh Xuân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 21000đ. - 2500b s613121

2132. Tập bản đồ Bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 7: Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phan Ngọc Huyền, Nguyễn Hải Nam, Vũ Thị Phụng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 21000đ. - 700b s613122

2133. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 6 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đinh Ngọc Bảo (ch.b.), Lưu Hoa Sơn, Lương Thị Hoa... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 36000đ. - 10000b
Thư mục cuối chính văn s613123

2134. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 7 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nghiêm Đình Vỳ, Lương Thị Hoa, Nguyễn Thị Hoà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 37000đ. - 10000b
Thư mục cuối chính văn s613124

2135. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 8 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Phạm Văn Hải, Lưu Hoa Sơn... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 38000đ. - 10000b s613125

2136. Trương Mộng Loan. Giáo trình Địa lý du lịch thể giới / Trương Mộng Loan, Trịnh Thị Kim Thơ, Nguyễn Diễm Phúc. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 312 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 399000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long. Khoa Sư phạm Kỹ thuật và Xã hội Nhân văn. - Thư mục: tr. 220-225. - Phụ lục: tr. 226-308 s611602

2137. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Địa lí : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Đỗ Anh Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà, Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Phương Liên. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 3000b s613084

2138. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Phí Công Việt. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 5000b s613106

2139. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Địa lí / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 5000b s613107

2140. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí / Phí Công Việt, Phạm Thị Thu Phương, Đỗ Trang Nhung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 3000b s613108

2141. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí / Nguyễn Trọng Đức, Nguyễn Tú Linh, Tạ Quỳnh Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 5000b s613109